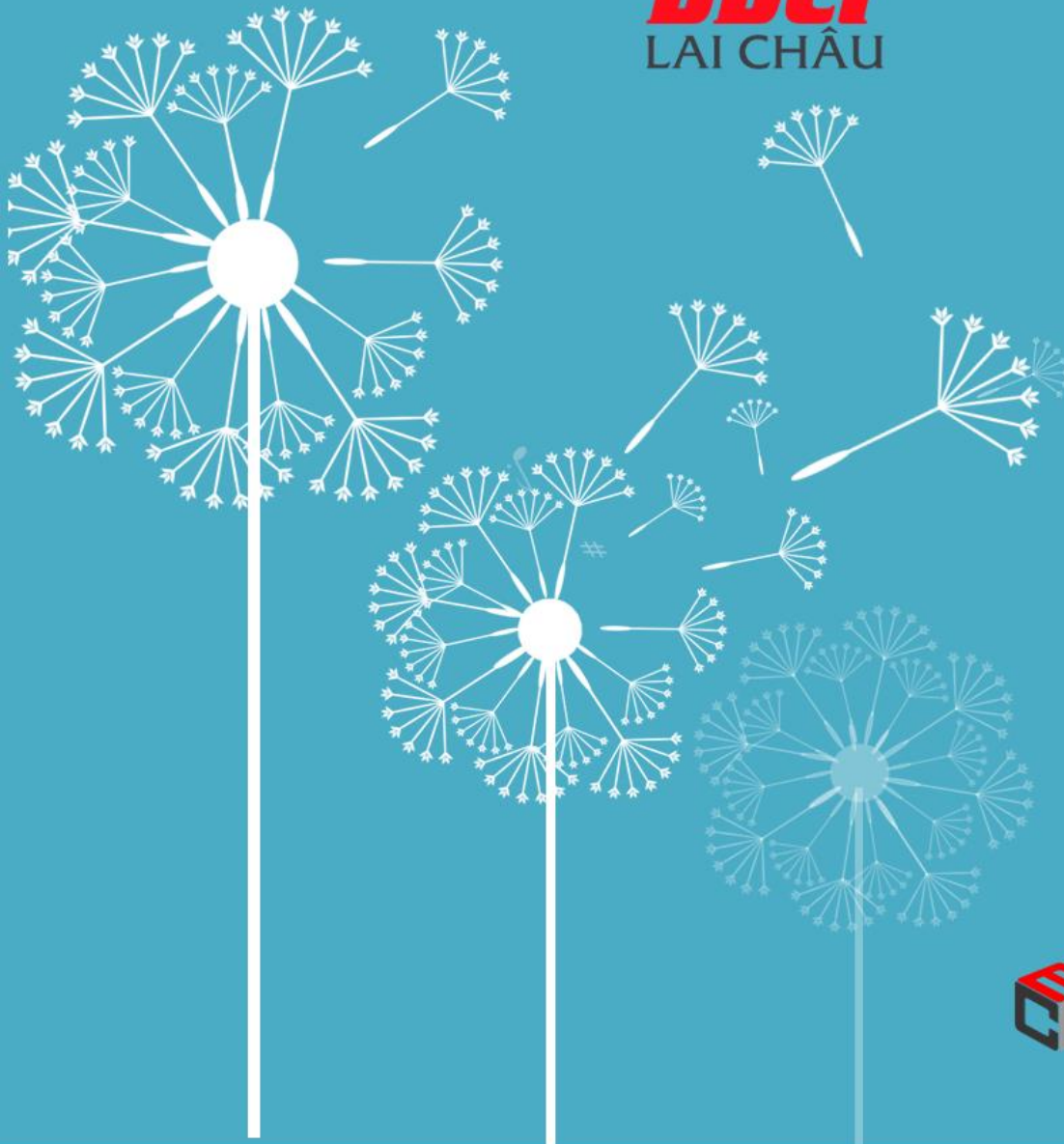




ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

BÁO CÁO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG TỈNH LAI CHÂU NĂM 2022

DDCI
LAI CHÂU



 **economica**

Đơn vị chủ trì, quản lý và thực hiện

UBND tỉnh Lai Châu

Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu

Cục Thống kê Lai Châu

Economica Vietnam

Nhóm chuyên gia

Lê Duy Bình

Phạm Tiến Dũng

Đông Thị Kiều Trang

Phạm Minh Tuyết

Nguyễn Thúy Nhị

Trần Thị Phương

Lê Quỳnh Chi



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

BÁO CÁO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG TỈNH LAI CHÂU NĂM 2022



Tháng 12/2022



MỞ ĐẦU

Chi số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương năm 2022 (DDCI năm 2022) là công trình đánh giá thực tiễn năm thứ ba về năng lực điều hành kinh tế và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại các Sở, ban, ngành và địa phương của tỉnh Lai Châu.

Kết quả đánh giá DDCI Lai Châu năm 2022 là việc thực hiện nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu giao Sở Kế hoạch và Đầu tư - Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch phối hợp với đơn vị tư vấn nghiên cứu, xây dựng báo cáo đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương năm 2022, Cục Thống kê tỉnh thực hiện khảo sát DDCI Lai Châu 2022; đơn vị tư vấn phân tích dữ liệu, hoàn thiện báo cáo đánh giá DDCI 2022.

Bộ Chỉ số DDCI năm 2022 được xây dựng dựa trên cơ sở tình hình thực tiễn tại tỉnh, kế thừa kết quả khảo sát Bộ Chỉ số DDCI tỉnh Lai Châu năm 2020 và năm 2021; tham khảo Bộ chỉ số PCI của VCCI và một số mô hình khảo sát chỉ số DDCI của các tỉnh, thành trên cả nước. Một số nội dung được cập nhật để khắc phục hạn chế của Bộ chỉ số DDCI các năm trước đó; hiệu chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và xu hướng khảo sát chỉ số PCI và chỉ số DDCI hiện nay của các tỉnh, thành trên cả nước.

Với sự tham gia khảo sát của hơn 1.200 doanh nghiệp, báo cáo DDCI Lai Châu năm 2022 nêu lên tiếng nói của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hơn nữa, báo cáo này cũng khẳng định chính sách nhất quán về công tác điều hành kinh tế của tỉnh Lai Châu nói chung cũng như của các sở, ban, ngành và địa phương nói riêng. Đồng thời, báo cáo DDCI Lai Châu năm 2022 cũng chỉ ra những mặt còn tồn tại, hạn chế cần phải khắc phục và sự cầu thị, lắng nghe doanh nghiệp. DDCI giúp tất cả các đơn vị tham gia đánh giá, phân tích bức tranh chi tiết hơn về năng lực, kết quả và tác động của hoạt động điều hành kinh tế. Thông qua DDCI, tỉnh Lai Châu chân thành chuyên thông điệp đến cộng đồng doanh nghiệp về tầm nhìn phát triển hướng đến môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, công khai và hướng tới sự phát triển doanh nghiệp bền vững.

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| MỞ ĐẦU | 4 |
| DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT..... | 6 |
| DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ, HÌNH..... | 7 |
| CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHUNG | 10 |
| 1.1. Bối cảnh và sự cần thiết..... | 10 |
| 1.2. Chỉ số thành phần và các chỉ tiêu..... | 10 |
| 1.3. Quy trình thực hiện DDCI 2022..... | 12 |
| 1.4. Tổ chức thực hiện..... | 13 |
| 1.5. Đặc điểm mẫu khảo sát năm 2022..... | 13 |
| CHƯƠNG II: CẢM NHẬN CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH..... | 18 |
| 2.1. Tình hình và triển vọng kinh doanh nhìn từ DDCI cấp Sở, ban, ngành..... | 18 |
| 2.2. Tình hình và triển vọng kinh doanh nhìn từ DDCI cấp địa phương..... | 19 |
| CHƯƠNG III: CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH..... | 22 |
| 3.1. Kết quả điểm số DDCI cấp Sở, ban, ngành..... | 22 |
| 3.2. Sự thay đổi kết quả của các Sở, ban, ngành..... | 24 |
| 3.3. Kết quả các chỉ số thành phần..... | 27 |
| 3.4. Kết luận tổng quan về điểm số và xếp hạng các Sở, ban, ngành trong DDCI Lai Châu năm 2022..... | 38 |
| CHƯƠNG IV: CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP ĐỊA PHƯƠNG..... | 41 |
| 4.1. Kết quả điểm số DDCI cấp địa phương | 41 |
| 4.2. Sự thay đổi kết quả của các địa phương..... | 42 |
| 4.3. Kết quả các chỉ số thành phần..... | 44 |
| 4.4. Kết luận tổng quan về điểm số và xếp hạng các địa phương trong DDCI Lai Châu năm 2022..... | 54 |
| CHƯƠNG V: KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT..... | 57 |
| 5.1. Kết luận..... | 57 |
| 5.2. Đề xuất chi tiết cho các cơ quan..... | 59 |
| 5.3. Đề xuất cho khảo sát DDCI Lai Châu các năm tới..... | 65 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO..... | 67 |
| PHỤ LỤC..... | 69 |



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|------------------------|--|
| BHXH | Bảo hiểm xã hội |
| BQL KKTCK CK | Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu |
| CCHC | Cải cách hành chính |
| CNTT | Công nghệ thông tin |
| CSTP | Chỉ số thành phần |
| DDCI | Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương |
| ĐKKD | Đăng ký kinh doanh |
| DN | Doanh nghiệp |
| DNNVV | Doanh nghiệp nhỏ và vừa |
| GD&ĐT | Giáo dục & Đào tạo |
| GTVT | Giao thông vận tải |
| HKD | Hộ kinh doanh |
| HTX | Hợp tác xã |
| KH&CN | Khoa học & Công nghệ |
| KH&ĐT | Kế hoạch và Đầu tư |
| LĐ-TB&XH | Lao động - Thương binh & Xã hội |
| NN&PTNT | Nông nghiệp & Phát triển nông thôn |
| PCCC | Phòng cháy chữa cháy |
| PCI | Provincial Competitiveness Index (Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh) |
| QLNN | Quản lý nhà nước |
| SXKD | Sản xuất kinh doanh |
| TTHC | Thủ tục hành chính |
| UBND | Ủy ban nhân dân |
| VBQPPL | Văn bản quy phạm pháp luật |
| VCCI | Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam |
| VH, TT & DL | Văn hóa, Thể thao và Du lịch |



DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ, HÌNH

Danh mục bảng

| | |
|--|----|
| Bảng 1.1. Mẫu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2022..... | 14 |
| Bảng 1.2. Mẫu khảo sát DDCI cấp địa phương năm 2022..... | 15 |
| Hình 4.1. Bản đồ kết quả DDCI cấp địa phương tỉnh Lai Châu năm 2022..... | 42 |

Danh mục biểu đồ

| | |
|--|----|
| Biểu đồ 1.1. Tỷ lệ trong mẫu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2022 theo lĩnh vực..... | 15 |
| Biểu đồ 1.2. Tỷ lệ hộ kinh doanh hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau trong khảo sát..... | 16 |
| Biểu đồ 2.1. Tình hình sản xuất kinh doanh của các DN/HTX qua DDCI cấp Sở, ban, ngành..... | 18 |
| Biểu đồ 2.2. Triển vọng kinh doanh của các DN/HTX qua DDCI cấp Sở, ban, ngành..... | 18 |
| Biểu đồ 2.3. Tỷ lệ theo doanh thu của các HKD qua DDCI cấp địa phương năm 2022..... | 19 |
| Biểu đồ 2.4. Triển vọng kinh doanh của các HKD qua DDCI cấp địa phương năm 2022 | 19 |
| Biểu đồ 3.1. Điểm số DDCI Lai Châu cấp Sở, ban, ngành năm 2022..... | 22 |
| Biểu đồ 3.2. Điểm số DDCI Lai Châu khối Sở năm 2022 | 23 |
| Biểu đồ 3.3. Điểm số DDCI Lai Châu khối các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh..... | 24 |
| Biểu đồ 3.4. Mức thay đổi điểm số của các Sở, ban, ngành trong DDCI năm 2022 và 2021 | 24 |
| Biểu đồ 3.5. Thay đổi về thứ hạng của các Sở, ban, ngành trong DDCI năm 2022 và 2021 | 25 |
| Biểu đồ 3.6. Thay đổi về thứ hạng của các Sở thuộc tỉnh DDCI năm 2022 và 2021 | 26 |
| Biểu đồ 3.7. Thay đổi về thứ hạng của các cơ quan Trung ương DDCI năm 2022 và 2021..... | 27 |
| Biểu đồ 3.8. Điểm số CSTP “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” | 28 |
| Biểu đồ 3.9. Chỉ tiêu “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC | 28 |
| Biểu đồ 3.10. Điểm số CSTP “Tính năng động của Sở, ban, ngành”..... | 29 |
| Biểu đồ 3.11. Điểm số CSTP “Chi phí thời gian”..... | 30 |
| Biểu đồ 3.12. Tỷ lệ DN/HTX đánh giá số lần thanh tra, kiểm tra của DN/HTX..... | 31 |
| Biểu đồ 3.13. Điểm số CSTP “Chi phí không chính thức” | 31 |
| Biểu đồ 3.14. Chỉ tiêu “Chi phí không chính thức năm 2022 có xu hướng giảm so với các năm trước” | 32 |
| Biểu đồ 3.15. Điểm số CSTP “Cạnh tranh bình đẳng” | 33 |
| Biểu đồ 3.16. Điểm số CSTP “Hỗ trợ doanh nghiệp” | 34 |
| Biểu đồ 3.17. Tỷ lệ DN/HTX tham gia vào các chương trình hỗ trợ và đối thoại..... | 34 |
| Biểu đồ 3.18. Điểm số CSTP “Thiết chế pháp lý” | 35 |
| Biểu đồ 3.19. Tỷ lệ DN/HTX biết về cơ chế giải quyết khiếu nại..... | 36 |
| Biểu đồ 3.20. Điểm số CSTP “Vai trò người đứng đầu” | 36 |
| Biểu đồ 3.21. Điểm số CSTP “Ứng dụng công nghệ thông tin”..... | 37 |
| Biểu đồ 3.22. Tỷ lệ DN/HTX đánh giá “Thường xuyên truy cập vào website của Sở, ban, ngành để tìm kiếm các thông tin mà doanh nghiệp mong muốn” | 38 |
| Biểu đồ 4.1. Điểm số của DDCI Lai Châu cấp địa phương năm 2022 | 41 |
| Biểu đồ 4.2. Mức thay đổi điểm số của các địa phương trong DDCI năm 2022 và 2021..... | 43 |
| Biểu đồ 4.3. Mức thay đổi thứ hạng của các địa phương trong DDCI năm 2022 và 2021 | 43 |
| Biểu đồ 4.4. Điểm số CSTP “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” | 44 |
| Biểu đồ 4.5. Tỷ lệ các HKD đã từng truy cập vào cổng thông tin điện tử (website) của địa phương để tìm kiếm, thông tin..... | 45 |
| Biểu đồ 4.6. Điểm số CSTP “Tính năng động của địa phương”..... | 45 |
| Biểu đồ 4.7. Điểm số CSTP “Chi phí thời gian”..... | 46 |

| | |
|---|----|
| Biểu đồ 4.8. Tỷ lệ số lần các đoàn công tác thanh tra, kiểm tra của HKD ở địa phương..... | 47 |
| Biểu đồ 4.9. Điểm số CSTP “Chi phí không chính thức” | 48 |
| Biểu đồ 4.10. Chỉ tiêu chi phí không chính thức năm có xu hướng giảm so với các năm trước | 48 |
| Biểu đồ 4.11. Điểm số CSTP “Cạnh tranh bình đẳng” | 49 |
| Biểu đồ 4.12. Điểm số CSTP “Hỗ trợ doanh nghiệp” | 50 |
| Biểu đồ 4.13. Tỷ lệ HKD tham gia các chương trình hỗ trợ và tham gia các buổi đối thoại..... | 50 |
| Biểu đồ 4.14. Điểm số CSTP “Thiết chế pháp lý” | 51 |
| Biểu đồ 4.15. Điểm số CSTP “Vai trò người đứng đầu” | 52 |
| Biểu đồ 4.16. Điểm số CSTP “Ứng dụng công nghệ thông tin” | 53 |
| Biểu đồ 4.17. Điểm số CSTP “Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất” | 54 |

CHƯƠNG I GIỚI THIỆU CHUNG





CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. Bối cảnh và sự cần thiết

Những năm gần đây, nâng cao năng lực cạnh tranh đã mang lại nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế cho Việt Nam. Chính vì vậy, dù ở cấp độ quốc gia hay địa phương, vai trò của cải thiện môi trường kinh doanh trở thành nhiệm vụ, động lực cải cách mạnh mẽ và thiết yếu. Tiếp nối sự thành công của chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), nhiều địa phương trong cả nước đã xây dựng chương trình hành động, cải thiện riêng cho mình và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Trong đó, Lai Châu cũng là một trong những địa phương có nhiều hành động thiết thực nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh một cách thực chất. Những nỗ lực này được thể hiện một phần thông qua kết quả năng lực cạnh tranh của Lai Châu (đo lường thông qua PCI). Cụ thể, thứ hạng của tỉnh Lai Châu trong bảng xếp hạng Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tăng 1 bậc từ 57 lên 56 trong bảng tổng hợp xếp hạng chỉ số PCI toàn quốc. Tuy nhiên, điểm số PCI của tỉnh Lai Châu năm 2021 là 61,22 (giảm 0,76 điểm so với năm 2020). Vì vậy, để tiếp tục duy trì, đẩy mạnh những nỗ lực của chính quyền tỉnh và nâng cao chỉ số PCI của tỉnh trong thời gian tới, tỉnh Lai Châu đã ban hành Kế hoạch số 2505/KH-UBND về Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Lai Châu năm 2022. Đồng thời, tỉnh Lai Châu cũng ban hành Quyết định số 1198/QĐ-UBND về việc phê duyệt Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương tỉnh Lai Châu. Cách thực hiện này được đánh giá là một bước đi mạnh mẽ và nỗ lực cải cách của Lai Châu hướng tới cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh một cách toàn diện.

Báo cáo DDCI Lai Châu năm 2022 một lần nữa khẳng định chính sách nhất quán về công tác điều hành kinh tế của tỉnh Lai Châu nói chung cũng như của Sở, ban, ngành và địa phương; nhưng đồng thời cũng chỉ ra những mặt còn tồn tại, hạn chế cần phải khắc phục và cầu thị, lắng nghe các cơ sở SXKD. DDCI giúp tất cả các đơn vị tham gia đánh giá, phân tích bức tranh chi tiết hơn về năng lực, kết quả và tác động của hoạt động điều hành kinh tế. Thông qua DDCI, tỉnh Lai Châu mong muốn truyền tải thông điệp đến cộng đồng DN, HTX, HKD về tầm nhìn phát triển hướng đến môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, công khai và hướng tới sự phát triển doanh nghiệp bền vững.

1.2. Chỉ số thành phần và các chỉ tiêu

Vai trò nhiệm vụ, chức năng quản lý của các Sở, ban, ngành có sự khác biệt rất lớn so với các cơ quan chính quyền cấp huyện, thành phố. Bên cạnh đó, đối tượng phục vụ cũng như đối tượng có quan hệ tương tác thường xuyên giữa các Sở, ban, ngành và chính quyền huyện, thành phố cũng rất khác nhau. Trong khi các đối tượng phục vụ chính của các Sở, ban, ngành là doanh nghiệp (và một phần nhỏ là các HTX, HKD) thì các địa phương, đối tượng phục vụ chính lại là HKD (và một phần là với các DN, HTX). Vì lý do này để đảm bảo đánh giá chính xác, công bằng, DDCI được xây dựng gồm hai bộ chỉ số: (i) Chỉ số DDCI đối với cấp Sở, ban, ngành và (ii) Chỉ số DDCI cấp địa phương. Các chỉ số thành phần này có tính phổ quát chung và phù hợp với tất cả các đơn vị và do vậy là thang điểm chung với tất cả các đối tượng trong từng nhóm cơ quan chính quyền được đánh giá. Những chỉ số này được mô tả tóm tắt dưới đây:

- 1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin:** Chỉ số này đánh giá khả năng và sự dễ dàng khi DN, HTX, HKD có thể tiếp cận những thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh và mức độ hữu dụng của ứng dụng CNTT trong cung cấp thông tin tới các đối tượng kinh doanh.
- 2. Tính năng động:** Nội dung CSTP này tập trung vào các vấn đề như sự năng động, sáng tạo của các cơ quan chính quyền trong thực hiện các quy định chính sách của pháp luật và UBND tỉnh và hiệu quả trong giải quyết các vướng mắc, khó khăn để tạo thuận lợi cho các DN, HTX, HKD.
- 3. Chi phí thời gian:** Chi phí này đo lường thời gian mà các DN, HTX, HKD phải bỏ ra khi thực hiện TTHC và tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình sản xuất kinh doanh, cụ thể được đo lường bằng thời gian hay số lần đi lại cho việc tìm hiểu quy định, thủ tục, chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ, liên lạc, tiếp xúc với cơ quan có liên quan để thực hiện TTHC hoặc quy định của pháp luật, hoặc bằng thời gian DN, HTX, HKD phải dành cho việc tiếp các đoàn thanh tra, kiểm tra bởi các cơ quan quản lý.
- 4. Chi phí không chính thức:** Chỉ số này đánh giá về phạm vi và mức độ của các khoản chi phí không chính thức mà các DN, HTX, HKD phải bỏ ra khi thực hiện các TTHC, khi thực hiện các quy định pháp luật hoặc trong quá trình tương tác với các cơ quan chính quyền trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- 5. Cạnh tranh bình đẳng:** Chỉ số thành phần này đề cập đến sự đối xử công bằng giữa các cơ sở kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh khi gia nhập thị trường, khi tiếp cận các cơ hội kinh doanh, nguồn lực cần thiết cho quá trình sản xuất kinh doanh, khi tiếp cận các chương trình, chính sách hỗ trợ. Cạnh tranh bình đẳng trong phạm vi khảo sát DDCI đưa ra được hiểu là không có sự phân biệt đối xử giữa các đối tượng kinh doanh với nhau theo hình thức sở hữu, theo quy mô của cơ sở sản xuất kinh doanh hay theo mức độ thân hữu với cơ quan chính quyền (ví dụ giữa DNNN với các cơ sở kinh doanh thuộc khu vực tư nhân, giữa DN, HTX, HKD lớn với DN, HTX, HKD nhỏ, giữa DN, HTX, HKD với DN, HTX, HKD “thân hữu” với chính quyền, giữa HKD với DN, HTX).
- 6. Hỗ trợ doanh nghiệp:** Nội dung chỉ số này tập trung đến các lĩnh vực thuộc chức năng của các Sở, ban, ngành và địa phương trong việc thu hút đầu tư, tạo điều kiện giúp các cơ sở kinh tế phát triển tốt nhất và đo lường mức độ hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư, các chương trình, chính sách hỗ trợ có tác động tới hoạt động kinh doanh của các DN, HTX, HKD.
- 7. Thiết chế pháp lý:** Chỉ số thiết chế pháp lý nhằm xem xét, đánh giá các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố trong hiệu quả thực thi các quy định pháp luật, chính sách, chương trình trong phạm vi quản lý, hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cũng như công tác tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo của DN, HTX, HKD, tạo điều kiện thuận lợi, tránh các hành vi gây những phiền nhiễu, khó khăn cho đối tượng kinh doanh khi giải quyết các công việc, thủ tục hành chính.
- 8. Vai trò người đứng đầu:** Nội dung CSTP này tập trung vào các vấn đề như tính tiên phong, chủ động, tích cực của các cơ quan chính quyền trong thực hiện các quy định chính sách của pháp luật và UBND tỉnh và hiệu quả trong giải quyết các vướng mắc, khó khăn cũng như quyết liệt, kiên trì thực hiện các hành động cụ thể để tạo thuận lợi cho các DN, HTX, HKD.
- 9. Ứng dụng công nghệ thông tin:** CSTP này đánh giá thực trạng chuyển đổi số các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động của DN, HTX, HKD cũng như việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết các khó khăn, vướng mắc của DN, HTX, HKD.
- 10. Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất:** Chỉ số này chỉ áp dụng đối với DDCI địa phương (huyện, thành phố). Chỉ số này chỉ đo lường mức độ thuận lợi có được địa điểm kinh

doanh và tính minh bạch, hiệu quả của cơ chế giải quyết các thủ tục, quy trình về đất đai tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Các chỉ số thành phần của DDCI

DDCI CẤP SỞ, BAN, NGÀNH

Chỉ số thành phần của DDCI được sử dụng nhằm đánh giá năng lực điều hành của cấp Sở, ban, ngành bao gồm 09 chỉ số:

1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin
2. Tính năng động của Sở, ban, ngành
3. Chi phí thời gian
4. Chi phí không chính thức
5. Cạnh tranh bình đẳng
6. Hỗ trợ doanh nghiệp
7. Thiết chế pháp lý
8. Vai trò người đứng đầu
9. Ứng dụng công nghệ thông tin

DDCI CẤP ĐỊA PHƯƠNG

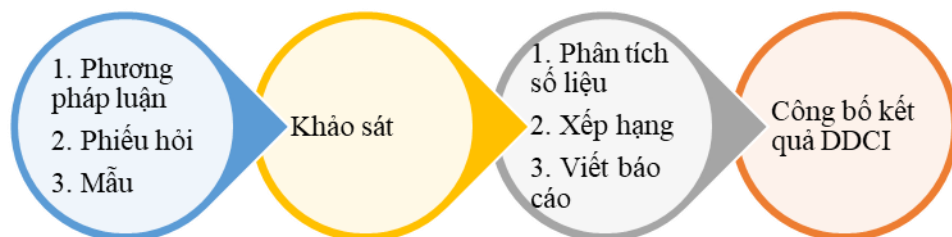
Chỉ số thành phần của DDCI được sử dụng nhằm đánh giá năng lực điều hành của cấp địa phương gồm 10 chỉ số như sau:

1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin
2. Tính năng động của địa phương
3. Chi phí thời gian
4. Chi phí không chính thức
5. Cạnh tranh bình đẳng
6. Hỗ trợ doanh nghiệp
7. Thiết chế pháp lý
8. Vai trò người đứng đầu
9. Ứng dụng công nghệ thông tin
10. Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất

1.3. Quy trình thực hiện DDCI 2022

Năm 2022 là năm thứ ba liên tiếp tỉnh Lai Châu triển khai đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI). Kết quả điều tra đã ghi nhận sự tham gia của các DN, HTX, HKD với 627 phiếu cấp Sở, ban, ngành và 600 phiếu cấp địa phương. Trong báo cáo này, các dữ liệu nếu không chú thích gì thêm sẽ được hiểu lấy từ kết quả của DN, HTX, HKD tham gia cuộc khảo sát DDCI Lai Châu năm 2022, không phải số liệu thứ cấp thống kê toàn bộ tại địa phương. DDCI Lai Châu 2022 được phối hợp thực hiện bởi UBND tỉnh Lai Châu - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh chủ trì phối hợp cùng Cục Thống kê tỉnh Lai Châu thực hiện điều tra khảo sát và Economica Vietnam là đơn vị tư vấn chuẩn bị các công tác chuẩn bị, xử lý số liệu, phân tích, xếp hạng và viết báo cáo.

Các bước triển khai DDCI Lai Châu năm 2022 được thực hiện theo các bước chính như sau:



Bước 1: Xây dựng phương pháp luận DDCI và phiếu điều tra: Xây dựng bộ chỉ số DDCI Lai Châu dựa trên việc nghiên cứu tình hình thực tiễn, đồng thời xây dựng các công cụ khảo sát và phân tích, xử lý dữ liệu.

Bước 2: Tiến hành điều tra đối với các cơ sở kinh tế (DN, HTX, HKD): DDCI Lai Châu khảo sát các DN, HTX, HKD thông qua khảo sát trực tiếp. Các phiếu thu về sẽ được rà soát nhằm đảm bảo chất lượng phiếu trả lời, sau đó sẽ được làm sạch và nhập liệu vào hệ thống xử lý dữ liệu.

Bước 3: Phân tích số liệu và xây dựng báo cáo xếp hạng: Đơn vị tư vấn sẽ thực hiện tổng hợp, phân tích, đánh giá dữ liệu khảo sát, điều tra DDCI năm 2022, tính toán điểm số và xếp hạng các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố từ đó xây dựng báo cáo DDCI tỉnh Lai Châu năm 2022.

Bước 4: Công bố kết quả DDCI.

1.4. Tổ chức thực hiện

❖ *Đối tượng được khảo sát*

Các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh, hợp tác xã đang hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh Lai Châu và có tương tác hoặc sử dụng dịch vụ hành chính công của các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện. Cụ thể:

- Đối với khối Sở, ban, ngành và khối các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh: Đối tượng khảo sát là các DN và HTX đang hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh Lai Châu và có tương tác hoặc sử dụng dịch vụ hành chính công.

- Đối với cấp huyện: Đối tượng khảo sát là các HTX và HKD cá thể đang hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh Lai Châu và có tương tác hoặc sử dụng dịch vụ hành chính công của UBND cấp huyện.

❖ *Đối tượng được đánh giá*

Việc khảo sát, đánh giá sẽ được tiến hành đối với các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện được lựa chọn trên cơ sở nghiên cứu chức năng, nhiệm vụ có liên quan đến cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ *Thời gian, thời kỳ thu thập dữ liệu*

Thời gian điều tra, khảo sát: Từ 01/11/2022-31/11/2022.

Thời kỳ thu thập dữ liệu: Các thông tin khảo sát liên quan tới cảm nhận của đối tượng về tình trạng của vấn đề được hỏi tại địa phương huyện (thành phố) mình và ở các Sở, ban, ngành trong năm 2022.

❖ *Loại điều tra*

Điều tra chọn mẫu chủ yếu bằng phỏng vấn (sample survey interview).

1.5. Đặc điểm mẫu khảo sát năm 2022

❖ **Mẫu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành**

Năm 2022, Lai Châu đánh giá 21 Sở, Ban, Ngành trên địa bàn tỉnh, thu về 627 phiếu do DN/HTX có thực hiện thủ tục hành chính hoặc sử dụng dịch vụ công tại các Sở, ban, ngành.

Bảng 1.1. Mẫu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2022

| Sở, ban, ngành | Số phiếu | Tỉ lệ % |
|--------------------------|------------|-------------|
| GTVT | 42 | 6,70 % |
| Công Thương | 42 | 6,70 % |
| Kế hoạch & Đầu tư | 41 | 6,54 % |
| Xây dựng | 40 | 6,38 % |
| Tài nguyên và Môi trường | 40 | 6,38 % |
| BHXH | 40 | 6,38 % |
| Thuế | 39 | 6,22 % |
| CA/PCCC | 39 | 6,22 % |
| QLTT | 38 | 6,06 % |
| NN&PTNT | 37 | 5,90 % |
| Lao động - TB&XH | 34 | 5,42 % |
| Tài chính | 30 | 4,78 % |
| GD&ĐT | 27 | 4,31 % |
| KH&CN | 26 | 4,15 % |
| Y tế | 26 | 4,15 % |
| Văn hóa, TT&DL | 22 | 3,51 % |
| TTTT | 21 | 3,35 % |
| Tư pháp | 20 | 3,19 % |
| Quản lý KKTCK | 10 | 1,59 % |
| Ngân hàng nhà nước | 8 | 1,28 % |
| Hải quan | 5 | 0,80 % |
| Tổng | 627 | 100% |

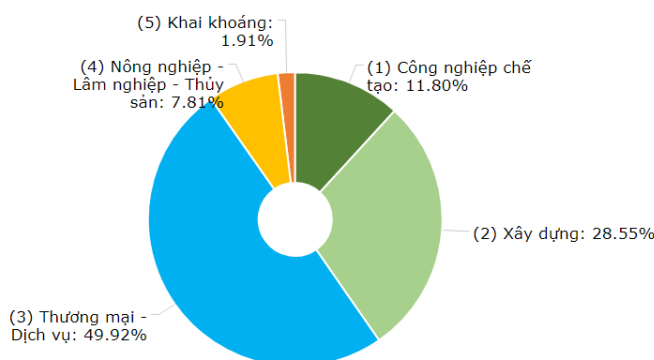
Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

Xét về thời gian thành lập, hầu hết các DN/HTX được thành lập trong vòng 10 năm trở lại đây, chỉ có khoảng 32,11% số DN/HTX được thành lập cách đây 10 năm trở lên. Tỷ lệ thành lập trong vòng 2 năm

trở lại đây là gần 13,90%. Theo quy mô lao động, hơn một nửa số DN/HTX tham gia khảo sát có quy mô nhỏ dưới 10 lao động và hơn 34% DN/HTX có quy mô dưới 50 lao động, quy mô trên 50 lao động chiếm tỉ lệ nhỏ khoảng 11%.

Xét về lĩnh vực sản xuất kinh doanh, 49,92% DN/HTX hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ, 28,55% DN/HTX hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, 11,80% DN/HTX hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp chế tạo, 7,81% DN/HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản và DN/HTX hoạt động trong lĩnh vực khai khoáng chiếm tỷ lệ 1,91%. DDCI quan tâm đến tất cả các doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh khác nhau, liên quan đến các Sở, ban, ngành. Mặc dù vậy, bức tranh tỷ lệ mẫu tại Lai Châu vẫn cho thấy những nét đặc trưng trong phân bố doanh nghiệp tại địa phương.

Biểu đồ 1.1. Tỷ lệ trong mẫu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2022 theo lĩnh vực



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Economica Vietnam và Sở KH&ĐT Lai Châu (2022)

❖ Mẫu khảo sát DDCI cấp địa phương

Năm 2022, DDCI cấp địa phương được tổng hợp và phân tích dựa trên ý kiến của 600 chủ cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn 08 huyện, thành phố của tỉnh Lai Châu.

Bảng 1.2. Mẫu khảo sát DDCI cấp địa phương năm 2022

| Địa phương | Số phiếu | Tỉ lệ % |
|--------------|----------|---------|
| Tp. Lai Châu | 160 | 26,67 % |
| H. Tân Uyên | 75 | 12,50 % |
| H. Phong Thổ | 70 | 11,67 % |
| H. Than Uyên | 70 | 11,67 % |
| H. Tam Đường | 60 | 10,00 % |
| H. Sin Hồ | 60 | 10,00 % |
| H. Mường Tè | 55 | 9,17 % |
| H. Nậm Nhùn | 50 | 8,33 % |

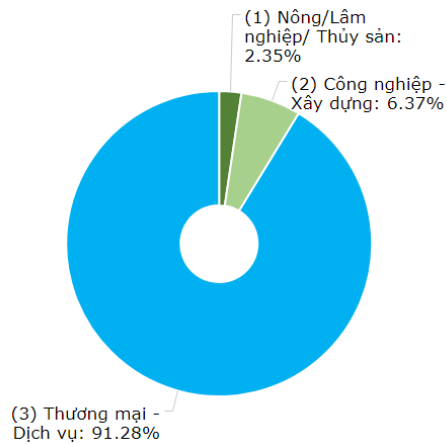
| Địa phương | Số phiếu | Tỉ lệ % |
|------------|----------|---------|
| Tổng | 600 | 100% |

Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và *Economica Vietnam* (2022)

Tính theo thời gian đăng kí kinh doanh, phần lớn các HKD đều hoạt động dưới 10 năm, chiếm 84,67% và còn lại 15,33% HKD hoạt động trên 10 năm. Quy mô của các HKD cũng đa phần là có quy mô nhỏ, lẻ với số lượng lao động dưới 10 người, chiếm hơn 96% HKD tham gia khảo sát.

Theo lĩnh vực ngành nghề, chiếm đa số là các hộ kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ (91,28%) tham gia khảo sát. Bên cạnh đó, DDCI ghi nhận 6,37% hộ kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, và 2,35 % hộ kinh doanh làm về nông - lâm nghiệp - thủy sản. Đây cũng là đặc điểm phổ biến của các hộ kinh doanh tại Việt Nam, chủ yếu tập trung vào buôn bán nhỏ, lẻ với số vốn ít.

Biểu đồ 1.2. Tỷ lệ hộ kinh doanh hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau trong khảo sát



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và *Economica Vietnam* (2022)

**CHƯƠNG II
CẢM NHẬN CHUNG
VỀ MÔI TRƯỜNG
KINH DOANH**

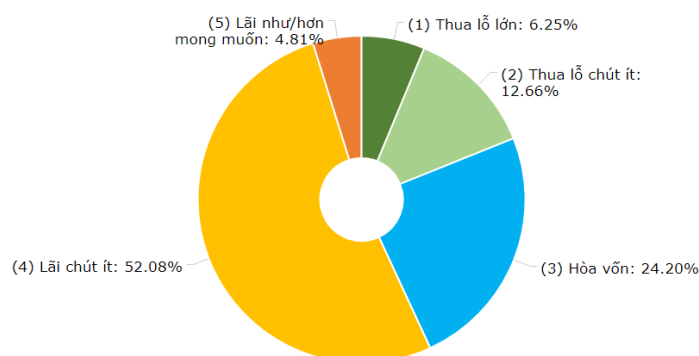


CHƯƠNG II: CẢM NHẬN CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

2.1. Tình hình và triển vọng kinh doanh nhìn từ DDCI cấp Sở, ban, ngành

Kết quả khảo sát DDCI Sở, ban, ngành đã ghi nhận có 56,89% các DN/HTX tham gia khảo sát làm ăn có lãi, thấp hơn khoảng 4% so với năm 2021 song tỉ lệ DN/HTX kinh doanh thua lỗ có giảm chút ít so với năm 2021 từ 20,33% xuống còn 18,91% năm 2022 và tỉ lệ hòa vốn cũng tăng lên 24,20% năm 2022.

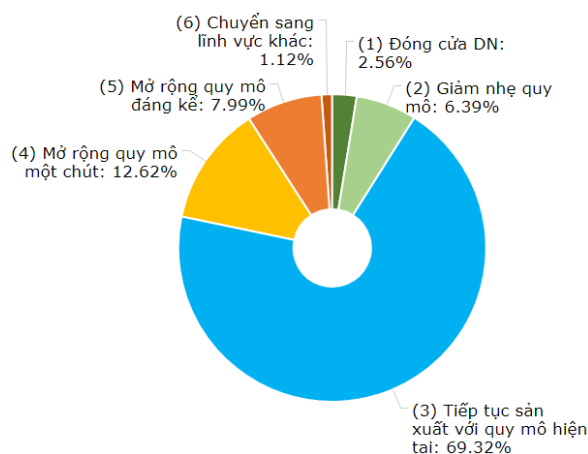
Biểu đồ 2.1. Tình hình sản xuất kinh doanh của các DN/HTX qua DDCI cấp Sở, ban, ngành



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Economica Vietnam và Sở KH&ĐT Lai Châu (2022)

Về triển vọng kinh doanh trong vòng 1-2 năm tiếp theo, so với năm 2021, dường như những ảnh hưởng từ dịch bệnh, đầu ra và thị trường đã khiến các DN/HTX trở lên thận trọng hơn trong việc mở rộng quy mô khi chiếm đa số với 69,32% các DN/HTX hy vọng duy trì ổn định được quy mô, tỉ lệ DN/HTX có dự định mở rộng quy mô là 20,61%, thấp hơn mức 28% năm 2021.

Biểu đồ 2.2. Triển vọng kinh doanh của các DN/HTX qua DDCI cấp Sở, ban, ngành

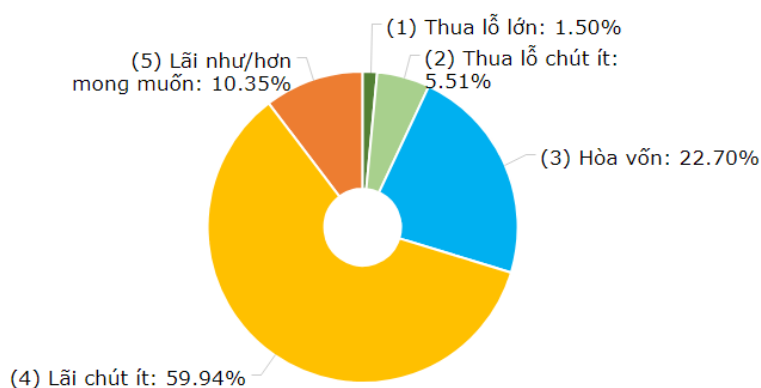


Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

2.2. Tình hình và triển vọng kinh doanh nhìn từ DDCI cấp địa phương

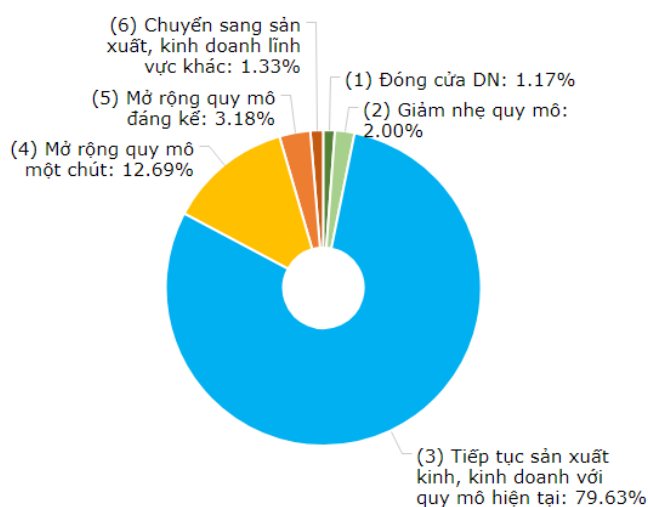
Năm 2022, dịch Covid-19 phần lớn đã được kiểm soát, theo kết quả khảo sát DDCI cấp huyện, phần lớn số HKD trong mẫu khảo sát DDCI cấp địa phương kinh doanh có lãi trong năm vừa qua - chiếm 70,29%, cao hơn mức 66% của năm 2021. Tuy nhiên, khi phân tích sâu hơn, chỉ có 10,35% HKD thực sự lãi như mong muốn; còn lại, 59,94% HKD có tỷ lệ lãi thấp, chút ít. Tỷ lệ HKD hòa vốn là 22,70% và chỉ có 7,01% số HKD phản ánh làm ăn thua lỗ trong năm vừa qua.

Biểu đồ 2.3. Tỷ lệ theo doanh thu của các HKD qua DDCI cấp địa phương năm 2022



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

Biểu đồ 2.4. Triển vọng kinh doanh của các HKD qua DDCI cấp địa phương năm 2022



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

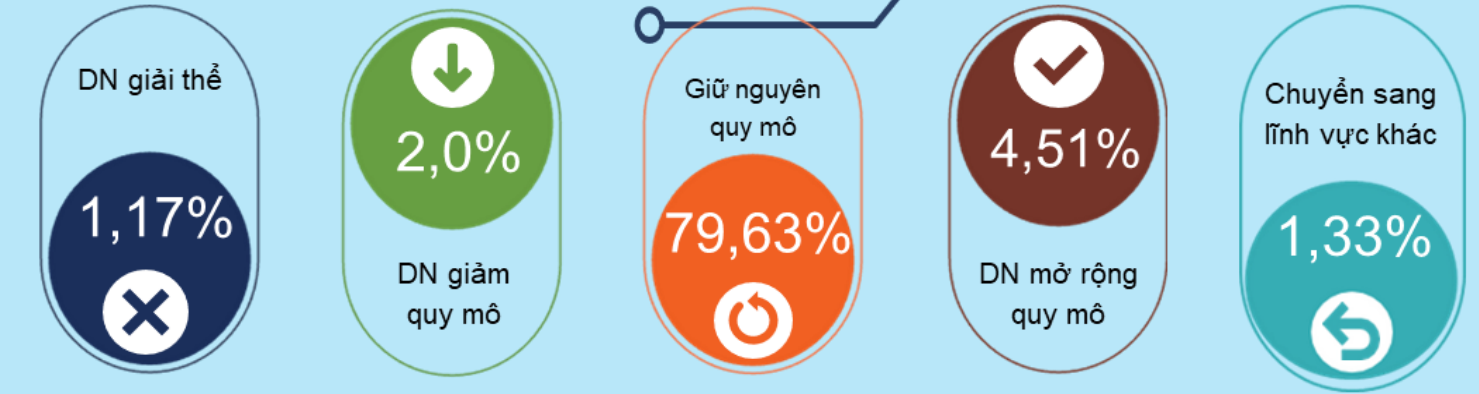
Năm 2022, nhiều HKD dần hồi phục, chủ động tìm hướng đi mới hoặc mở rộng sản xuất kinh doanh. Trong số các HKD tham gia khảo sát, 79,63% HKD cho rằng sẽ tiếp tục sản xuất, kinh doanh với quy mô hiện tại. 15,87% HKD mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, cao hơn 9,34% năm 2021; cụ thể, có 3,18% HKD cho rằng sẽ mở rộng quy mô đáng kể, còn lại 12,69% HKD cho rằng sẽ mở rộng quy mô một chút. Đáng chú ý, có 2% HKD sẽ giảm nhẹ quy mô, 1,33% HKD chuyển sang sản xuất, kinh doanh lĩnh vực khác và 1,17% HKD sẽ đóng cửa.

Như vậy, sau quá thời gian dài chống chọi với dịch bệnh Covid-19, sức khỏe của các DN, HTX, HKD đã bị ảnh hưởng ít nhiều. Mặc dù được dự báo đang trên đà phục hồi nhưng các DN, HTX, HKD lại gặp nhiều khó khăn từ biến động chuỗi cung ứng, đầu ra, thị trường và lãi suất, đã khiến tình hình kinh doanh trong năm 2022 tại tỉnh chưa có nhiều khởi sắc, nhất là với khối DN

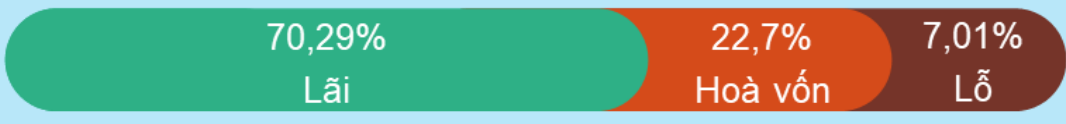


Triển vọng kinh doanh

**DDCI CẤP HUYỆN
KHẢO SÁT 600 HKD**



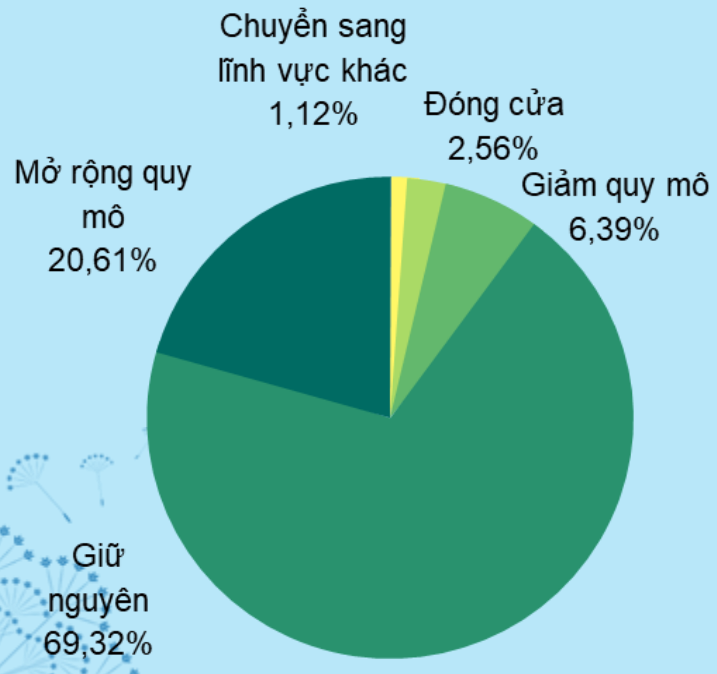
Tình hình kinh doanh



**DDCI SỞ BAN NGÀNH
KHẢO SÁT 627 DOANH NGHIỆP/HỢP TÁC XÃ**

Triển vọng kinh doanh

Tình hình kinh doanh



56,89%
DN kinh doanh có lãi



24,20%
DN hoà vốn

18,91%
DN kinh doanh thua lỗ





CHƯƠNG III
CHỈ SỐ NĂNG LỰC
CẠNH TRANH CẤP
SỞ, BAN, NGÀNH



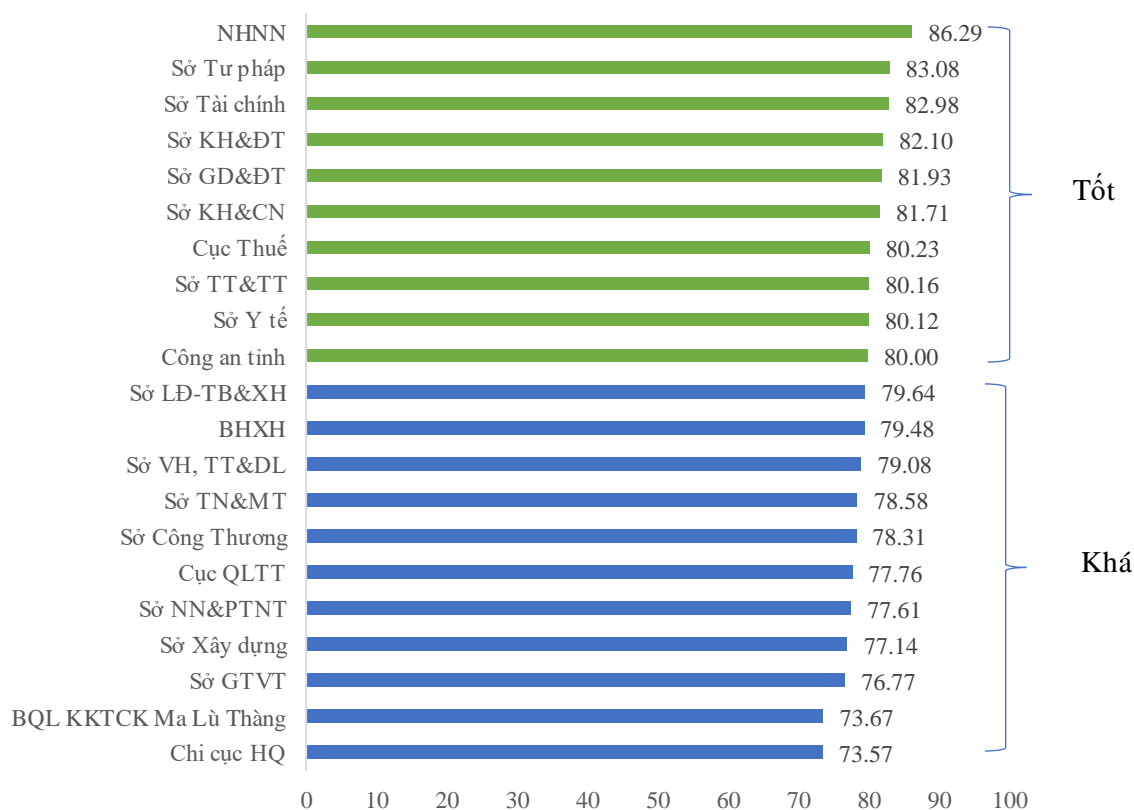


CHƯƠNG III: CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH

3.1. Kết quả điểm số DDCI cấp Sở, ban, ngành

Theo kết quả khảo sát DDCI năm 2022, 21 Sở, ban, ngành đã có những cải thiện khi đều thuộc nhóm điểm khá hoặc tốt, với dải điểm phân bố trong khoảng từ 73,57 điểm đến 86,29 điểm với điểm số trung bình toàn tỉnh là 79,53 điểm (xét theo thang điểm 100), cao hơn khoảng 27 điểm so với năm 2021.

Biểu đồ 3.1. Điểm số DDCI Lai Châu cấp Sở, ban, ngành năm 2022



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

Điểm số năm nay được phân chia làm 2 nhóm chính gồm:

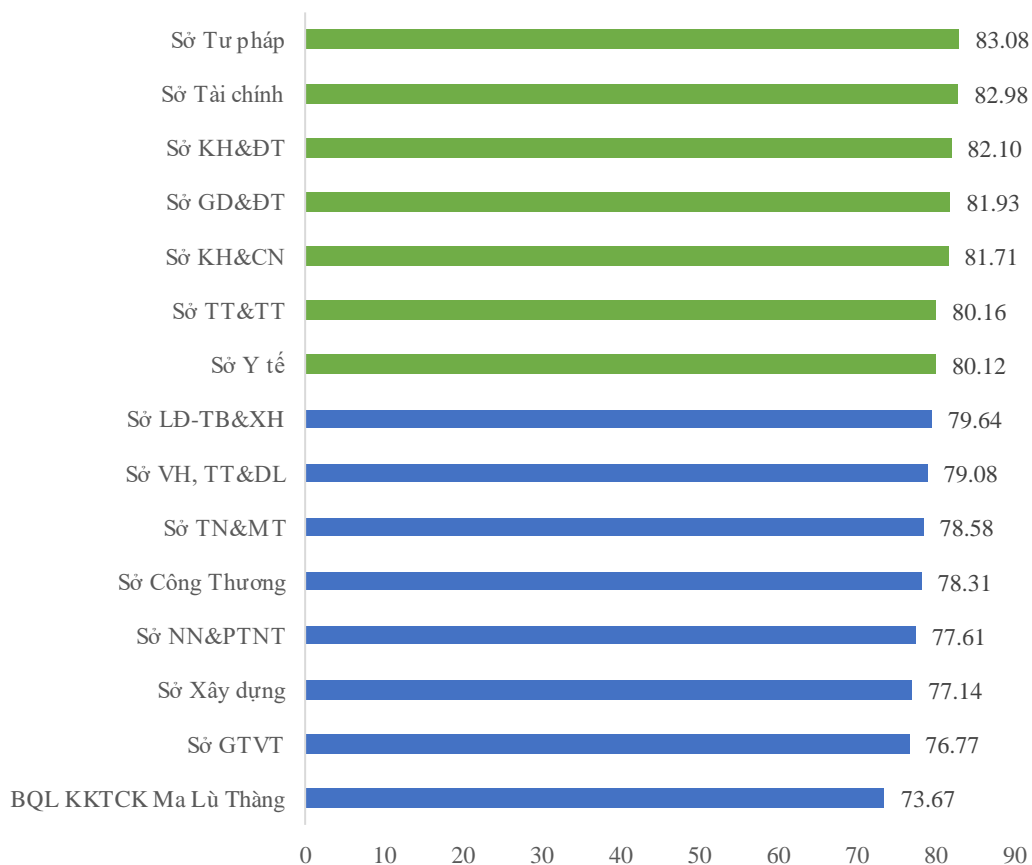
- *Nhóm điều hành tốt* gồm các cơ quan có điểm số trên 80 điểm: Ngân hàng nhà nước được đánh giá 86,29 điểm, là cơ quan được đánh giá kết quả tốt nhất. Xếp sau ở mức điểm 83,08 là Sở Tư pháp ở vị trí thứ hai, tiếp theo là Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư đạt mức điểm 82 điểm. Sở Giáo dục và Đào tạo với 81,93 điểm và Sở Khoa học và Công nghệ được đánh giá với mức điểm 81,71 điểm. Cục thuế, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Y tế và Công an tỉnh được đánh giá trong mức điểm 80.

- *Nhóm điều hành khá* gồm các cơ quan có mức điểm trong khoảng 70-80 điểm: Các cơ quan ở mức điểm 79 có Sở LĐ-TB&XH, BHXH và Sở VH, TT&DL. Sở TN&MT và Sở Công Thương cùng nằm trong mức điểm 78 điểm. Cục QLTT, Sở NN&PTNT, Sở Xây dựng thuộc nhóm cơ quan có mức điểm 77. Ba cơ quan đứng ở nhóm cuối bảng là Sở GTVT, BQL KKTCK CK Ma Lù Thàng và Chi cục Hải quan.

Có thể thấy các Sở, ban, ngành có điểm số chênh lệch không quá lớn, bám khá sát nhau. Khoảng cách giữa đơn vị đứng đầu và đứng cuối chỉ là 12,72 điểm theo thang điểm 100 và chỉ khoảng 1,27 điểm theo thang điểm 10. Điều này một mặt cho thấy chất lượng quản lý của các Sở, ban, ngành được đánh giá khá đồng đều một mặt cho thấy những thay đổi nhỏ về điểm số trong năm tới cũng có khả năng thay đổi điểm số và vươn lên của các Sở, ban, ngành.

Xét theo nhóm các Sở thuộc tỉnh, Sở Tư pháp và Sở Tài chính là hai cơ quan giữ vị trí đứng đầu bảng xếp hạng, thuộc nhóm điều hành tốt. Còn đứng cuối là Sở Xây dựng, Sở GTVT và BQL KKTCK CK với mức điểm thuộc nhóm khá.

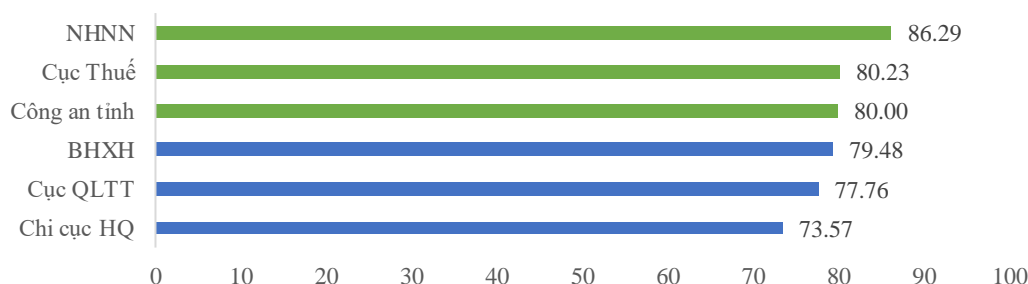
Biểu đồ 3.2. Điểm số DDCI Lai Châu khối Sở năm 2022



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

Xét theo nhóm các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh, Ngân hàng nhà nước tiếp tục đứng đầu khối này. Cục Thuế vươn lên vị trí thứ hai và thứ ba là Công an tỉnh, thuộc nhóm khá. Còn lại là BHXH, Cục QLTT, Chi cục HQ xếp ở nhóm cuối.

Biểu đồ 3.3. Điểm số DDCI Lai Châu khối các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

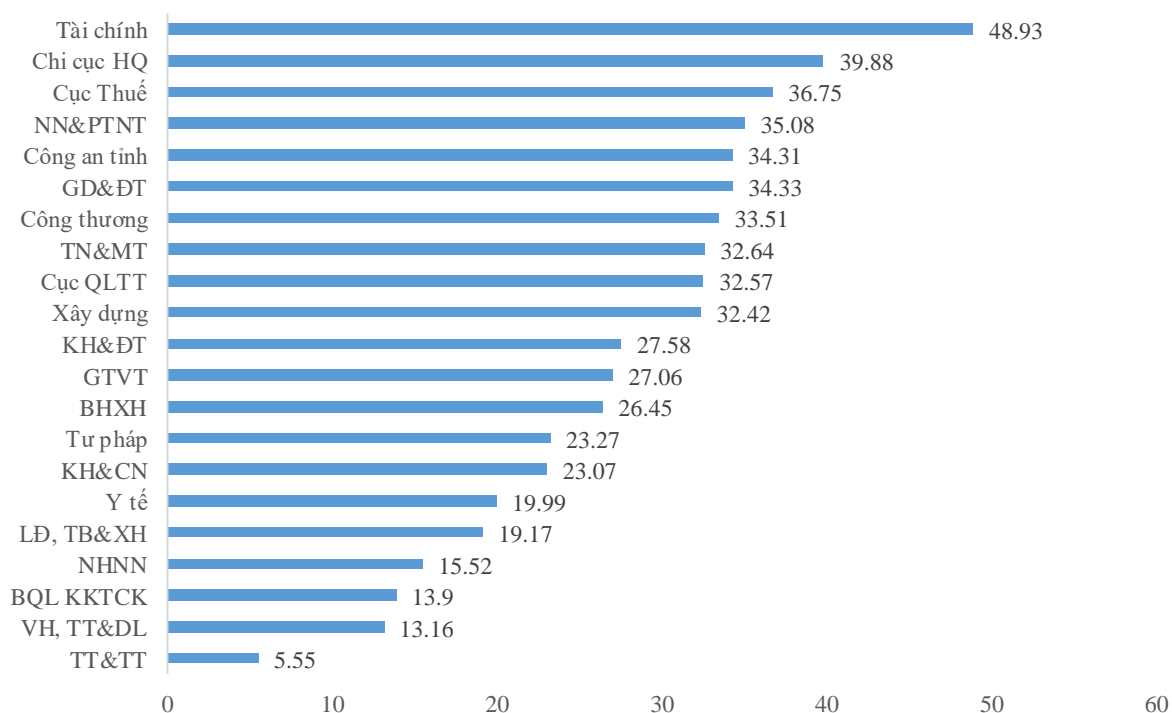
Trong 10 CSTP, chỉ số vai trò của người đứng đầu, tính năng động, cạnh tranh bình đẳng và tính minh bạch và tiếp cận thông tin được các DN/HTX đánh giá cao nhất khi các chỉ số này đều đạt mức điểm từ 8 điểm trở lên. Trong khi đó, chỉ số chi phí không chính thức nhận được nhiều phản ánh kém tích cực nhất khi đây vẫn là một trong những yếu tố cản trở môi trường kinh doanh tại tỉnh. Ngoài ra, các chỉ số ứng dụng CNTT và thiết chế pháp lý cũng cần được cải thiện mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới.

3.2. Sự thay đổi kết quả của các Sở, ban, ngành

3.2.1. Thay đổi về điểm số

Kết quả điểm số trung bình của DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2022 của tỉnh Lai Châu đạt 79,53 điểm, tăng khoảng 27 điểm so với năm 2021, cho thấy những cải thiện tích cực trong điều hành quản lý của các cơ quan của tỉnh. Khoảng cách giữa đơn vị đứng đầu và đứng cuối trong năm 2022 đã được rút ngắn xuống từ 40,92 điểm năm 2021 xuống 12,72 điểm.

Biểu đồ 3.4. Mức thay đổi điểm số của các Sở, ban, ngành trong DDCI năm 2022 và 2021



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

So với năm 2021, tất cả các Sở, ban, ngành đều có cải thiện điểm số trong năm 2022. Cụ thể:

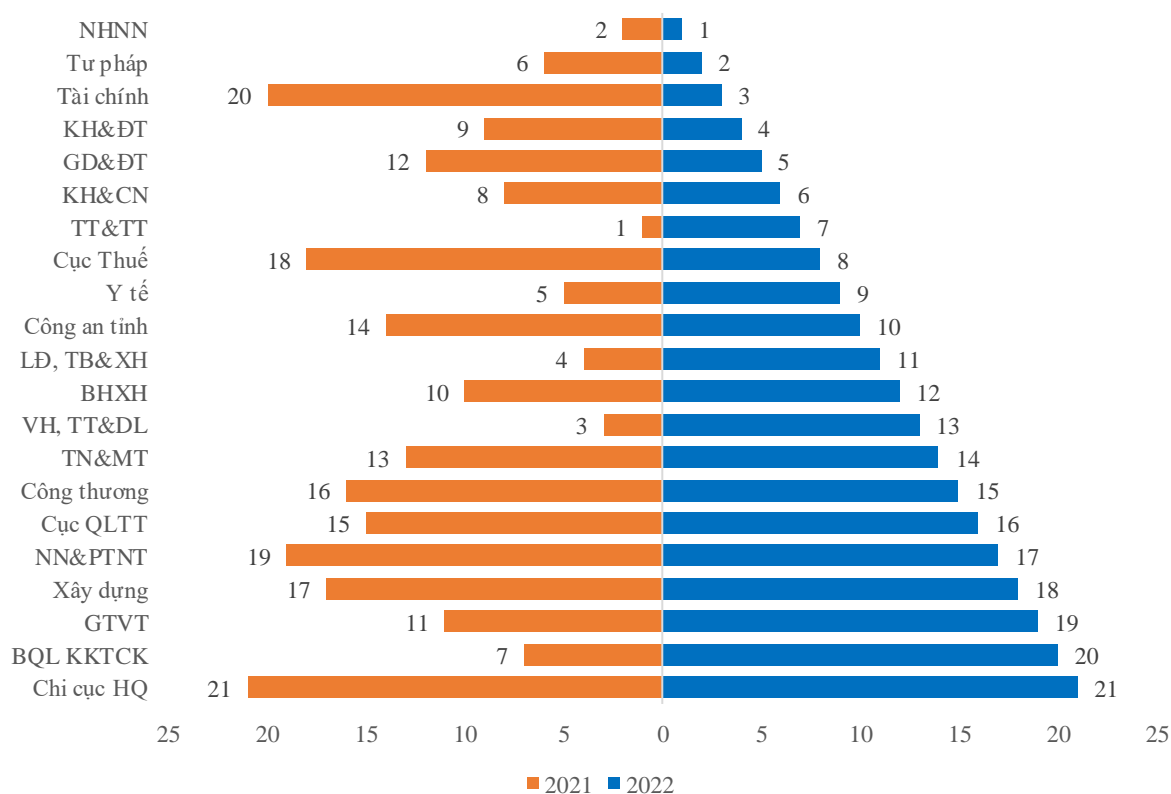
- Nhóm cơ quan có điểm số tăng nhiều gồm: Sở Tài chính tăng nhiều nhất với 48,93 điểm. Sở Tài chính có sự cải thiện về điểm số DDCI trung bình như vậy thể hiện nỗ lực rất đáng khích lệ, điển hình là cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao Sở Tài chính ở các chỉ số như (1) Tính năng động, (2) Cạnh tranh bình đẳng và (3) Vai trò của người đứng đầu. Chi cục HQ tăng 39,88 điểm và Cục Thuế tăng 36,75 điểm, tiếp theo là các cơ quan Sở NN&PTNT; Công an tỉnh; Sở GD&ĐT; Sở Công Thương; Sở TN&MT; Cục QLTT và Sở Xây dựng đều tăng hơn 30 điểm.

- Nhóm cơ quan có mức cải thiện chậm gồm: Sở Y tế; Sở LĐ, TB&XH; NHNN; BQL KKTCK CK; Sở VH, TT&DL và Sở TT&TT tăng dưới 20 điểm.

Có thể thấy cải thiện điểm số năm 2022 diễn ra mạnh mẽ ở nhóm giữa và cuối bảng năm 2021 trong khi đó các nhóm ở vị trí đứng đầu ít có cải thiện hơn, như Sở TT&TT tăng 5,55 điểm hay Sở VH, TT&DL tăng 13,16 điểm.

3.2.2. Thay đổi về thứ hạng

Biểu đồ 3.5. Thay đổi về thứ hạng của các Sở, ban, ngành trong DDCI năm 2022 và 2021



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và *Economica Vietnam* (2022)

- **Thứ hạng của các Sở, ban, ngành chung**

Sự vươn lên của các đơn vị ở nhóm giữa và cuối bảng năm 2021 đã tạo nhiều hoán đổi thứ hạng, nhất là khi sự chênh lệch điểm số của các đơn vị luôn bám đuổi sát sao. Cụ thể:

- Nhóm cơ quan thăng hạng trong năm 2022 có 10/21 Sở, ban, ngành cải thiện thứ hạng gồm: Sở Công Thương; Sở NN&PTNT; Công an tỉnh; Cục Thuế; Sở KH&CN; Sở GD&ĐT; Sở KH&ĐT; Sở Tài chính; Sở Tư pháp và Ngân hàng nhà nước. Về xếp hạng, có nhiều Sở ngành tăng hạng nhanh như Sở Tài chính (tăng 17 bậc), Cục Thuế (tăng 10 bậc) và Sở GD&ĐT (tăng 7 bậc). Sở Tài chính trong năm

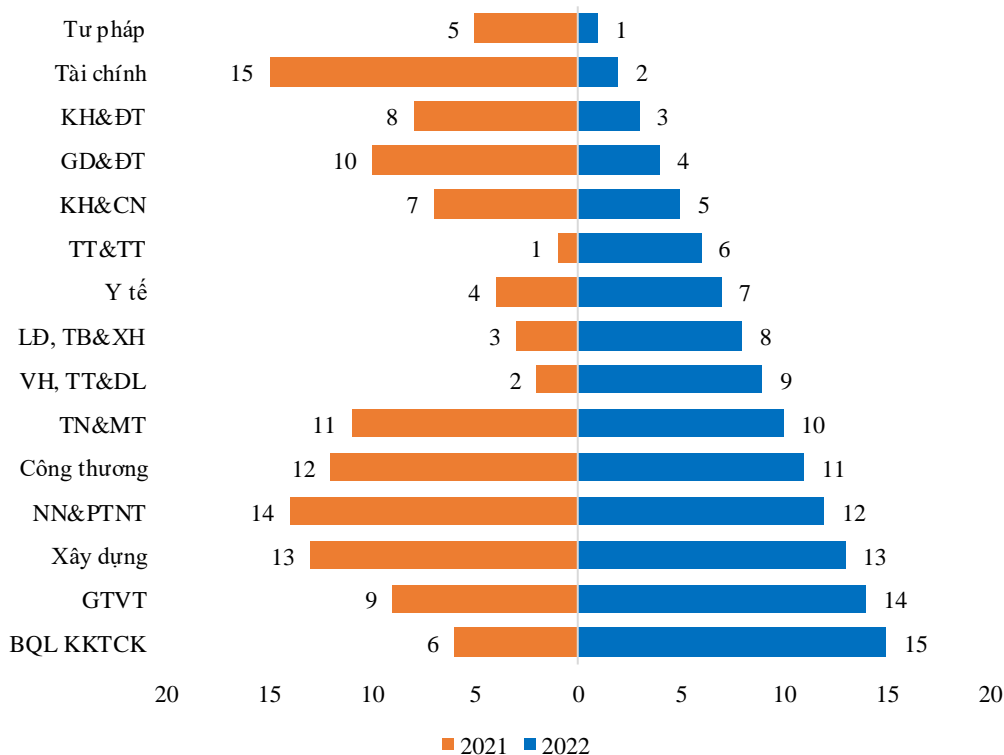
nay là một điểm sáng cải cách khi mạnh mẽ vươn lên vị trí thứ 2 từ vị trí 15 - vị trí cuối cùng của bảng xếp hạng năm 2021, tăng 13 bậc so với năm 2021. Để đạt được kết quả này, Sở Tài chính đã nỗ lực, giành được sự tin tưởng của cộng đồng doanh nghiệp trong các lĩnh vực cụ thể như tăng cường tính năng động để cung cấp dịch vụ công tốt nhất cho DN/HTX hay đề cao sự bình đẳng giữa các khối doanh nghiệp giữa các khối doanh nghiệp nhà nước, khối doanh nghiệp tư nhân hay khối doanh nghiệp FDI, ... Bên cạnh đó, Cục Thuế cũng là cơ quan có cải thiện mạnh mẽ về thứ hạng khi tăng 10 bậc so với năm 2021, vươn lên xếp ở vị trí thứ 8/21 trong bảng xếp hạng DDCI năm 2022. Cục Thuế cũng được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao ở các CSTP như Vai trò của người đứng đầu, Cạnh tranh bình đẳng và Tính năng động của Sở.

- Nhóm cơ quan giảm thứ hạng trong năm 2022 có 10/21 Sở, ban, ngành bị giảm xếp hạng gồm: BQL KKTCK; Sở GTVT; Sở Xây dựng; Cục QLTT; Sở TN&MT; Sở VH, TT&DL; BHXH; Sở LĐ-TB&XH; Sở Y tế; Sở TT&TT. Trong đó, những đơn vị tuy có tăng điểm nhưng tốc độ tăng chậm hơn các cơ quan dẫn đến thứ hạng bị ảnh hưởng như BQL KKTCK (giảm 13 bậc); hay Sở VH, TT&DL (giảm 10 bậc). Mặc dù các cơ quan trên đều tăng điểm so với năm 2021 nhưng những nỗ lực nhằm cải thiện điểm số DDCI nhưng chưa bắt kịp với các Sở, ban, ngành khác. Cộng đồng doanh nghiệp đánh giá là còn tồn tại nhiều chi phí không chính thức cũng như chưa ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin nhằm giảm tải khối lượng TTHC, hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của DN/HTX.

- *Thứ hạng của các Sở thuộc tỉnh*

Xét theo nhóm các Sở thuộc tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở KH&ĐT, Sở GD&ĐT, Sở KH&CN là những đơn vị có sự cải thiện thứ hạng. Đặc biệt là Sở Tư pháp vươn lên vị trí đứng đầu khối Sở và thứ hai toàn ngành với sự đánh giá cao đồng bộ ở phần lớn các chỉ số thành phần và có mức điểm cải thiện khá ấn tượng hơn 20 điểm.

Biểu đồ 3.6. Thay đổi về thứ hạng của các Sở thuộc tỉnh DDCI năm 2022 và 2021

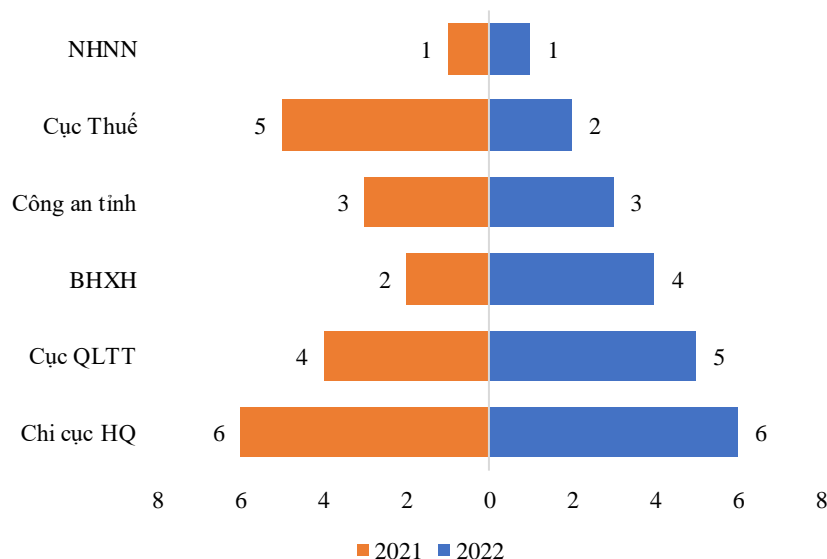


Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

- Thứ hạng của các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh

Xét theo nhóm các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh, NHNN tiếp tục được đánh giá tốt ở nhiều lĩnh vực - vẫn giữ vị trí thứ nhất trong số 6 khối các cơ quan Trung ương, trong đó được khối DN/HTX đánh giá cao ở việc cạnh tranh bình đẳng giữa các khối doanh nghiệp như khối doanh nghiệp nhà nước, tư nhân và khối doanh nghiệp FDI cũng như thực hiện các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Cục Thuế là đơn vị nỗ lực vươn lên từ vị trí 5/6 năm 2021 lên vị trí thứ 2/6 trong năm 2022. Cục Thuế đặc biệt được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao ở vai trò của người lãnh đạo, cạnh tranh bình đẳng và tính năng động. Mặt khác, các đơn vị còn lại không có sự thay đổi nhiều trong thứ hạng. Tuy nhiên, điểm số của tất cả các đơn vị đều có sự cải thiện rất rõ rệt.

Biểu đồ 3.7. Thay đổi về thứ hạng của các cơ quan Trung ương DDCI năm 2022 và 2021



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và *Economica Vietnam* (2022)

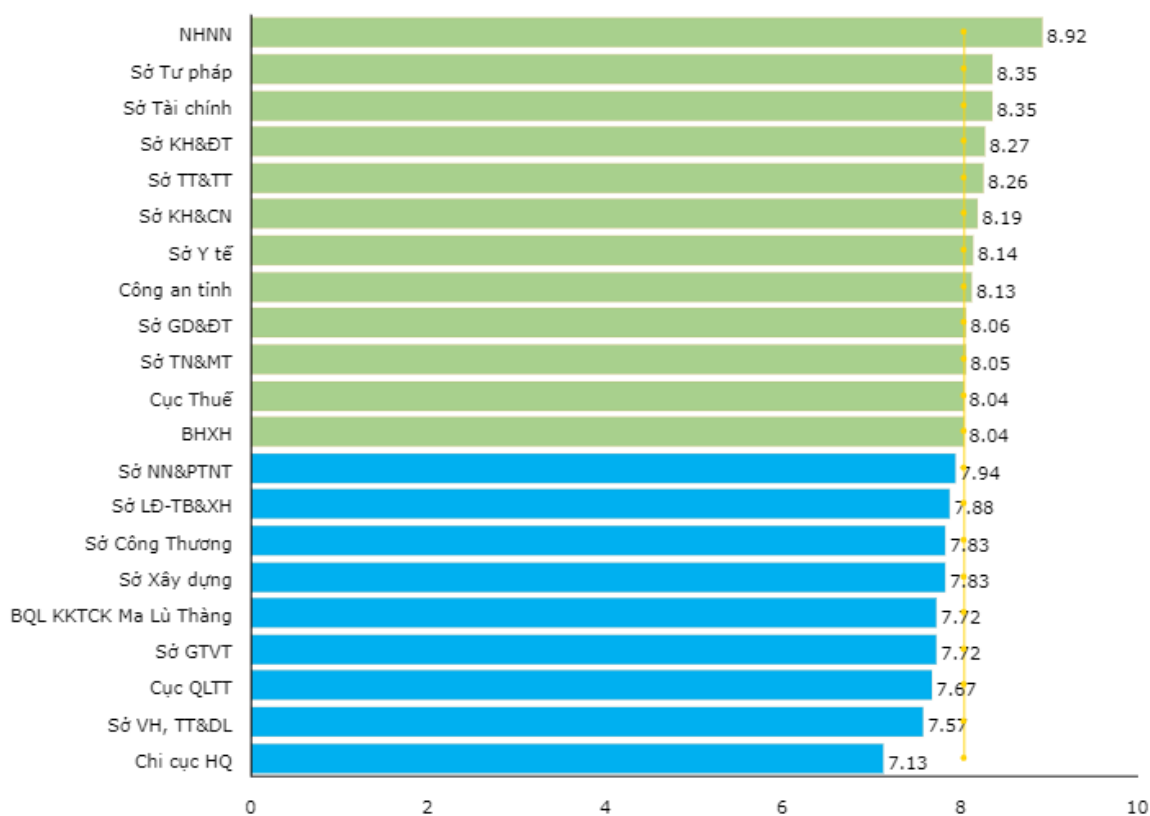
So sánh với kết quả năm trước, có thể thấy nhóm các Sở, ngành ở nhóm giữa và cuối năm 2021 đã có sự cải thiện nhanh chóng và vươn lên ở nhóm đầu bảng năm 2022, trong khi đó nhóm đầu bảng năm 2021 lại có tốc độ cải thiện chậm hơn nên chưa duy trì được thứ hạng hoặc giảm thứ hạng. Dù thăng hạng với nhóm ở cuối hay duy trì giữ vững thứ hạng cao cũng đều cần sự nỗ lực cải cách, sáng tạo liên tục để không bị tụt lại phía sau. DDCI cũng khuyến nghị các cơ quan nên tập trung cải thiện điểm số ở những chỉ số thấp điểm thay vì tập trung vào thứ hạng.

3.3. Kết quả các chỉ số thành phần

3.3.1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin

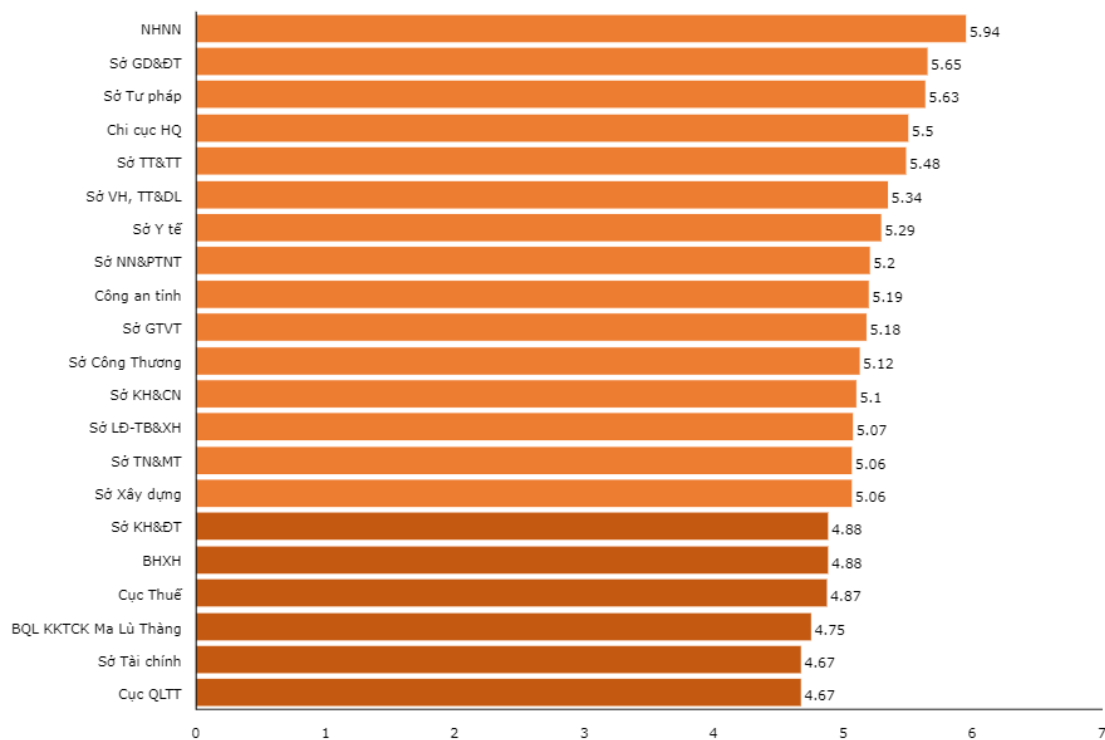
Tính minh bạch và tiếp cận thông tin là chỉ số thành phần đạt điểm số 8,0 điểm, xếp hạng 4 trong 9 CSTP. Các Sở, ban, ngành được đánh giá khá đồng đều ở chỉ số này khi các Sở, ban, ngành đều nằm trong nhóm điểm tốt và khá. Cụ thể, NHNN, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở KH&ĐT, Sở TT&TT, Sở KH&CN, Sở Y tế, Công an tỉnh, Sở GD&ĐT, Sở TN&MT, Cục thuế và BHXH thuộc gam màu tốt, với NHNN đạt 8,92 điểm – xếp hạng cao nhất trong các Sở, ban, ngành. Sở NN&PTNN, Sở LĐ-TB&XH, Sở Công thương, Sở Xây dựng, BQL KKTCK, Sở GTVT, Cục QLTT, Sở VH, TT&DL, Chi cục HQ thuộc gam màu khá, với Chi cục HQ đạt 7,13 điểm - xếp hạng thấp nhất trong số các Sở, ban, ngành.

Biểu đồ 3.8. Điểm số CSTP “Tinh minh bạch và tiếp cận thông tin”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

Biểu đồ 3.9. Chỉ tiêu “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

Tính minh bạch và tiếp cận thông tin được đo lường bởi 14 chỉ tiêu đo lường sự minh bạch và sự sẵn có của thông tin do các Sở, ban, ngành cung cấp. Tất cả các chỉ tiêu đều đạt điểm số từ khá đến tốt - tức đạt trên 7 điểm, ngoại trừ hai chỉ tiêu “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC và “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các DN thuận lợi hơn trong tiếp cận với các thông tin, tài liệu quan trọng của Sở, ban, ngành chỉ đạt lần lượt 5,17 điểm và 5,15 điểm (hai tiêu chí thấp nhất trong các tiêu chí được xếp loại) - được xếp hạng trung bình thấp. Hai tiêu chí này cũng thể hiện là hai vấn đề đáng quan tâm nhất tại các Sở, ban, ngành tỉnh Lai Châu trong năm qua khi các DN vẫn cho rằng cần phải có “mối quan hệ” để thuận lợi trong quá trình làm việc tại các cơ quan ở tỉnh.

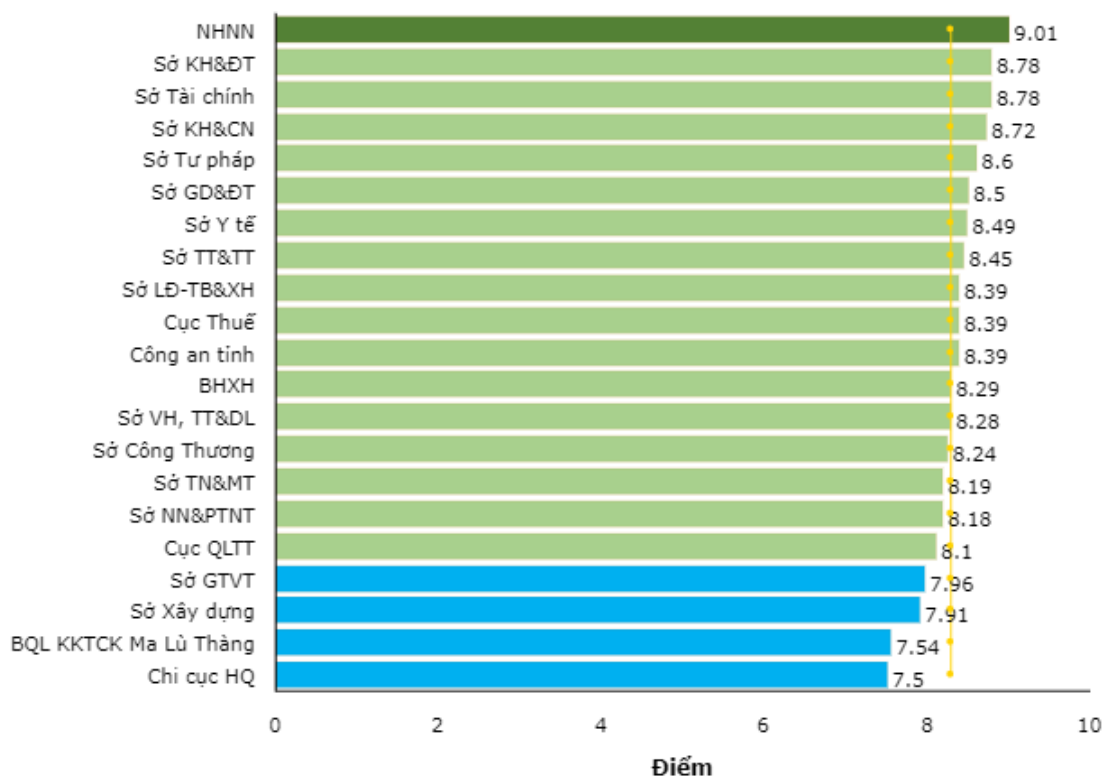
Chỉ số này cho thấy các Sở, ban, ngành tại Lai Châu cần quan tâm hơn nữa đến việc cung cấp thông tin minh bạch, công bằng giữa các đối tượng sử dụng dịch vụ, thực hiện TTHC công tại tỉnh. Có như vậy, môi trường kinh doanh tại Lai Châu mới cải thiện được các vấn đề đang gặp nhiều bất cập liên quan đến tính minh bạch và cạnh tranh bình đẳng từ cấp cơ sở.

3.3.2. Tính năng động của Sở, ban, ngành

Tính cạnh tranh của các Sở, ban, ngành trong việc cung cấp dịch vụ công tốt nhất cho DN/HTX phụ thuộc rất nhiều vào sự năng động, tiên phong của Sở, ban, ngành đó. Sở, ban, ngành có tinh thần trách nhiệm cao sẽ thúc đẩy thực hiện chương trình, chính sách pháp luật, tạo điều kiện cho DN/HTX có môi trường kinh doanh thuận lợi.

Điểm số trung bình cho tính năng động của các Sở, ban, ngành là 8,32 điểm. Có 17/21 Sở, ban, ngành có mức điểm thuộc gam màu tốt và rất tốt, với NHNN đạt 9,01 điểm - xếp hạng cao nhất trong số các Sở, ban, ngành. Còn lại, các Sở, ban, ngành tức 4/21 đơn vị thuộc gam màu khá với Chi cục HQ đạt 7,91 điểm – đứng cuối trong số các Sở, ban, ngành. Khoảng cách giữa điểm số giữa Sở, ban, ngành đứng đầu và cuối bảng xếp hạng riêng về tính năng động khoảng 1,5 điểm.

Biểu đồ 3.10. Điểm số CSTP “Tính năng động của Sở, ban, ngành”



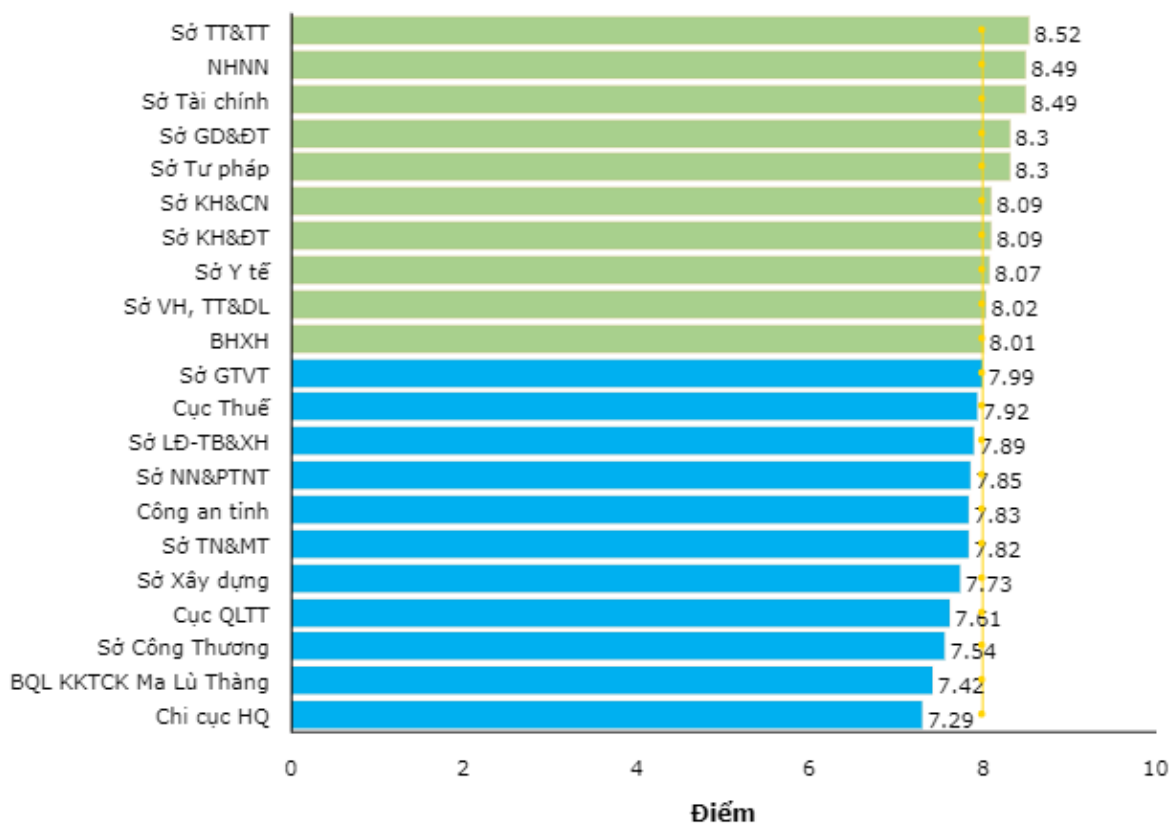
Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

Chỉ số tính năng động tổng hợp điểm số từ 6 chỉ tiêu. Trả lời cho câu hỏi về tính năng động trong thực hiện các chương trình, chủ trương trong khuôn khổ pháp luật, nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các cơ sở SXKD, các doanh nghiệp tham gia khảo sát tin tưởng cao vào tính chủ động của các lãnh đạo Sở, ngành khi các chỉ tiêu được đánh giá từ 8 điểm trở lên. Tuy nhiên, chỉ tiêu “Thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với DN” được đánh giá thấp nhất - đạt 8,09 điểm khi vẫn còn khoảng hơn 10% DN/HTX cho biết các cơ quan chưa thường xuyên thực hiện các hoạt động này. Vì vậy, các Sở, ban, ngành cần có nhiều hoạt động đối thoại với sự tham gia của các DN nhiều hơn để nâng cao điểm số của CSTP này.

3.3.3. Chi phí thời gian

Chi phí thời gian được hiểu là chi phí, số lần đi lại, thời gian cho việc chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ, liên lạc, tiếp xúc với cơ quan có liên quan để thực hiện quy định của pháp luật. Điểm trung bình của chỉ số chi phí thời gian là 7,97 điểm - xếp hạng 6/9 các CSTP được xếp hạng. Cụ thể, 10/21 Sở, ban, ngành được xếp hạng tốt ở CSTP này, với Sở TT&TT được đánh giá có nhiều cải cách giúp cải thiện chi phí thời gian thực hiện TTHC- xếp thứ nhất trong số các Sở, ban, ngành. Còn lại, 11/21 sở, ban, ngành thuộc nhóm điểm khá với Chi cục HQ đạt 7,29 điểm, đứng cuối trong bảng xếp hạng.

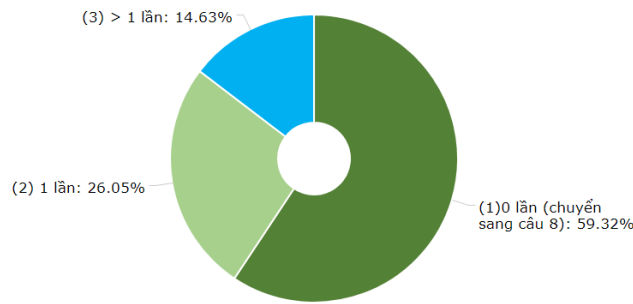
Biểu đồ 3.11. Điểm số CSTP “Chi phí thời gian”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

Chi phí thời gian được đo lường bởi 10 chỉ tiêu, đa số chỉ tiêu đều được đánh giá ở mức điểm trên 7 điểm khi các DN/HTX cho biết thời gian giải quyết TTHC đã được rút ngắn hơn và ít phát sinh các thủ tục khác. Tuy nhiên, một số DN/HTX cho biết vẫn còn tình trạng phải đi lại nhiều lần để thực hiện hồ sơ, tập trung ở một số cơ quan như Sở KH&ĐT và Sở LĐ-TB&XH.

Biểu đồ 3.12. Tỷ lệ DN/HTX đánh giá số lần thanh tra, kiểm tra của DN/HTX



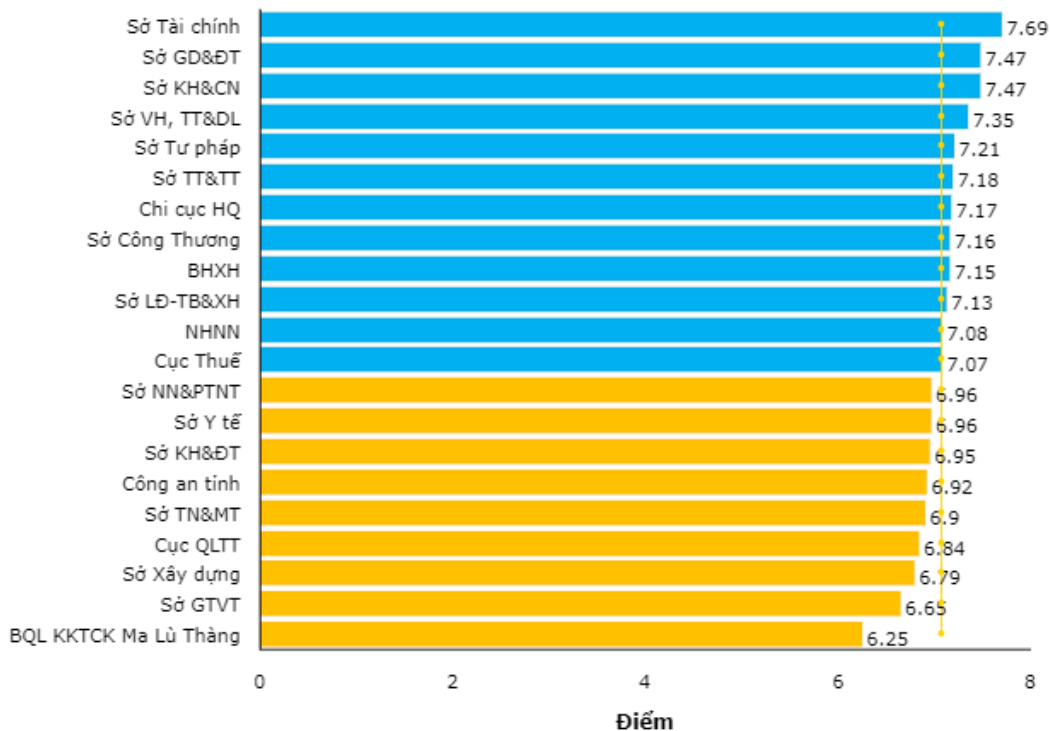
Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

Xét về khía cạnh thanh tra, kiểm tra của các Sở, ban, ngành, trong năm 2022, phần lớn các DN/HTX cho biết không phải tiếp hay chỉ phải tiếp 1 hoặc 2 lần đoàn thanh tra, kiểm tra. Điều này phản ánh thực tế các cơ quan đang dần cắt giảm các cuộc thanh tra, kiểm tra cùng với đó là việc phối hợp thanh tra, kiểm tra chuyên ngành của các cơ quan. Tuy nhiên, tình trạng nội dung thanh, kiểm tra chồng chéo/trùng lặp với các Sở, ban, ngành khác hoặc chính quyền địa phương vẫn xảy ra ở một số lĩnh vực, gây trở ngại cho hoạt động SXKD. Lưu ý đến các Sở, ban, ngành như Chi cục HQ, Sở KH&ĐT, Sở LĐ&TB-XH và NHNN cần cải thiện nội dung các cuộc thanh tra, kiểm tra tránh chồng chéo/trùng lặp với các Sở, ban, ngành khác hoặc chính quyền địa phương.

Bước đầu đánh giá, các Sở, ban, ngành được phản hồi khá tích cực nhưng vẫn cần đẩy mạnh cải cách TTHC và có các biện pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ công và thanh tra, kiểm tra vì khoảng cách điểm số của các Sở, ban, ngành với mức điểm tối đa còn tương đối rộng.

3.3.4. Chi phí không chính thức

Biểu đồ 3.13. Điểm số CSTP “Chi phí không chính thức”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

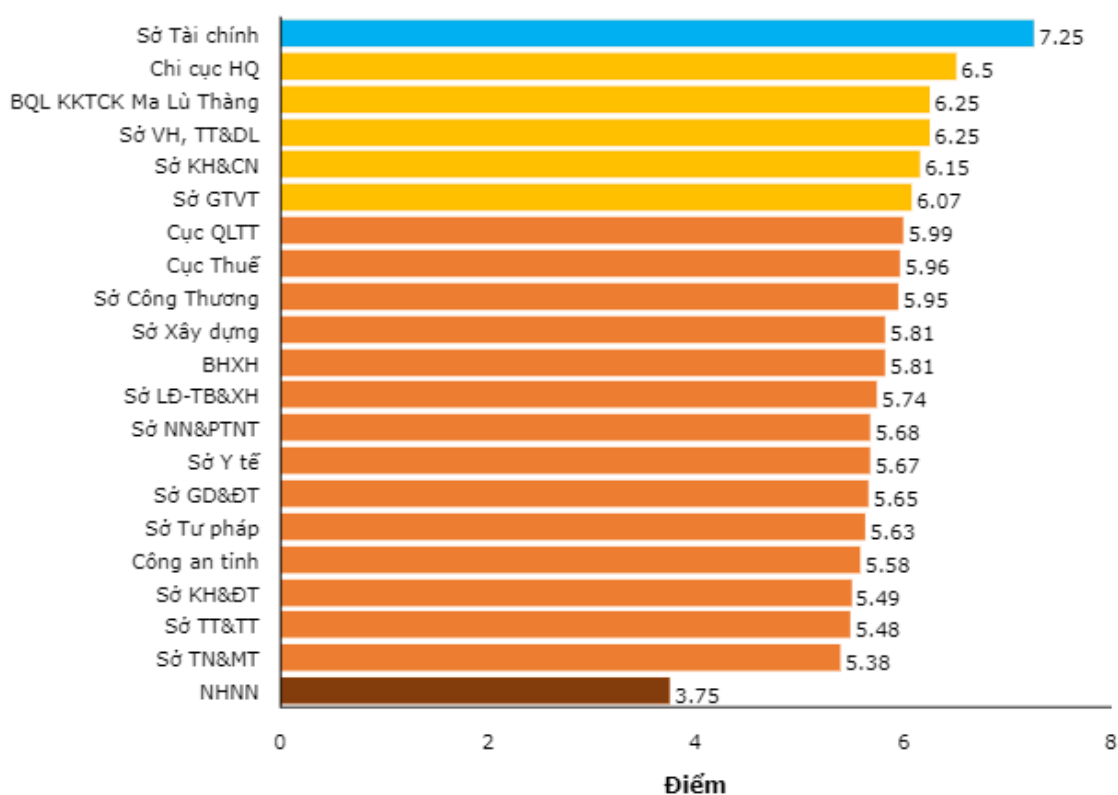
Chi phí không chính thức là chỉ số thành phần có điểm số thấp nhất trong các CSTP đánh giá tại Sở, ban, ngành khi gam màu của chỉ số này xuất hiện nhiều gam màu nóng. Điểm số trung bình chung của CSTP này là 7,06 điểm. 12/21 Sở, ban, ngành được xếp hạng nhóm điểm khá với Sở Tài chính đạt 7,69 điểm - đứng thứ nhất. 9/21 Sở, ban, ngành được xếp hạng trung bình khá. BQL KKTCK đạt 6,25 điểm đứng cuối bảng trong các Sở, ban, ngành.

Chi phí không chính thức không phải vấn đề riêng lẻ của bất kỳ Sở, ban, ngành nào mà là vấn đề chung cần giải quyết của tất cả các Sở, ban, ngành tại tỉnh. Ngay cả, một số đơn vị có kết quả cải cách hành chính tốt, tính năng động và sáng tạo tăng lên và tính minh bạch cao hơn các Sở, ban, ngành khác, song chi phí không chính thức vẫn còn cao, kéo giảm thứ hạng chung của cơ quan. Tập trung cải thiện chi phí không chính thức, chắc chắn sẽ mang lại thứ hạng tốt hơn cho các Sở, ban, ngành kể trên.

Theo kết quả khảo sát DDCI Lai Châu năm 2022, khoảng 86% DN/HTX cho biết các hiện tượng những nhiễu đã ít xảy ra so với trước đây. Điều này thể hiện nỗ lực của các Sở, ban, ngành trong công tác đẩy mạnh tác động cắt giảm chi phí không chính thức - một trong những yếu tố được các doanh nghiệp đánh giá gắt gao khi cân nhắc lựa chọn địa điểm đầu tư.

Mặc dù phần lớn các DN/HTX cho rằng chi phí không chính thức ở mức chi trả được song vẫn còn 59,33% DN/HTX cho rằng chi phí không chính thức không có xu hướng giảm trong những năm gần đây. Đáng lưu ý là tỉ lệ này tập trung khá cao ở một số Sở, ngành như NHNN, Sở TN&MT, Sở TT&TT và Sở KH&ĐT. Các Sở, ngành này cần có những cải thiện nhanh chóng để tạo môi trường kinh doanh lành mạnh và thông thoáng cho DN/HTX tại tỉnh Lai Châu.

Biểu đồ 3.14. Chỉ tiêu “Chi phí không chính thức năm 2022 có xu hướng giảm so với các năm trước”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

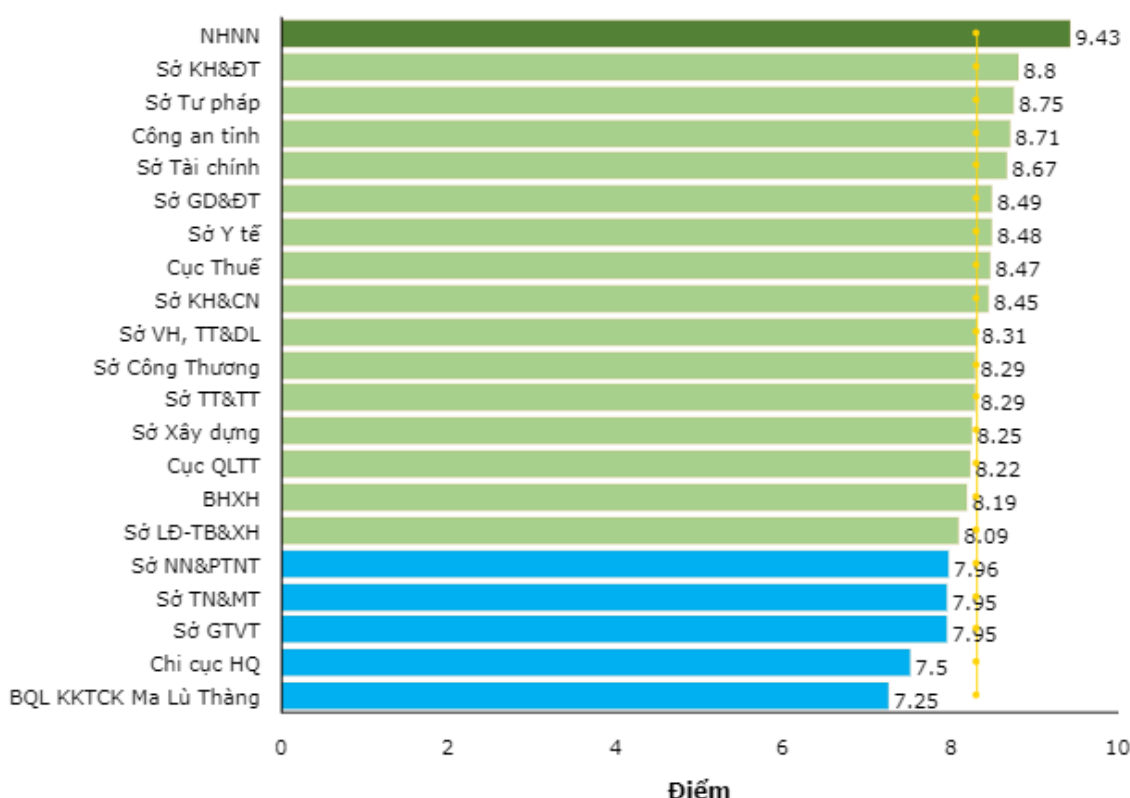
Ngoài ra, khảo sát cũng hỏi các DN/HTX tham gia đánh giá về việc liệu DN có phải trả chi phí không chính thức nếu muốn công việc được thuận lợi hay không. Điểm tích cực là có 22,97% và 62,52%

DN/HTX lần lượt hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý với nhận định trên. Điều này cho thấy nỗ lực và quyết tâm lớn từ tất cả các Sở, ban, ngành tại tỉnh để cải thiện môi trường kinh doanh, đầu tư.

3.3.5. *Cạnh tranh bình đẳng*

Cạnh tranh bình đẳng trong DDCI Lai Châu được hiểu là không có sự phân biệt đối xử giữa các DN với nhau (giữa DNNN, DN FDI với DN thuộc khối tư nhân, giữa DN lớn và DN nhỏ, DN trong và ngoài tỉnh, giữa DN với DN “thân hữu” với chính quyền), giữa DN, HTX. CSTP này đạt 8,31 điểm, mức điểm tốt và xếp hạng 3/8 CSTP. Đặc biệt, NHNN nhận được những đánh giá tích cực và đạt 9,43 điểm - một điểm số cao, đứng đầu các Sở, ban, ngành. Xếp sau là 15 Sở, ban, ngành được xếp hạng tốt ở CSTP này. Còn lại 5 Sở, ban, ngành thuộc nhóm điểm khá - trong đó, BQL KKTCK đạt 7,25 điểm, ở nhóm cuối bảng xếp hạng, cần nỗ lực hơn nữa khi hiện tại chưa đạt được kì vọng của DN/HTX.

Biểu đồ 3.15. Điểm số CSTP “Cạnh tranh bình đẳng”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

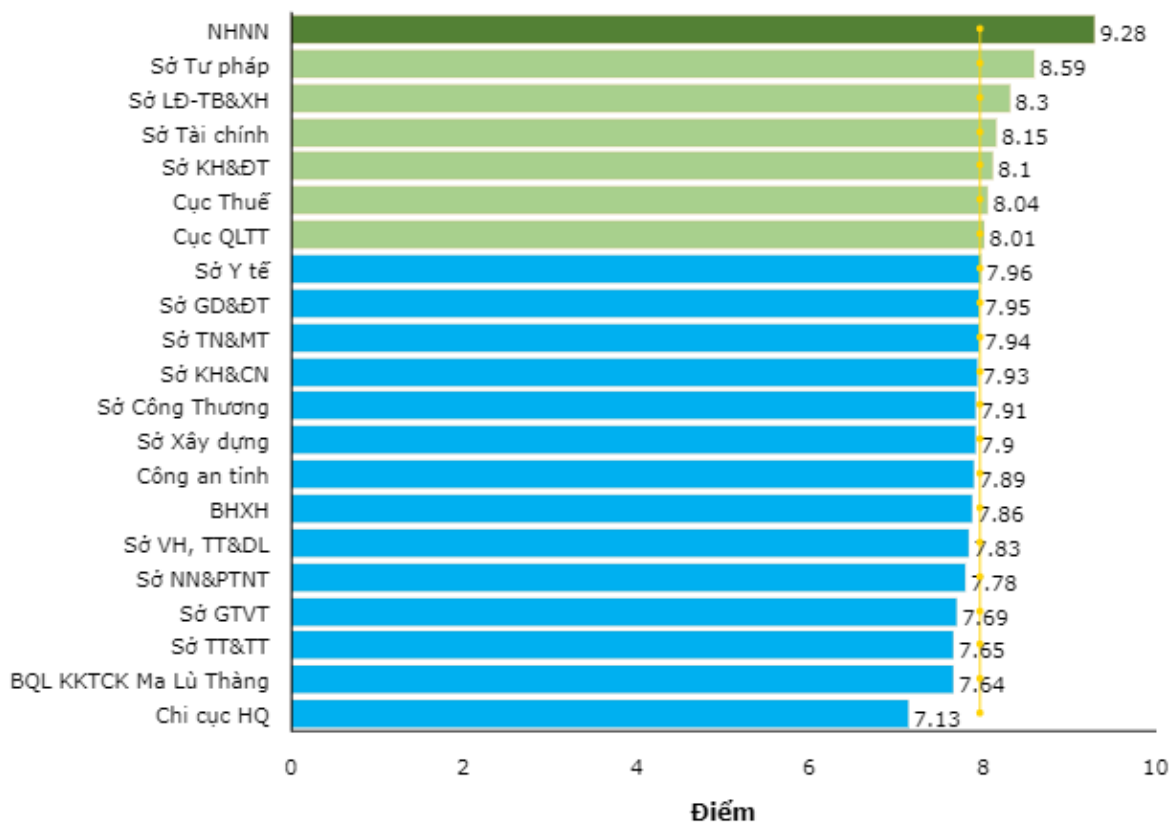
Cạnh tranh bình đẳng được đo lường bởi 6 chỉ tiêu - tất cả các chỉ tiêu đều được đánh giá đạt mức tốt khi phần lớn DN/HTX cho biết bình đẳng, không có sự phân biệt đối xử trong quá trình làm việc với các Sở, ban, ngành. Điều này phần nào cho thấy môi trường kinh doanh, đầu tư tại tỉnh khá bình đẳng nhưng ở một số lĩnh vực như BQL KKTCK, Hải quan, TNMT và GTVT cần tích cực hỗ trợ các DN/HTX nhiều hơn, nhất là những nhóm DN/HTX nhỏ và vừa.

3.3.6. *Hỗ trợ doanh nghiệp*

Hỗ trợ doanh nghiệp cũng là CSTP được cộng đồng DN/HTX ghi nhận nhiều nỗ lực trong năm qua. Điểm số trung bình CSTP hỗ trợ doanh nghiệp là 7,98 điểm, tiệm cận khá gần với mức điểm tốt. Nhóm các cơ quan đứng đầu là NHNN, Sở Tư pháp. Sở LĐ-TB&XH, Sở Tài chính, Sở KH&ĐT, Cục Thuế và Cục QLTT khi nhận được đánh giá có phần tích cực hơn các cơ quan còn lại. Các Sở, ban, ngành còn lại thuộc nhóm điểm khá với điểm số khá sát sao và đồng đều.

Hỗ trợ doanh nghiệp được đo lường bởi 8 chỉ tiêu - thể hiện qua các chương trình hỗ trợ (mời tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,...) cũng như các chương trình đối thoại với doanh nghiệp. Mặc dù các chương trình hỗ trợ cũng như các chương trình đối thoại của các Sở, ban, ngành được đánh giá tốt như vậy nhưng tỷ lệ các cơ sở SXKD tham gia các chương trình này còn chưa cao. Cụ thể, chỉ 33,71% DN/HTX đã tham gia các chương trình hỗ trợ DN (mời tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,...) của Sở, ban, ngành và 24,45% các doanh nghiệp đã từng tham gia các buổi đối thoại DN do Sở, ban, ngành được khảo sát tổ chức. Vì vậy, các Sở, ban, ngành tỉnh Lai Châu, đặc biệt là Sở TT&TT, Sở GD&ĐT, Chi cục Hải Quan và Sở Xây dựng cần tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thu hút thêm nhiều DN tham gia vào các chương trình hỗ trợ thiết thực.

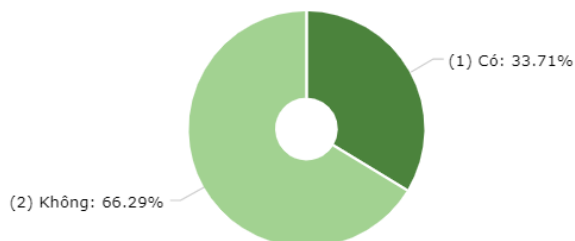
Biểu đồ 3.16. Điểm số CSTP “Hỗ trợ doanh nghiệp”



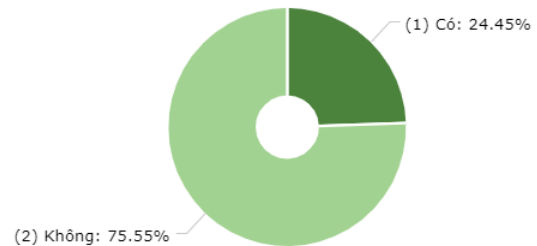
Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

Biểu đồ 3.17. Tỷ lệ DN/HTX tham gia vào các chương trình hỗ trợ và đối thoại

Tỷ lệ tham gia vào các chương trình hỗ trợ



Tỷ lệ tham gia các chương trình đối thoại

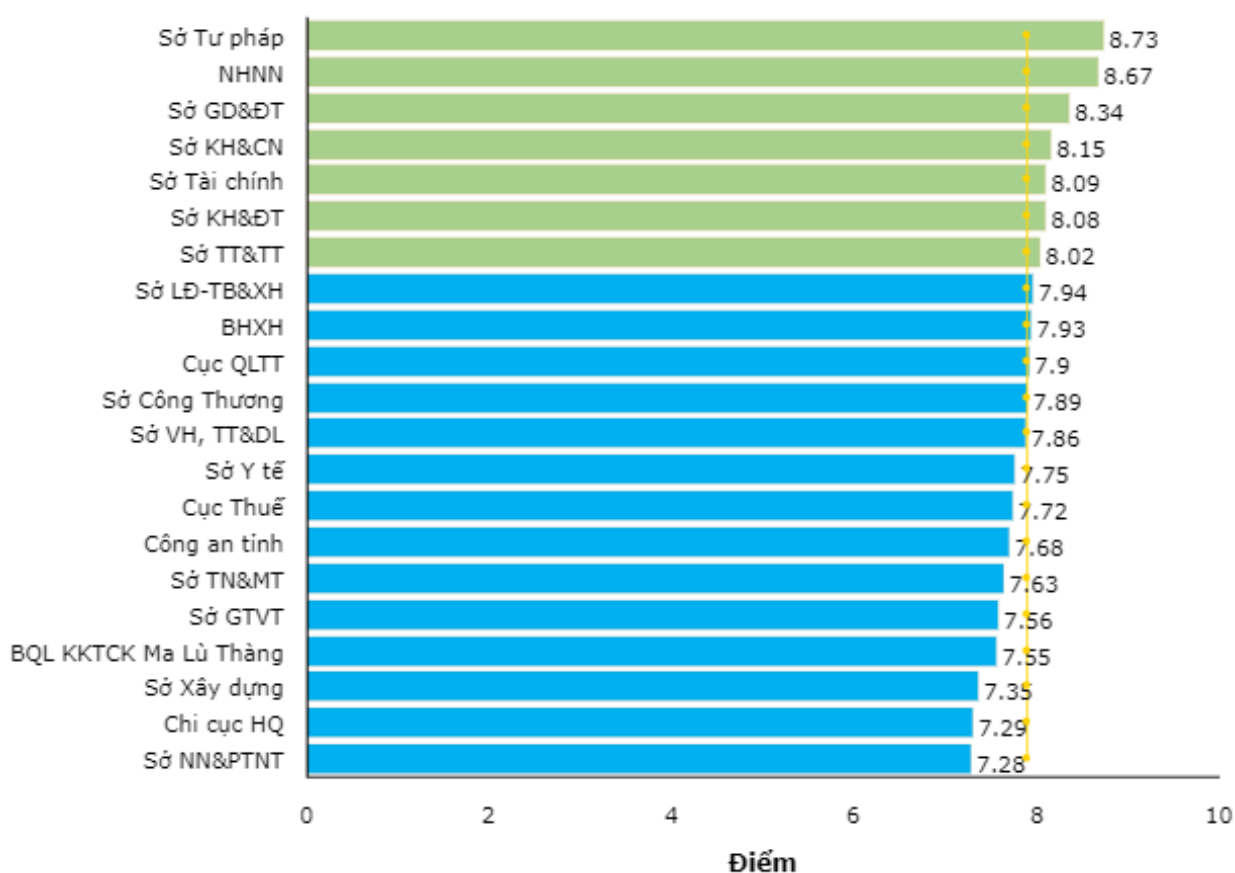


Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

3.3.7. Thiết chế pháp lý

Thiết chế pháp lý tại các Sở, ban, ngành Lai Châu đạt mức điểm trung bình chung là 7,63 điểm, thuộc nhóm chỉ số thấp điểm trong 9 CSTP. Kết quả đưa ra 7 Sở, ban, ngành có điểm số thuộc nhóm tốt với mức điểm trên 8, gồm Sở Tư pháp, NHNN, Sở GD&ĐT, Sở KH&CN, Sở Tài chính, Sở KH&ĐT và Sở TT&TT. 14 Sở, ban, ngành còn lại thuộc nhóm điểm khá, tương ứng với mức độ hài lòng tương đối của cộng đồng doanh nghiệp liên quan đến thực thi pháp luật và thiết chế pháp lý.

Biểu đồ 3.18. Điểm số CSTP “Thiết chế pháp lý”

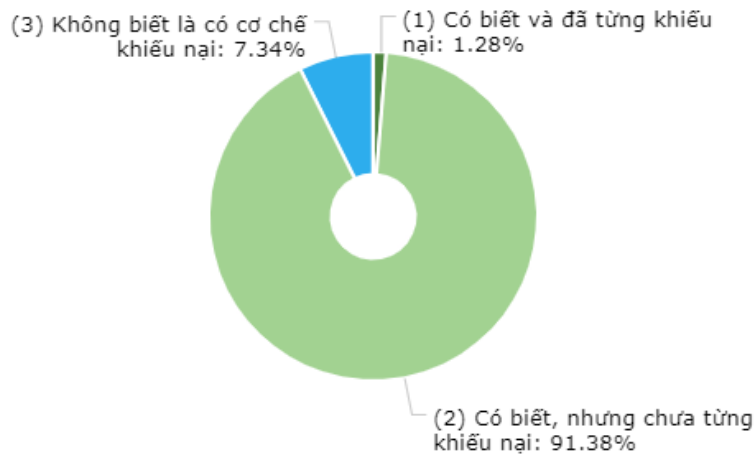


Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

Thiết chế pháp lý được đo lường bởi 10 chỉ tiêu thành phần. Trong đó, có một số chỉ tiêu được đánh giá khá nổi bật như tính nhất quán trong việc thực thi văn bản chính sách pháp luật của các Sở, ban, ngành, có 37,96% DN/HTX hoàn toàn đồng ý, 60,6% DN/HTX đồng ý và chỉ có tỉ lệ thấp là 1,44% DN/HTX chưa hoàn toàn đồng ý. Đáng kể hơn nữa là có đến 97,28% DN/HTX đánh giá cao về chất lượng thi hành, thực thi pháp luật của Sở, ban, ngành tốt. Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp phải khiếu nại vượt cấp vẫn còn khá nhiều, chiếm 83,34% và trong trường hợp cán bộ, nhân viên thuộc Sở, ban, ngành được khảo sát làm trái với các quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn khi giải quyết TTHC, nhiều DN chưa biết về cơ chế khiếu nại. Điểm số của các chỉ tiêu này ở mức trung bình kém.

Nhìn chung, hiệu lực thực thi pháp luật, thiết chế pháp lý tại Lai Châu được thực hiện ở mức khá tốt trong năm vừa qua. Tuy vậy, các Sở, ban, ngành vẫn cần quan tâm nhiều hơn và có cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo công khai, minh bạch và cung cấp các hỗ trợ pháp lý kịp thời.

Biểu đồ 3.19. Tỷ lệ DN/HTX biết về cơ chế giải quyết khiếu nại

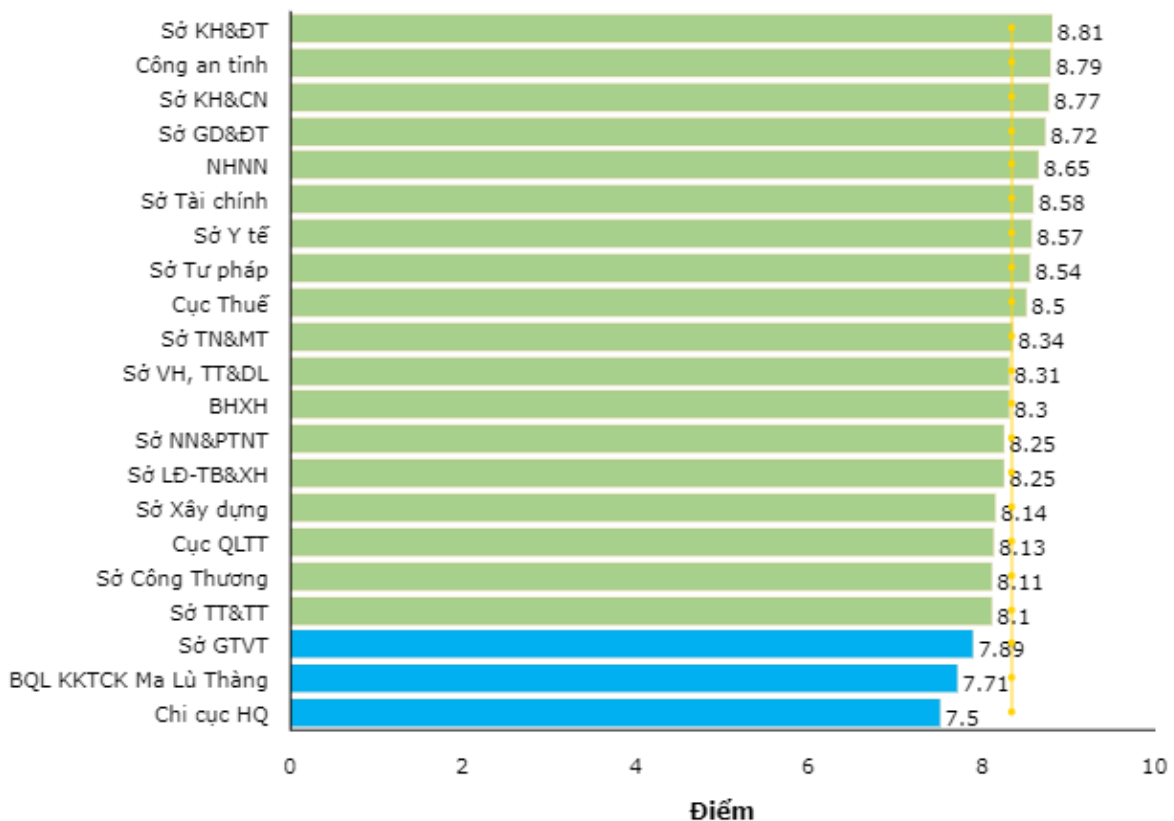


Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và *Economica Vietnam* (2022)

3.3.8. Vai trò người đứng đầu

Vai trò người đứng đầu là CSTP được xếp hạng cao nhất trong số 9 CSTP, đạt 8,33 điểm. Ngoại trừ Sở GTVT, BQL KKTCK và Chi cục HQ là 3 đơn vị có điểm số ở nhóm khá, dưới 8 điểm thì các đơn vị còn lại đều được xếp hạng tốt, trên 8 điểm. Trong đó, Sở KH&ĐT đạt 8,81 điểm, là Sở đứng đầu ở chỉ số này.

Biểu đồ 3.20. Điểm số CSTP “Vai trò người đứng đầu”



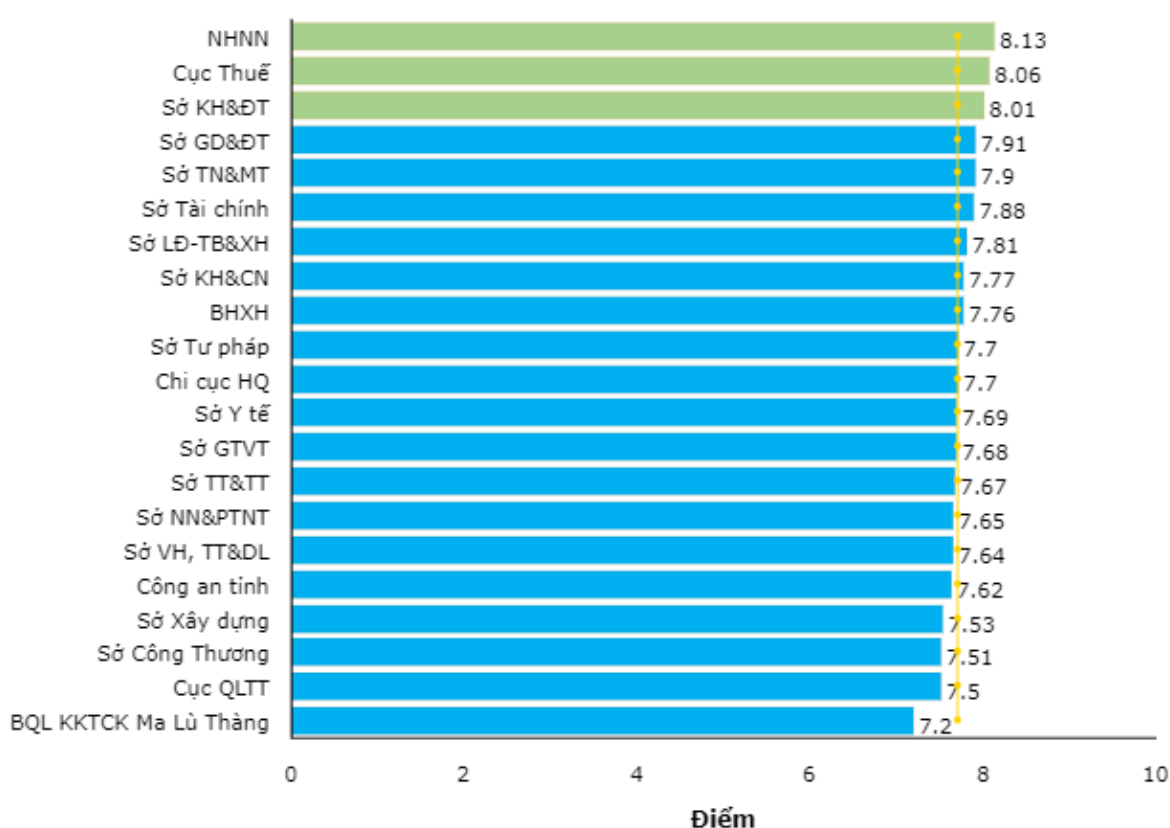
Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và *Economica Vietnam* (2022)

Nhìn chung, các chỉ tiêu thành phần đều được DN/HTX đánh giá ở mức tốt, trên 8,2 điểm. Các DN/HTX ghi nhận tinh thần chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ, có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN. Điều này cho thấy chính quyền các cấp tỉnh Lai Châu đang quan tâm và rất nỗ lực cải thiện vai trò của người đứng đầu trong những năm vừa qua, ghi dấu ấn trong cộng đồng DN/HTX.

3.3.9. Ứng dụng công nghệ thông tin

Điểm trung bình của chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin là 7,73 điểm và là một trong những CSTP được đánh giá cần cải thiện hơn khi chỉ xếp hạng 8/9 các CSTP được xếp hạng. Kết quả cho thấy chỉ có 3/21 đơn vị bao gồm NHNN, Cục Thuế và Sở KH&ĐT được đánh giá tốt ở chỉ số này. Còn lại 18/21 cơ quan thuộc nhóm điểm khá, cần đẩy mạnh triển khai ứng dụng CNTT, đặc biệt là nâng cao tỷ lệ thực hiện TTHC trực tuyến trong thời gian tới.

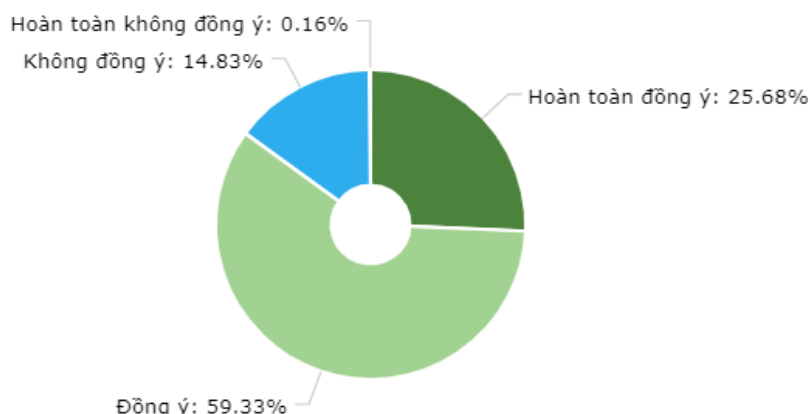
Biểu đồ 3.21. Điểm số CSTP “Ứng dụng công nghệ thông tin”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

Nhìn chung, các tiêu chí của CSTP “Ứng dụng công nghệ thông tin” của các Sở, ban, ngành tỉnh Lai Châu được DN/HTX được đánh giá ở mức khá, trên 7,3 điểm. Tuy nhiên, hiện vẫn còn 14,99% DN/HTX cho rằng không thường xuyên truy cập vào website Sở, ban, ngành để tìm kiếm thông tin mà doanh nghiệp mong muốn. Điển hình, Sở Tài chính, Sở VH, TT&DL, Sở TT&TT, Sở NN&PTNT và BQL KKTCK cần tích cực đẩy mạnh, nâng cao điểm số ở tiêu chí này. Đặc biệt, việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến trong toàn bộ quy trình chưa thực sự đạt tỷ lệ cao khi chỉ có hơn 17% DN/HTX cho biết thực hiện hoàn toàn trực tuyến.

Biểu đồ 3.22. Tỷ lệ DN/HTX đánh giá “Thường xuyên truy cập vào website của Sở, ban, ngành để tìm kiếm các thông tin mà doanh nghiệp mong muốn”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

3.4. Kết luận tổng quan về điểm số và xếp hạng các Sở, ban, ngành trong DDCI Lai Châu năm 2022

Điểm số trung bình DDCI Lai Châu năm 2022 đạt 79,53 điểm tăng 27 điểm so với năm 2021. Điều này thể hiện nỗ lực không ngừng của tỉnh Lai Châu, dần giành được niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp trong thời gian gần đây.

- 21 Sở, ban, ngành đã có những cải thiện khi đều thuộc nhóm điểm khá hoặc tốt, với dải điểm phân bố trong khoảng từ 73,67 điểm đến 86,29 điểm. Đáng chú ý, không có đơn vị nào xếp hạng trung bình hoặc kém.
- Điểm số trung bình của tất cả các đơn vị đều có sự cải thiện so với năm 2021, điển hình là Sở Tài chính tăng 48,93 điểm, Chi cục Hải quan tăng 39,88 điểm và Cục Thuế tăng 36,75 điểm.
- Các Sở, ban, ngành có điểm số chênh lệch không quá lớn, bám khá sát nhau. Khoảng cách giữa đơn vị đứng đầu và đứng cuối chỉ là 12,62 điểm theo thang điểm 100. Điều này một mặt cho thấy chất lượng quản lý của các Sở, ban, ngành được đánh giá khá đồng đều một mặt cho thấy những thay đổi nhỏ về điểm số trong năm tới cũng có khả năng thay đổi điểm số và vươn lên của các Sở, ban, ngành.
- Thứ hạng của các đơn vị có thay đổi đáng kể. Sự vươn lên của các đơn vị ở nhóm giữa và cuối bảng năm 2021 đã tạo nhiều hoán đổi thứ hạng. Cụ thể, nhóm các Sở, ban, ngành có sự gia tăng trong thứ hạng: Sở Tài chính, Cục Thuế, Sở GD&ĐT, Sở KH&ĐT, Công an tỉnh, Sở Tư pháp, Sở NN&PTNN, Sở KH&CN, Sở Công thương và NHNN. Trong đó, Sở Tài chính trong năm nay có sự bứt phá mạnh mẽ khi vươn lên vị trí thứ 2 từ vị trí 15 - vị trí cuối cùng của bảng xếp hạng năm 2021, tăng 13 bậc so với năm 2021. Ở chiều hướng ngược lại, nhóm các Sở, ban, ngành có thứ hạng giảm hoặc giữ nguyên: BQL KKTCK CK, Sở VH, TT&DL, Sở GTVT, Sở LĐ, TB&XH, Sở TT&TT, Sở Y tế, BHXH, Sở TN&MT, Cục QLTT, Sở Xây dựng và Chi cục HQ. Điển hình, BQL KKTCK giảm 13 bậc so với năm 2021, mặc dù điểm DDCI trung bình của cơ quan này đạt 73,67 điểm - xếp hạng khá, tăng nhẹ so với năm 2021 và tăng 13,9 điểm.



Vai trò của người
đứng đầu là chỉ số
đạt điểm cao nhất

Điểm số DDCI 2022
Sở, ban, ngành trung bình



NHNN
đứng thứ nhất



73,57

BQL KKTCK
xếp cuối

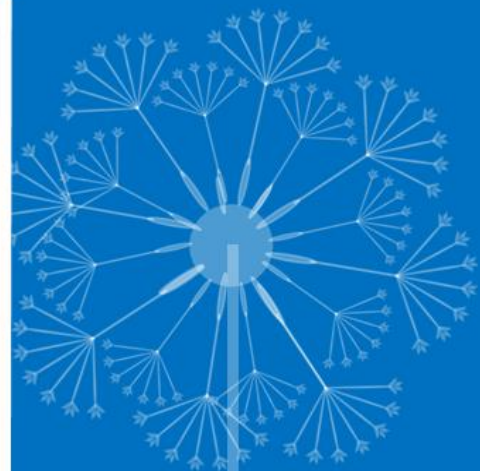
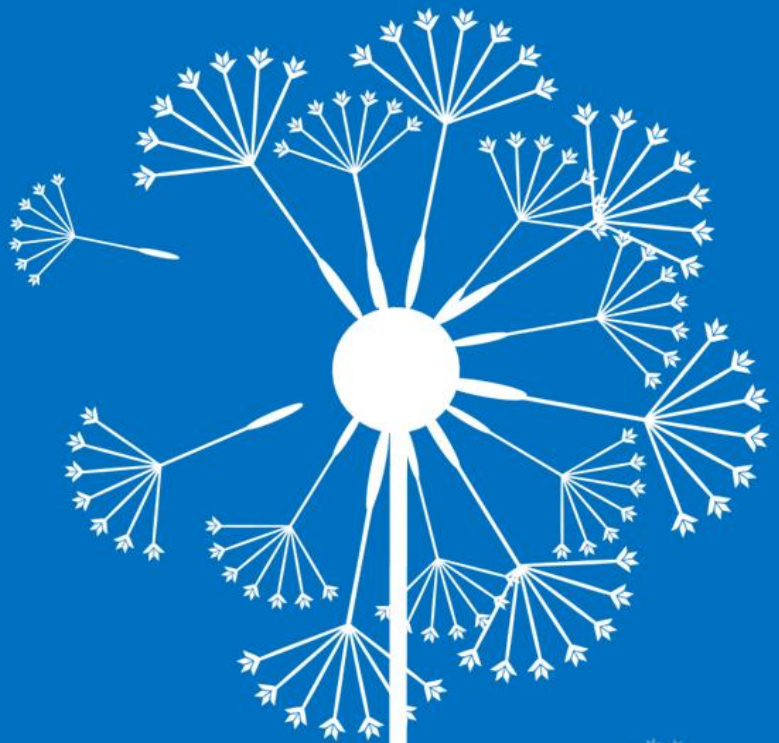


CÁC CHỈ SỐ CẦN CẢI THIỆN

- ➔ Ứng dụng CNTT
- ➔ Chi phí không chính thức



**CHƯƠNG IV
CHỈ SỐ NĂNG LỰC
CẠNH TRANH CẤP
ĐỊA PHƯƠNG**



CHƯƠNG IV: CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP ĐỊA PHƯƠNG

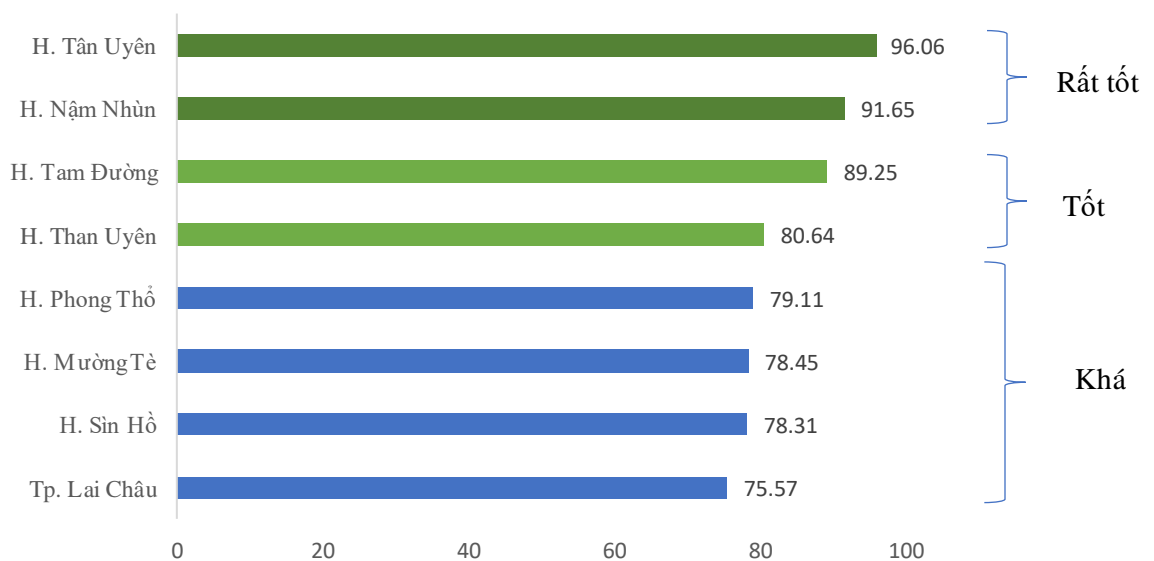
4.1. Kết quả điểm số DDCI cấp địa phương

Kết quả điểm số của các địa phương trong năm 2022 đã có sự cải thiện đáng kể khi các địa phương đều đạt điểm số trên 70 điểm (theo thang điểm 100). Điểm trung bình của DDCI Lai Châu cấp địa phương năm 2022 đạt 83,63 điểm, mức điểm tốt, tăng 24,55 điểm so với năm 2021. Tuy nhiên, vẫn có sự phân hóa xếp hạng các địa phương, cụ thể như sau:

- **Nhóm điều hành rất tốt** là các địa phương được đánh giá trên 90 điểm: Huyện Tân Uyên với 96,06 điểm và huyện Nậm Nhùn với 91,65 điểm là hai địa phương đứng đầu các địa phương trong năm 2022.
- **Nhóm điều hành tốt**: gồm Tam Đường và Than Uyên với mức điểm trong dải điểm 80 điểm đứng lần lượt ở vị trí thứ ba và thứ tư.
- **Nhóm điều hành khá**: gồm 4 địa phương còn lại với mức điểm dưới 80 điểm. Trong đó, huyện Sin Hồ và thành phố Lai Châu đang ở nhóm cuối bảng xếp hạng.

Khoảng cách chênh lệch điểm số của địa phương đứng đầu và đứng cuối bảng xếp hạng là 20,49 điểm, rút ngắn hơn mức 31,44 điểm năm 2021 và sự phân hóa điểm số cũng cho thấy phần nào có sự chênh lệch trong chất lượng quản lý, điều hành theo cảm nhận của các HKD dù so với năm 2021, khoảng cách này đang dần được thu hẹp hơn. Tuy nhiên, để có thể cải thiện điểm số và thứ hạng thì các địa phương cần nỗ lực cải thiện các chỉ số thành phần còn thấp điểm và tăng tốc trên con đường cải cách.

Biểu đồ 4.1. Điểm số của DDCI Lai Châu cấp địa phương năm 2022



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

Hình 4.1. Bản đồ kết quả DDCI cấp địa phương tỉnh Lai Châu năm 2022



Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

Xét trên các khía cạnh đánh giá của các chỉ số thành phần, các địa phương trong năm 2022 được đánh giá tương đối tích cực ở các mặt. Trong đó, các chỉ số có điểm số cao nhất là chỉ số vai trò của người đứng đầu, cạnh tranh bình đẳng, tính năng động của chính quyền địa phương. Ngược lại, chỉ số hỗ trợ sản xuất kinh doanh và chi phí không chính thức là hai chỉ số cần phải nỗ lực cải thiện chung ở tất cả các địa phương trong việc tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh của các HKD.

4.2. Sự thay đổi kết quả của các địa phương

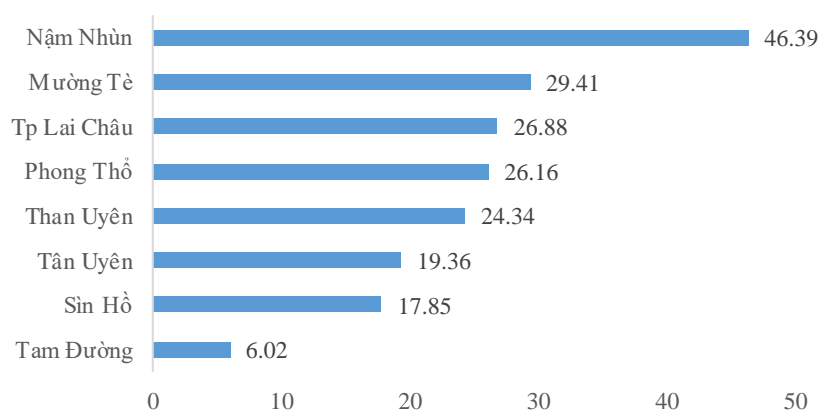
4.2.1. Thay đổi về điểm số

Điểm số trung bình của DDCI cấp địa phương năm 2022 đạt 83,63 điểm, tăng 24,55 điểm so với năm 2021. Khoảng cách chênh lệch giữa địa phương đứng đầu và đứng cuối bảng đã rút ngắn hơn năm 2020 từ 37,97 điểm xuống 20,49 điểm. Xu hướng thu hẹp điểm số diễn ra mạnh mẽ khi các cơ quan nhóm dưới có nhiều nỗ lực cải cách ấn tượng, kết quả của quá trình tự nghiên cứu và học hỏi, áp dụng các thực tiễn tốt về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh từ nhiều địa phương khác. Trong khi đó, các địa phương nhóm trên của bảng xếp hạng gặp nhiều thách thức hơn trước yêu cầu tiếp tục đưa ra các sáng kiến mới, cách làm mới nhằm thúc đẩy cải cách hành chính và phát triển kinh tế.

Kết quả DDCI cấp địa phương cho thấy tất cả 8/8 địa phương đã có sự cải thiện về mặt điểm số. Một số địa phương có mức tăng điểm cao là huyện Năm Nhùn và huyện Mường Tè. Điểm đáng chú ý là huyện Năm Nhùn đã bứt phá vươn lên nhóm điều hành rất tốt - tăng 46,39 điểm so với năm 2021. Để đạt được kết quả này, huyện Năm Nhùn đã có những nỗ lực không ngừng và được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá rất cao ở các chỉ tiêu như tiếp cận đất đai và cạnh tranh bình đẳng. Những kết quả này được đánh giá rất cao khi Năm Nhùn tập trung huy động nhiều nguồn lực, giải quyết đất ở, đất sản xuất, cải thiện điều kiện sản xuất, hỗ trợ giống - vốn nên nguồn thu của cộng đồng doanh nghiệp nói riêng và người dân Năm Nhùn nói chung đã được cải thiện đáng kể.

Bên cạnh đó, huyện Tam Đường, Sìn Hồ và Tân Uyên mới có cải thiện nhẹ trong điểm DDCI trung bình.

Biểu đồ 4.2. Mức thay đổi điểm số của các địa phương trong DDCI năm 2022 và 2021



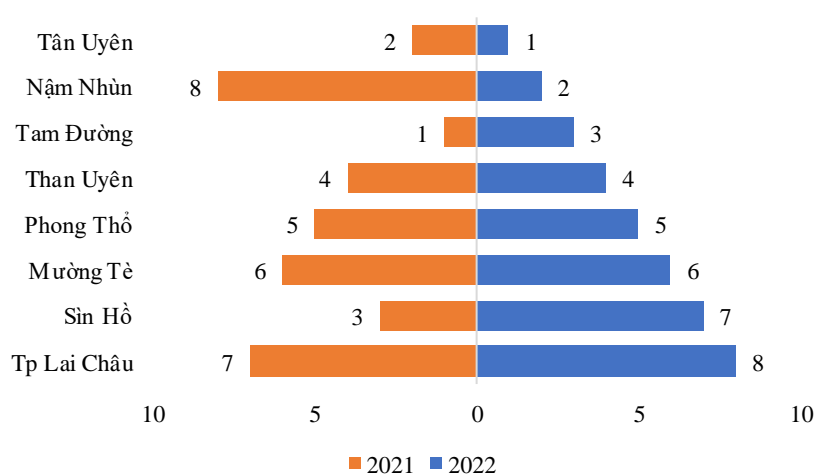
Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

4.2.2. Thay đổi về thứ hạng

So sánh kết quả với các năm trước, năm 2022, hầu hết các địa phương đều duy trì và giữ vững được thứ hạng, không có quá nhiều xáo trộn. Cụ thể:

- Nhóm các địa phương thăng hạng gồm 2 huyện là Nậm Nhùn tăng 6 bậc và huyện Tân Uyên tăng 1 bậc, lên vị trí nhóm dẫn đầu. Nậm Nhùn là một trong những huyện có đột phá khi vươn lên từ vị trí thứ 8/8 năm 2021 lên vị trí thứ 2/8 năm 2022.
- Nhóm các địa phương giảm thứ hạng gồm 3 địa phương là Tp. Lai Châu; Sìn Hồ và Tam Đường do có mức cải thiện điểm số chưa nhanh như các địa phương khác. Xét về xếp hạng, huyện Sìn Hồ bị giảm xếp hạng từ 2/8 năm 2021 xuống 7/8 năm 2022. Sìn Hồ không được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao ở công tác hỗ trợ doanh nghiệp cũng như ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết các TTHC.
- Nhóm các địa phương giữ nguyên thứ hạng gồm 3 địa phương là Mường Tè, Phong Thổ và Than Uyên.

Biểu đồ 4.3. Mức thay đổi thứ hạng của các địa phương trong DDCI năm 2022 và 2021



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

DDCI là một chặng đường cải cách liên tục và dài lâu, chính vì vậy, để xác định được xu hướng và đề ra các cải cách cần xét trên khoảng thời gian dài hạn hơn. Có những địa phương có thể giảm điểm hoặc tăng điểm nhưng để duy trì nhịp độ cũng như phục hồi thì cần sự kiên trì và bền bỉ.

4.3. Kết quả các chỉ số thành phần

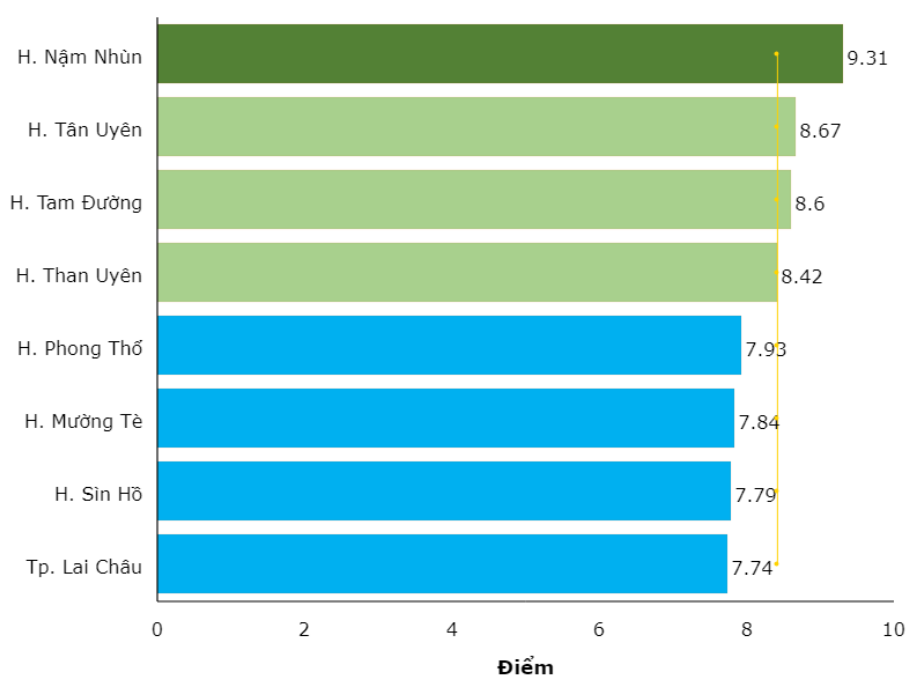
4.3.1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin

Tính minh bạch và tiếp cận thông tin đề cập tới khả năng các đối tượng kinh doanh có thể tìm hiểu, tiếp cận đến những kế hoạch và văn bản pháp lý mang tính chất công khai của huyện, thành phố, Sở, ban, ngành mà cần thiết cho hoạt động kinh doanh của mình. Sự sẵn có của các loại tài liệu, mức độ tiện dụng của việc tìm kiếm và sự dễ dàng trong tiếp cận thông tin là những yêu cầu cần thiết để đảm bảo cho tính minh bạch.

Tính minh bạch có điểm số 8,29 điểm xét trung bình chung toàn tỉnh, xếp 6/10 trong số các CSTP được xếp hạng. Các phân tích sâu cho thấy bảng xếp hạng riêng CSTP này ghi nhận kết quả tích cực tại Nậm Nhùn, Tân Uyên, Tam Đường và Than Uyên - xếp hạng tốt, trên 8 điểm. Các huyện còn lại được xếp hạng khá, trên 7,0 điểm. Trong đó, thành phố Lai Châu đạt 7,74 điểm xếp cuối trong các địa phương về CSTP tính minh bạch và tiếp cận thông tin.

Cũng như các Sở, ban, ngành, tính minh bạch và tiếp cận thông tin cấp địa phương được các HKD đánh giá tương đối tốt - đều đạt điểm số được xếp hạng tốt, về các khía cạnh như hướng dẫn về TTHC dễ hiểu, dễ thực hiện, các văn bản được công khai, minh bạch. Tuy nhiên, vẫn còn có một số chỉ tiêu chỉ ở mức khoảng 5 điểm, trung bình thấp như: (1) HKD đã từng truy cập vào cổng thông tin điện tử (Website) của địa phương để tìm kiếm thông tin, (2) “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các HKD thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC và (3) “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các HKD thuận lợi hơn trong tiếp cận với các thông tin, tài liệu quan trọng của địa phương. Điển hình, huyện Than Uyên, huyện Tam Đường, huyện Phong Thổ, thành phố Lai Châu và huyện Mường Tè cần nỗ lực nhiều để cải thiện các chỉ tiêu này khi điểm số trung bình của các địa phương đều dưới 5,0 điểm - xếp hạng mức trung bình.

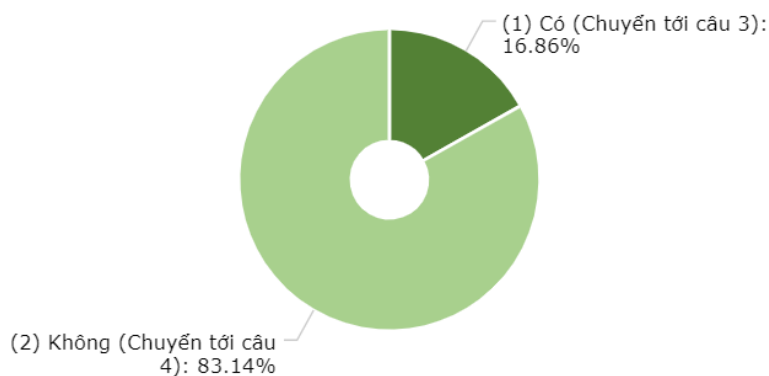
Biểu đồ 4.4. Điểm số CSTP “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

Bên cạnh đó, phần lớn các HKD chưa từng truy cập vào cổng thông tin điện tử (Website) của địa phương để tìm kiếm thông tin - tỷ lệ này lên tới 83,14%. Như vậy, việc nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin vào thực hiện các TTHC cần phải được đẩy mạnh từ cả hai phía - phía các cơ quan nhà nước và phía các DN/HTX/HKD. Các địa phương cần có các chính sách thúc đẩy HKD sử dụng các dịch vụ điện tử và thông tin đến các HKD để các HKD biết được và tìm hiểu thực hiện.

Biểu đồ 4.5. Tỷ lệ các HKD đã từng truy cập vào cổng thông tin điện tử (website) của địa phương để tìm kiếm, thông tin

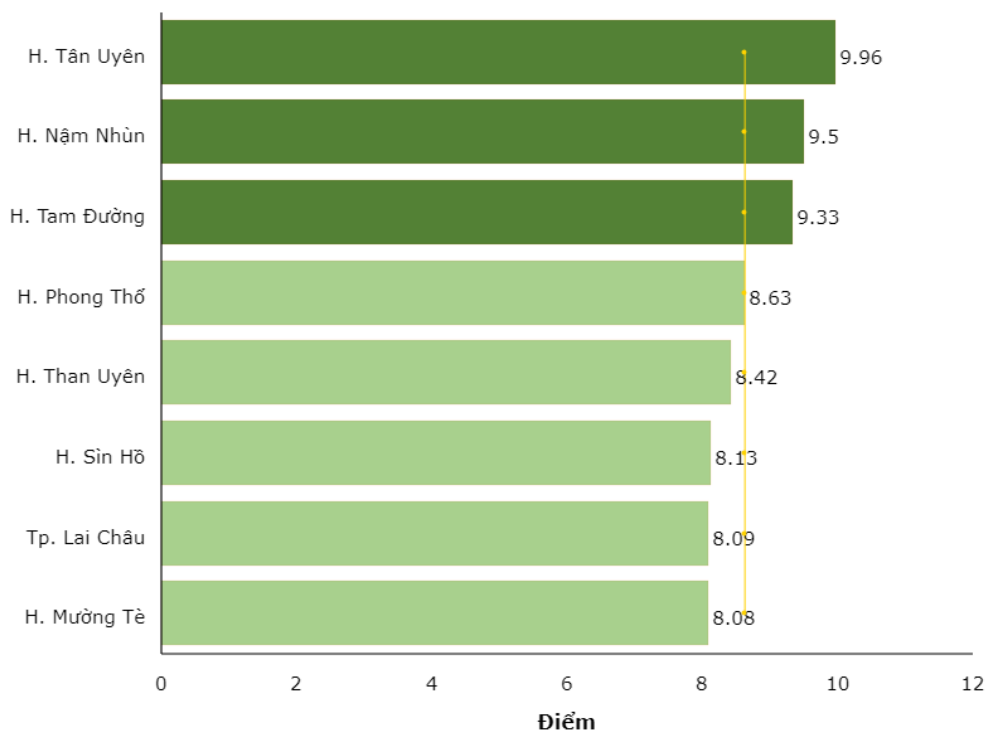


Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

Mặt tích cực, các chỉ tiêu khác thuộc CSTP này đều được các HKD đánh giá rất cao. Cho thấy, các địa phương thuộc tỉnh Lai Châu đã có những nỗ lực không ngừng nhằm cải thiện tính minh bạch và tiếp cận thông tin cho các HKD thuộc địa bàn.

4.3.2. Tính năng động của địa phương

Biểu đồ 4.6. Điểm số CSTP “Tính năng động của địa phương”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

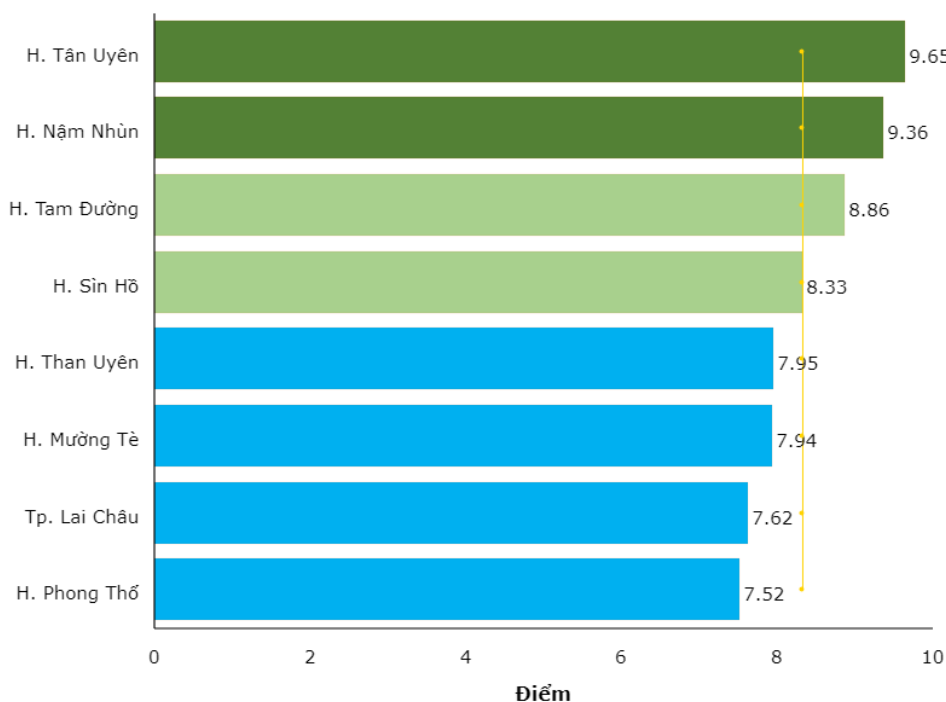
DDCI Lai Châu quan tâm đến tính năng động của địa phương trong thực hiện các chương trình, chủ trương của UBND tỉnh trong khuôn khổ pháp luật, nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi. Chỉ tiêu này đạt 8,77 điểm trung bình toàn tỉnh, xếp thứ 3/10 CSTP. Đứng đầu bảng xếp hạng tiếp tục là Tân Uyên. Trong khi đó, ở vị trí cuối của bảng xếp hạng CSTP này là Mường Tè với 8,08 điểm, vẫn thuộc nhóm điểm tốt.

Tính năng động, sáng tạo của địa phương được đánh giá qua 6 chỉ tiêu đều đạt trên 8,4 điểm. Chỉ tiêu nắm bắt và có phương án xử lý được những bất cập, vướng mắc trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình đạt 8,84 điểm; chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ HKD/cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh được chấm 8,80 điểm; tích cực vào cuộc thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh đạt 8,99 điểm; chỉ tiêu tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ HKD trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh đạt 8,92 điểm; chỉ tiêu sáng tạo, mạnh dạn triển khai các mô hình mới, cách thức mới trong việc triển khai chủ trương, chính sách của TW, quyết định của UBND tỉnh theo hướng có lợi cho cộng đồng HKD đạt 8,66 điểm và chỉ tiêu thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với HKD đạt 8,41 điểm. Điều này cho thấy sự nỗ lực của các địa phương trong quá trình điều hành, quản lý ở địa phương về việc tạo thuận lợi cho môi trường kinh doanh, đầu tư của DN, HTX, HKD.

4.3.3. Chi phí thời gian

Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của nhà nước đo lường thời gian mà các HKD phải bỏ ra khi thực hiện các thủ tục hành chính, cũng như mức độ thường xuyên và thời gian mà HKD phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh thực hiện việc thanh tra, kiểm tra. Tại Kế hoạch số 2050/KH-UBND, ngày 18 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Lai Châu về Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Lai Châu năm 2022 đã đề ra nhiệm vụ “thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) thuộc lĩnh vực đăng ký kinh doanh, đầu tư so với quy định”.

Biểu đồ 4.7. Điểm số CSTP “Chi phí thời gian”



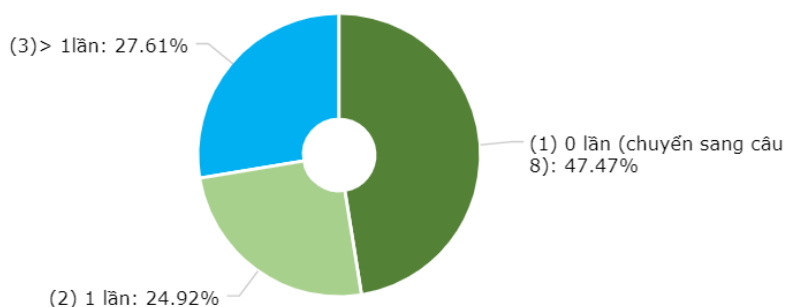
Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

Nhìn chung, đây là CSTP nhận được nhiều sự quan tâm của lãnh đạo các cấp tỉnh Lai Châu. Trên phương diện DDCI cấp huyện, thành phố, CSTP này có điểm số trung bình đạt 8,40, ở vị trí 4/10 CSTP được xếp hạng. Đây là điểm số và thứ hạng tương đối cao. So sánh giữa các huyện và thành phố, Tân Uyên, Nậm Nhùn, Tam Đường và Sìn Hồ ở nhóm điểm tốt và rất tốt. Trong khi đó Than Uyên, Mường Tè, Lai Châu và Phong Thổ ở mức điểm khá dưới 8 điểm. Chỉ số này có sự phân hóa điểm số và cách biệt khá rõ giữa các nhóm địa phương, cho thấy các HKD vẫn còn mất thời gian hơn khi làm việc ở một số địa phương.

Chi phí thời gian được đánh giá bởi 10 chỉ tiêu thể hiện qua những khía cạnh như năng lực, chuyên môn giải quyết công việc của cán bộ, công việc cũng như thái độ phục vụ, sự nhiệt tình, không gây khó dễ cho HKD. Phân tích chi tiết vào các chỉ tiêu nhỏ, các chỉ tiêu đều được đánh giá đạt mức tốt và rất tốt với mức độ hài lòng của các HKD. Tuy nhiên, các HKD cũng cho biết vẫn còn phải đi lại nhiều lần để thực hiện TTHC với hơn 33%, tập trung ở một số địa phương như Phong Thổ, Sìn Hồ và Tp. Lai Châu.

Tuy nhiên, ở lĩnh vực thanh tra, kiểm tra, các HKD cho rằng vẫn còn gây nhiều trở ngại cho HKD. Số lần các đoàn công tác của địa phương tiến hành thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của HKD và nội dung thanh kiểm tra chồng chéo/trùng lặp với các địa phương - được đánh giá ở mức khá với số điểm lần lượt là 6,69 và 6,75. Kết quả khảo sát cho thấy vẫn còn 27,61% HKD tham gia khảo sát phải tiếp hơn 1 lần trong năm qua và khoảng 42% HKD cho biết nội dung các cuộc thanh tra, kiểm tra trùng lặp. Cụ thể, các huyện Phong Thổ, Than Uyên và Mường Tè cần cải thiện các chỉ số này.

Biểu đồ 4.8. Tỷ lệ số lần các đoàn công tác thanh tra, kiểm tra của HKD ở địa phương



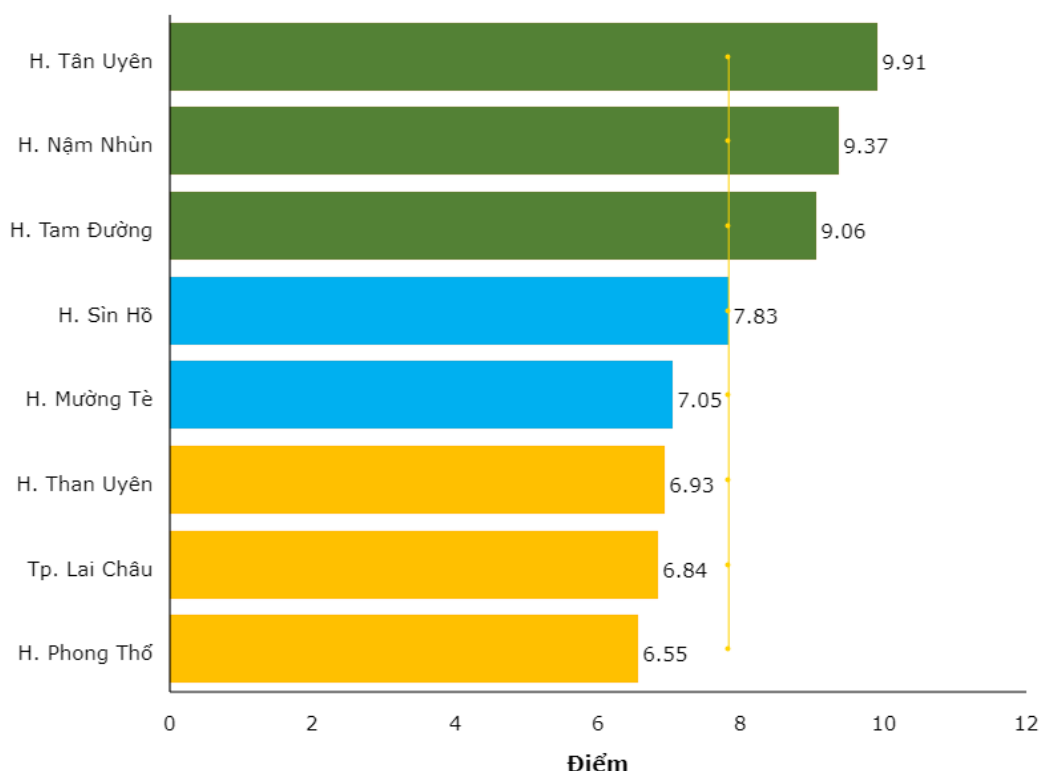
Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

4.3.4. Chi phí không chính thức

Chỉ số chi phí không chính thức là công cụ để đo lường các khoản chi phí mà đối tượng kinh doanh phải trả và các trở ngại do những chi phí không chính thức này gây ra đối với hoạt động kinh doanh của họ. Việc đưa chỉ số chi phí không chính thức vào bộ chỉ số thể hiện quyết tâm và cam kết cải cách đối với một vấn đề vốn được coi là tế nhị này. Chi phí không chính thức là chỉ dấu quan trọng cho việc cải cách các nội dung hoạt động khác nhau của cơ quan công quyền.

Điểm số chi phí không chính thức tại các địa phương thuộc Lai Châu đạt trung bình 7,94 điểm. Cũng giống cấp Sở, ban, ngành, chi phí không chính thức là CSTP có điểm trung bình thấp nhất trong số các CSTP được xếp hạng. So sánh giữa các địa phương cũng có sự chênh lệch điểm số đáng kể. Vấn đề chi phí không chính thức vẫn còn tồn tại ở nhiều địa phương. Một số địa phương được HKD đánh giá chi phí này ít xảy ra hơn như huyện Tân Uyên, Nậm Nhùn, Tam Đường được xếp hạng rất tốt. Các huyện Sìn Hồ, Mường Tè xếp hạng ở nhóm khá, dưới 8 điểm. Ba địa phương ở nhóm cuối của bảng xếp hạng riêng về chi phí không chính thức cần lưu ý đến các chỉ tiêu này khi điểm số ở mức trung bình khá gồm Than Uyên, thành phố Lai Châu và Phong Thổ. Có thể thấy có sự phân hóa khá rõ ở các địa phương cho thấy nhiều HKD ở nhiều địa phương phải chịu gánh nặng từ các khoản chi phí này.

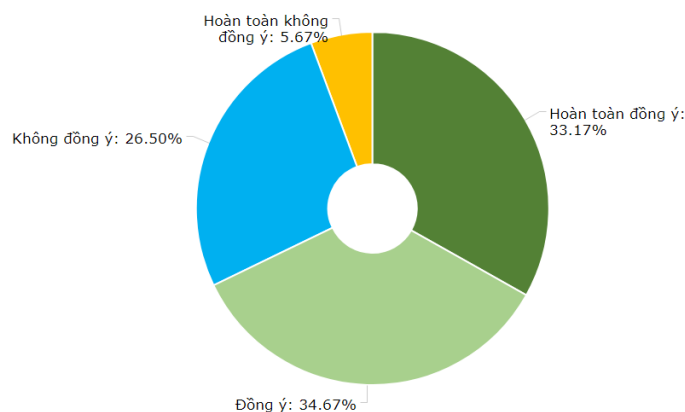
Biểu đồ 4.9. Điểm số CSTP “Chi phí không chính thức”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

Tương tự như các Sở, ban, ngành, chi phí không chính thức cấp địa phương được đánh giá qua 3 chỉ tiêu và điểm số của cả 3 chỉ tiêu đều dao động quanh mức điểm 8. Một số chỉ tiêu điển hình: Mức độ phổ biến của chi phí không chính thức (chi phí lót tay, chi phí khác ngoài quy định Nhà nước) - 87% HKD không đồng ý với nhận định này - chỉ có 13% HKD cho rằng hiện tượng những nhiễu vẫn còn phổ biến và gần như thành yêu cầu mặc định ngầm. Tương tự, có đến 87,83% HKD cho rằng không cần phải trả chi phí không chính thức nếu muốn công việc được thuận lợi. Tuy nhiên, vẫn còn 32,17% doanh nghiệp cho rằng chi phí không chính thức không có xu thế giảm qua các năm. Điều này cho thấy các địa phương, nhất là các địa phương ở nhóm cuối cần kiên trì và quyết tâm đẩy lùi tham nhũng, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi.

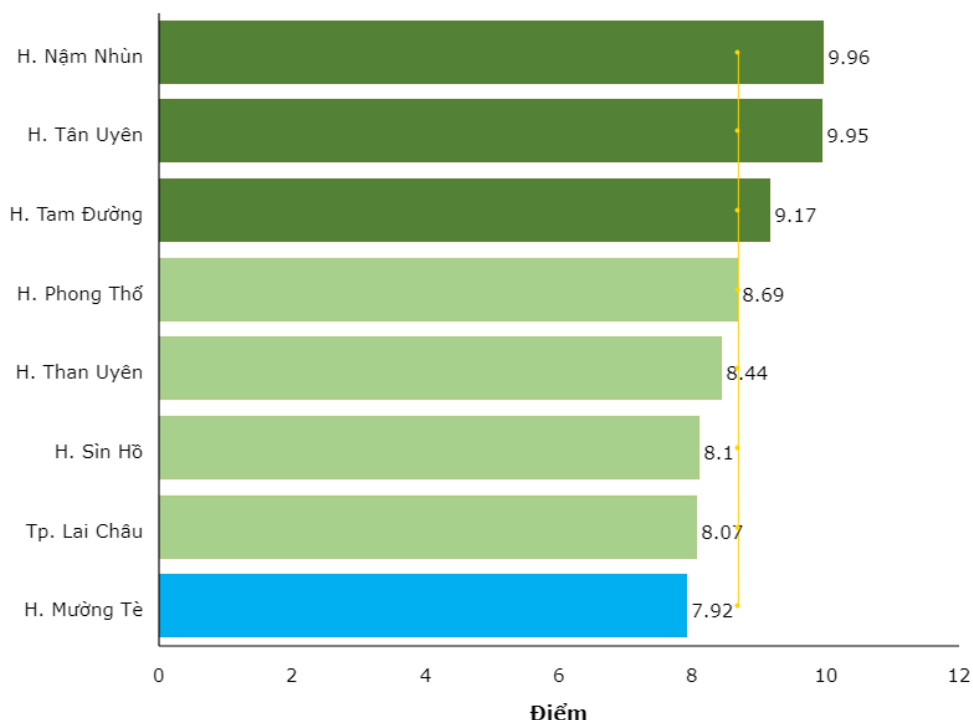
Biểu đồ 4.10. Chỉ tiêu chi phí không chính thức năm có xu hướng giảm so với các năm trước



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

4.3.6. Cạnh tranh bình đẳng

Biểu đồ 4.11. Điểm số CSTP “Cạnh tranh bình đẳng”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

Cạnh tranh bình đẳng đánh giá sự cạnh tranh của các cơ sở dân doanh trước những ảnh hưởng từ các ưu đãi doanh nghiệp nhà nước (DNNN), doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (DN FDI) và các doanh nghiệp thân hữu với cán bộ chính quyền cấp tỉnh, thể hiện dưới dạng các ưu đãi cụ thể, phân biệt về chính sách và việc tiếp cận các nguồn lực cho phát triển.

Trên phương diện DDCI cấp địa phương, CSTP này có điểm số trung bình đạt 8,79, ở vị trí thứ nhất trong CSTP được xếp hạng. So sánh giữa các huyện và thành phố, Nậm Nhùn, Tân Uyên, Tam Đường thuộc nhóm đứng đầu bảng xếp hạng với điểm số khá cao trên 9 điểm. Các địa phương còn lại cũng đạt mức điểm tốt, chỉ riêng huyện Mường Tè ở mức điểm khá với 7,92 điểm, tiệm cận khá gần với mức điểm tốt của các địa phương phía trên.

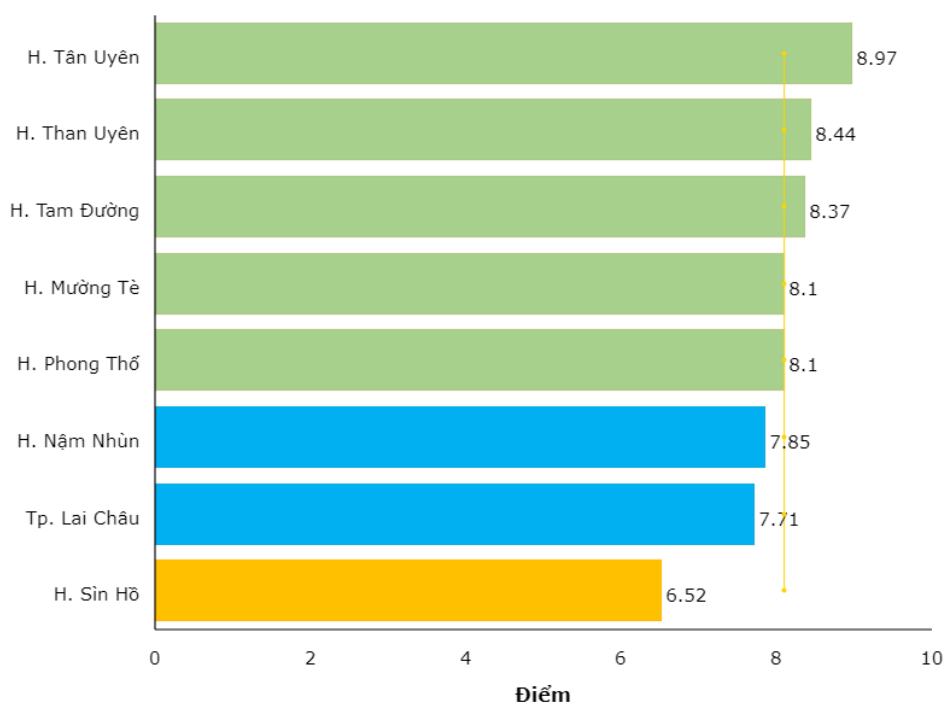
Đi sâu vào các chỉ tiêu, kết quả khảo sát cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều được đánh giá tốt, trên 8,6 điểm. Điều này cho thấy cộng đồng HKD đã có ghi nhận và đánh giá cao sự nỗ lực của chính quyền các cấp trong việc tạo dựng sân chơi bình đẳng cho DN, HTX, HKD về các nguồn lực, tín dụng, thực hiện thủ tục hành chính, đặc biệt trong tiếp cận đất đai. Đây là một trong những tín hiệu tích cực, mang lại hiệu quả, khẳng định được quyết tâm cải thiện môi trường kinh doanh.

4.3.7. Hỗ trợ doanh nghiệp

Chỉ số hỗ trợ sản xuất, kinh doanh trong bộ chỉ số của tỉnh Lai Châu đề cập đến vấn đề hỗ trợ DN, HTX, HKD ở tất cả mọi lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của từng Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố dưới nhiều hình thức khác nhau như: hỗ trợ thực hiện các thủ tục hành chính, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, viễn thông, lao động, các chương trình khuyến công, khuyến nông, chương trình khuyến khích sản xuất lớn, chương trình đào tạo khởi sự, chương trình xúc tiến thương mại, chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức về pháp luật cho DN, HTX, HKD, ... Mục đích cuối cùng là tạo điều kiện giúp các DN, HTX, HKD phát triển tốt nhất và thu hút DN đầu tư vào tỉnh.



Biểu đồ 4.12. Điểm số CSTP “Hỗ trợ doanh nghiệp”

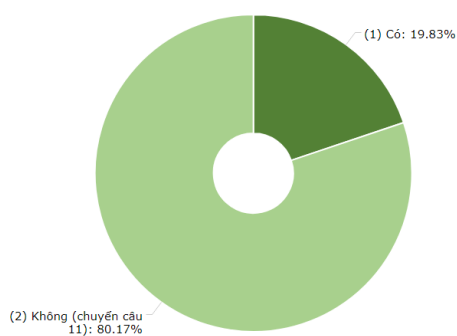


Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

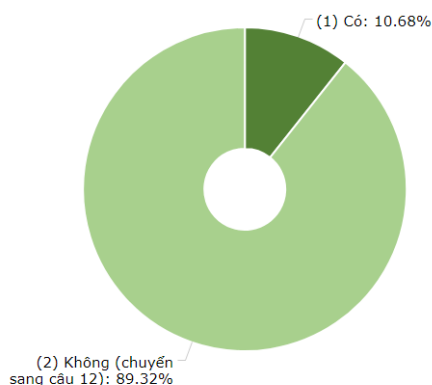
Dưới góc độ DDCI cấp địa phương, điểm số trung bình chung cho CSTP này là 8,01 điểm, mức tốt xếp hạng 9/10 CSTP. Các phân tích sâu cho thấy bảng xếp hạng riêng CSTP hỗ trợ sản xuất kinh doanh ghi nhận kết quả tích cực tại huyện Tân Uyên, Than Uyên, Tam Đường, Mường Tè và Phong Thổ - được xếp hạng tốt. Hai địa phương Nậm Nhùn và thành phố Lai Châu nhóm điểm khá, ở mức 7 điểm. Trong khi đó, HKD tại Sìn Hồ cần nhiều hơn các hoạt động hỗ trợ tích cực, hiệu quả, khi Sìn Hồ chỉ được xếp hạng trung bình khá với 6,52 điểm. Một cách hiểu khác, chính quyền các địa phương đã triển khai hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh song, hiệu quả, tính chủ động thực hiện còn khác nhau nhiều giữa các địa phương.

Biểu đồ 4.13. Tỷ lệ HKD tham gia các chương trình hỗ trợ và tham gia các buổi đối thoại

(a) Chương trình hỗ trợ



(b) Chương trình đối thoại



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)



Theo kết quả khảo sát, điểm số của chỉ số này bị kéo xuống thấp là do điểm số của 2 chỉ tiêu HKD tham gia các chương trình hỗ trợ (mời tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới, ...) của địa phương và tham gia các buổi đối thoại do địa phương tổ chức đều khá thấp - chỉ đạt lần lượt 5,96 điểm và 5,48 điểm, ở mức điểm trung bình. Cụ thể, chỉ có 19,83% DN/HTX/HKD đã tham gia các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp và 10,68% DN/HTX/HKD tham gia các chương trình đối thoại. Mặc dù vậy với các HKD đã từng tham gia các chương trình này đều đánh giá khá tích cực về chất lượng và hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ. Điểm số của các chỉ tiêu này đều đạt mức điểm tốt, trên 8 điểm.

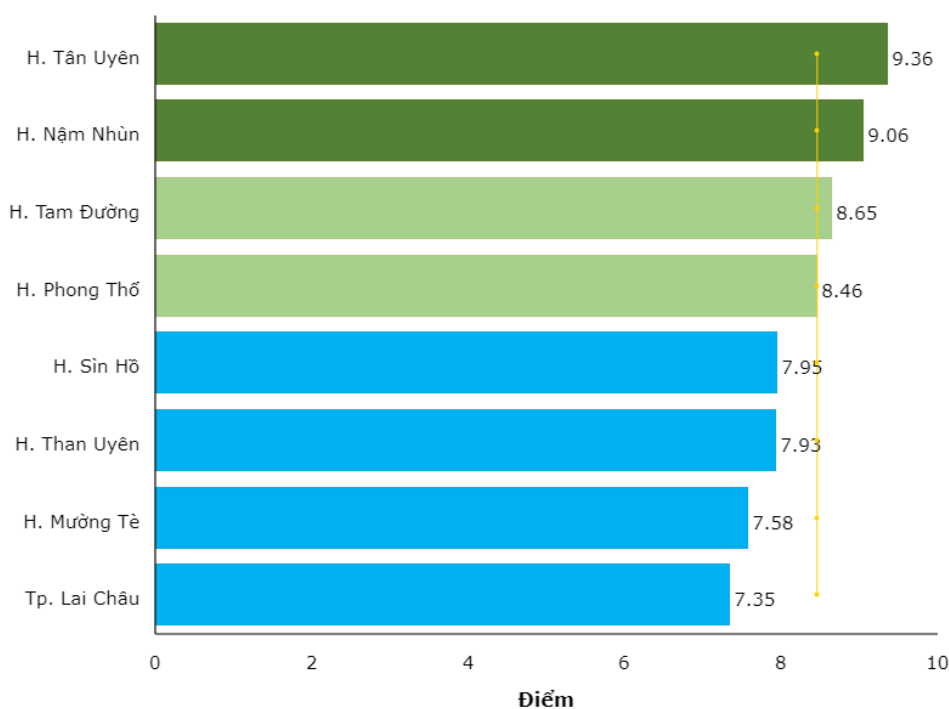
Như vậy, các chương trình hỗ trợ cũng như các chương trình đối thoại được tổ chức bởi các địa phương thuộc tỉnh được các DN/HTX/HKD tham gia đánh giá là có hiệu quả nhưng số lượng DN/HTX/HKD tham gia các chương trình này còn chưa cao. Vì vậy, các địa phương cần có các chính sách tuyên truyền, thu hút cộng đồng DN/HTX/HKD theo dõi, quan tâm và tích cực tham gia các chương trình hỗ trợ, đối thoại thiết thực như thế.

4.3.8. Thiết chế pháp lý

Chỉ số thiết chế pháp lý nhằm xem xét, đánh giá UBND các huyện, thành phố trong hiệu quả thực thi các quy định pháp luật, chính sách, chương trình trong phạm vi quản lý, hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cũng như công tác tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo của DN, HTX, HKD, tạo điều kiện thuận lợi, tránh các hành vi gây nhũng nhiễu, khó khăn cho đối tượng kinh doanh khi giải quyết các công việc, thủ tục hành chính.

Thiết chế pháp lý dưới góc độ DDCI cấp địa phương là chỉ số có điểm số ở mức tốt với 8,29 điểm trung bình toàn tỉnh, xếp hạng 5/10 CSTP. Huyện Tân Uyên, Nậm Nhùn, Tam Đường và Phong Thổ là 4 huyện có điểm số ở nhóm tốt và rất tốt, trên 8 điểm. Còn lại là các địa phương thuộc nhóm điểm khá, ở mức 7 điểm. Thành phố Lai Châu là địa phương thấp điểm nhất khi chỉ đạt 7,35 điểm.

Biểu đồ 4.14. Điểm số CSTP “Thiết chế pháp lý”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và *Economica Vietnam* (2022)

Một số chỉ tiêu điển hình được phản hồi khá tích cực là tính nhất quán trong việc thực thi văn bản chính sách pháp luật có 48,25% DN/HTX hoàn toàn đồng ý, 48,58% DN/HTX đồng ý và chỉ có 3,17% DN/HTX chưa thực sự đồng ý. Đáng kể hơn nữa là có đến 96,79% DN/HTX đánh giá cao về chất lượng thi hành, thực thi pháp luật của các địa phương. Tuy nhiên về khía cạnh cơ chế giải quyết khiếu nại, tỉ lệ HKD biết về cơ chế khiếu nại còn khá thấp và số lượng doanh nghiệp phải khiếu nại vượt cấp vẫn còn khá nhiều, chiếm 62,5%. Đây cũng là hai chỉ tiêu có điểm số thấp nhất, khi chỉ đạt lần lượt là 5,67 điểm và 5,97 điểm, được xếp loại trung bình.

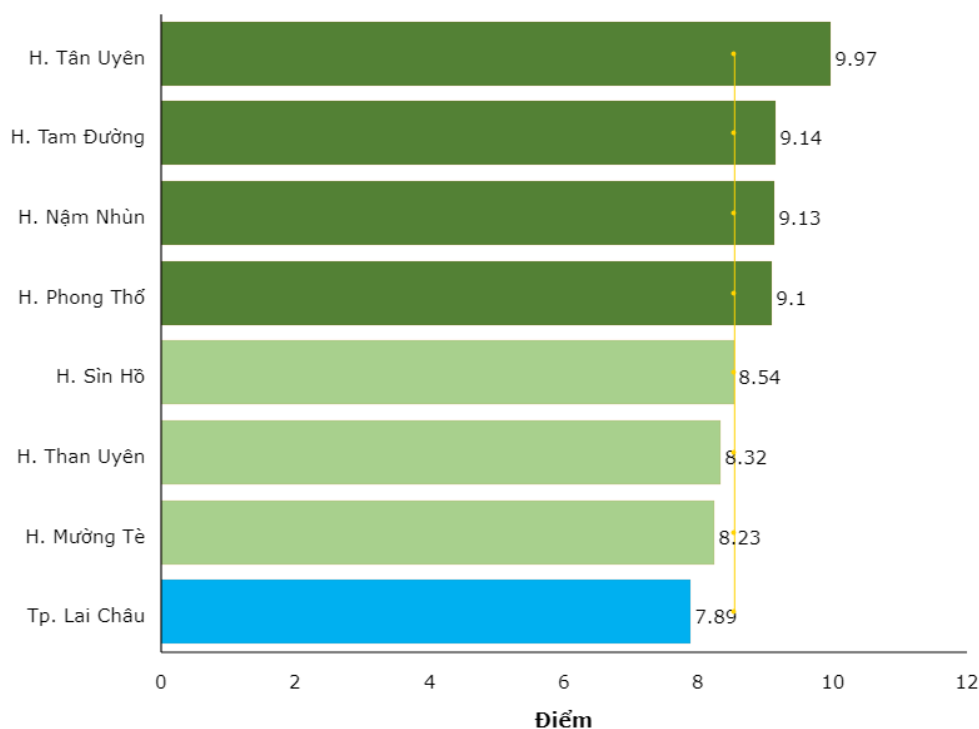
Nhìn chung, hiệu lực thực thi pháp luật, thiết chế pháp lý tại Lai Châu được thực hiện ở mức khá tốt trong năm vừa qua nhưng các đại phương vẫn cần quan tâm nhiều hơn nữa đến vấn đề khiếu nại, tố cáo và các hỗ trợ pháp lý kịp thời.

4.3.9. Vai trò người đứng đầu

Tính năng động của lãnh đạo là một trong những động lực quan trọng hàng đầu cho quá trình cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh của môi trường kinh doanh. Điểm số trung bình của CSTP này đạt 8,79 điểm, là CSTP xếp hạng cao nhất trong số các CSTP. Nhóm điểm rất tốt trên 9 điểm có 4 địa phương là Tân Uyên, Tam Đường, Nậm Nhùn và Phong Thổ. Ba huyện tiếp theo là Sìn Hồ, Than Uyên và Mường Tè thuộc nhóm điểm tốt trong dải điểm 8. Thành phố Lai Châu là địa phương duy nhất có mức điểm dưới 8 điểm và nằm ở nhóm điểm khá nhưng tiệm cận khá gần với thang điểm của nhóm xếp hạng tốt.

Đánh giá về vai trò người đứng đầu, các HKD có nhiều phản hồi tích cực về các khái cạnh lãnh đạo địa phương chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính và đã có những hành động cụ thể, thiết thực giải quyết các vấn đề cho HKD. Điểm số của các chỉ tiêu này cũng ghi nhận ở mức tốt, trên 8,5 điểm. Điều này cho thấy lãnh đạo các địa phương thuộc tỉnh Lai Châu đang nỗ lực không ngừng để nâng cao năng lực địa phương và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trong những năm vừa qua.

Biểu đồ 4.15. Điểm số CSTP “Vai trò người đứng đầu”

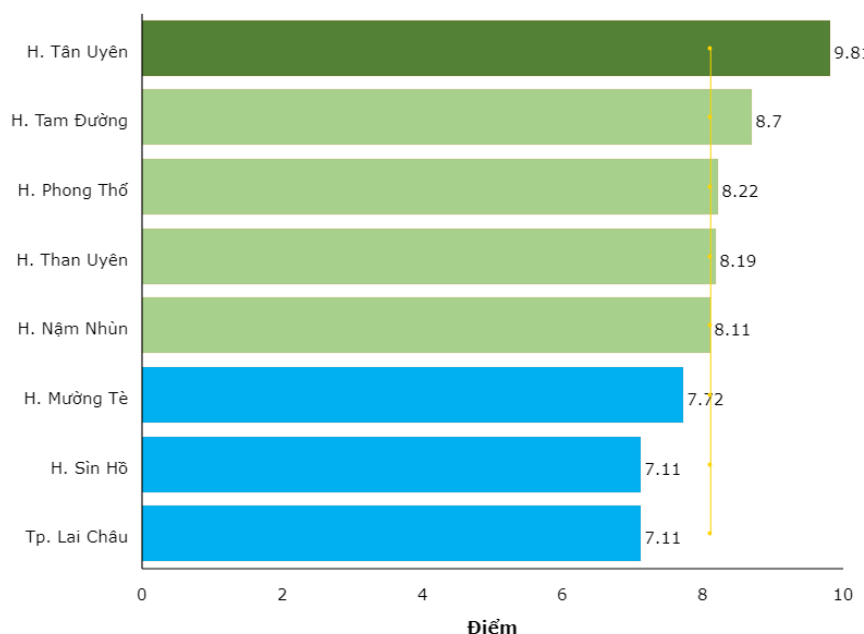


Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

4.3.9. Ứng dụng công nghệ thông tin

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác xây dựng Chính quyền điện tử (CQĐT), thời gian qua, tỉnh Lai Châu đã chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy mạnh thực hiện công tác này nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của dịch vụ công trực tuyến để cải thiện chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Biểu đồ 4.16. Điểm số CSTP “Ứng dụng công nghệ thông tin”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

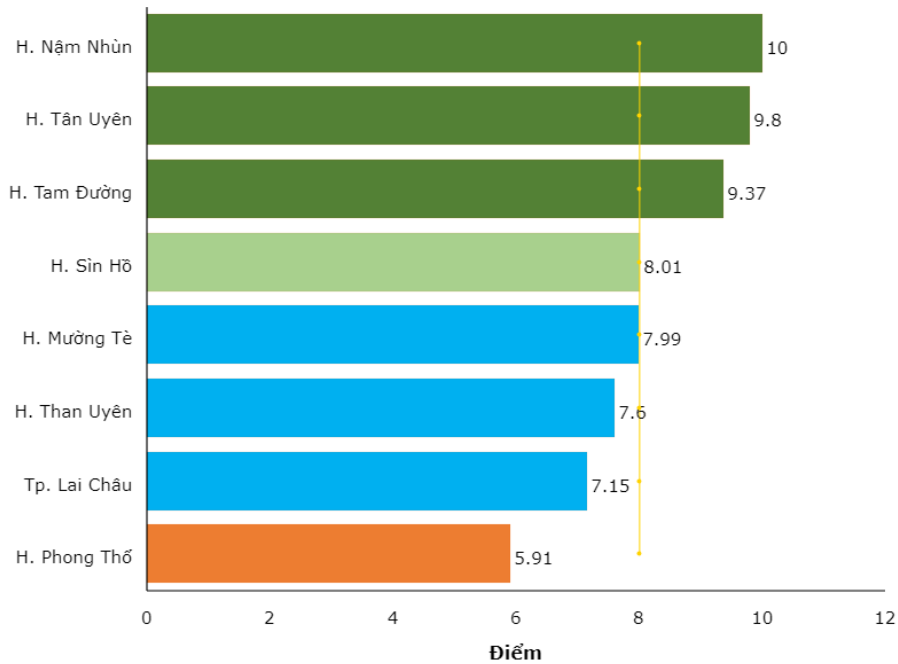
Dưới góc độ DDCI cấp huyện, điểm số trung bình chung cho CSTP này là 8,12 điểm, mức điểm tốt - xếp hạng 7/10 CSTP được xếp hạng. Các phân tích sâu cho thấy bảng xếp hạng riêng CSTP ứng dụng công nghệ thông tin ghi nhận kết quả tích cực tại huyện Tân Uyên với 9,8 điểm. Các huyện Tam Đường, Phong Thổ, Than Uyên và Nậm Nhùn nằm ở nhóm điểm tốt, trong phổ điểm bậc 8. Mường Tè, Sìn Hồ và thành phố Lai Châu thuộc nhóm cuối bảng điểm, ở mức điểm khá trên 7 điểm.

Ứng dụng công nghệ thông tin được đo lường bởi 5 chỉ tiêu, với phần lớn các chỉ tiêu đều được đánh giá ở mức tốt về các khía cạnh cung cấp đầy đủ thông tin, website hoạt động hiệu quả. Tuy nhiên, vẫn còn 26,17% HKD chưa thường xuyên truy cập vào website của địa phương để tìm kiếm thông tin liên quan. Vì vậy, các địa phương có thể áp dụng các biện pháp, chính sách nhằm thu hút các HKD truy cập các nguồn thông tin được cung cấp từ các trang thông tin chính thức của địa phương.

4.3.10. Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất

Lĩnh vực đất đai là một lĩnh vực quản lý quan trọng thuộc thẩm quyền của các huyện, thành phố và là một trong những cấu phần quan trọng trong phát triển kinh tế, tạo môi trường kinh doanh ổn định. Tuy nhiên, lĩnh vực đất đai cũng là lĩnh vực còn nhiều điểm nghẽn trong quá trình cải cách hành chính không chỉ ở Lai Châu mà còn là tình trạng chung của nhiều tỉnh, thành trong cả nước. Điểm số trung bình của chỉ số này đạt 8,23 điểm, xếp hạng 6/10 CSTP được xếp loại. Nhóm các địa phương được đánh giá ở mức rất tốt và tốt, gồm Nậm Nhùn, Tân Uyên, Tam Đường và Sìn Hồ. Nhóm các địa phương được đánh giá ở mức khá gồm Mường Tè, Than Uyên và thành phố Lai Châu. Còn Phong Thổ có điểm số ở mức trung bình khá với 5,91 điểm, thấp nhất trong 8 địa phương của tỉnh Lai Châu.

Biểu đồ 4.17. Điểm số CSTP “Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất được đánh giá khá khả quan ở các khía cạnh về cơ chế giải quyết các vấn đề về đất đai khá công khai, minh bạch. Tuy nhiên, vẫn còn 26,67% HKD gặp khó khăn trong việc tiếp cận hoặc mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh và 23,33% HKD gặp khó khăn khi thực hiện TTHC về đất đai. Điều này cho thấy lĩnh vực đất đai ở tỉnh cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách, học tập những mô hình mới trên cả nước, đồng thời khuyến khích nhiều sáng kiến cải cách và hỗ trợ HKD thực hiện nhanh chóng các thủ tục đất đai và tiếp cận mặt bằng SXKD.

4.4. Kết luận tổng quan về điểm số và xếp hạng các địa phương trong DDCI Lai Châu năm 2022

Điểm số trung bình của DDCI cấp địa phương năm 2022 đạt 83,63 điểm, tăng 24,55 điểm so với năm 2021 với một số nét chính như sau:

- 8 địa phương đã có những cải thiện khi đều thuộc nhóm điểm khá, tốt hoặc rất tốt, với dải điểm phân bố trong khoảng từ 75,57 điểm đến 96,06 điểm. Đáng chú ý, không có đơn vị nào xếp hạng trung bình hoặc kém.
- Khoảng cách chênh lệch giữa địa phương đứng đầu và đứng cuối bảng đã rút ngắn hơn năm 2020 từ 37,97 điểm xuống 20,49 điểm.
- Thứ hạng các địa phương không có nhiều thay đổi. Riêng Nậm Nhùn là một trong những huyện có đột phá khi vươn lên từ vị trí thứ 8/8 năm 2021 lên vị trí thứ 2/8 năm 2022. Ngược lại, huyện Sìn Hồ bị giảm xếp hạng từ 2/8 năm 2021 xuống 7/8 năm 2022.



Vai trò của người
đứng đầu là chỉ số
đạt điểm **cao nhất**

Điểm số DDCI 2022
trung bình địa phương

83,63
điểm



8,79
điểm



96,06 điểm
Tân Uyên

75,57 điểm
TP Lai Châu



Các chỉ số cần cải thiện

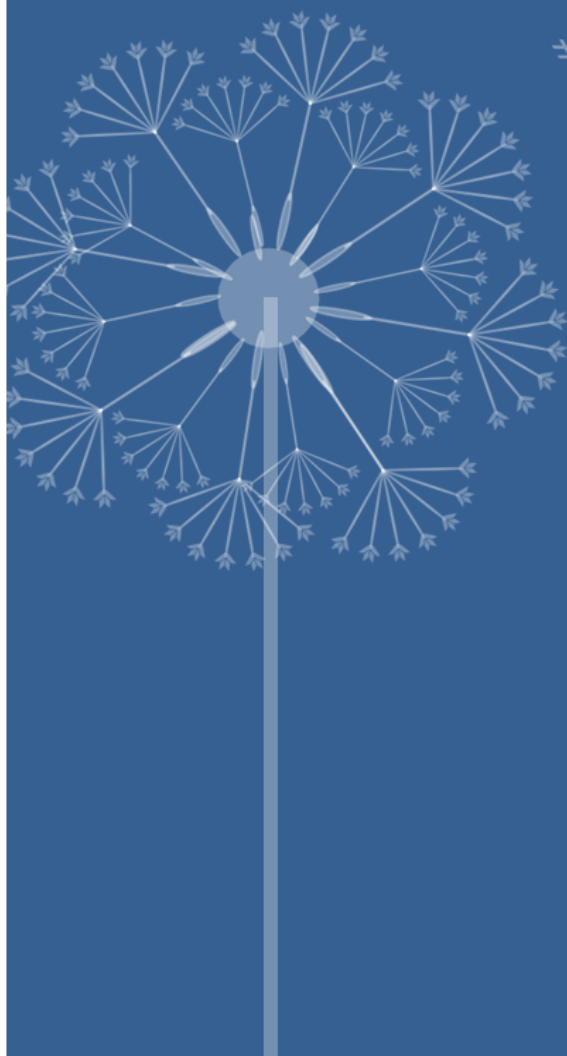
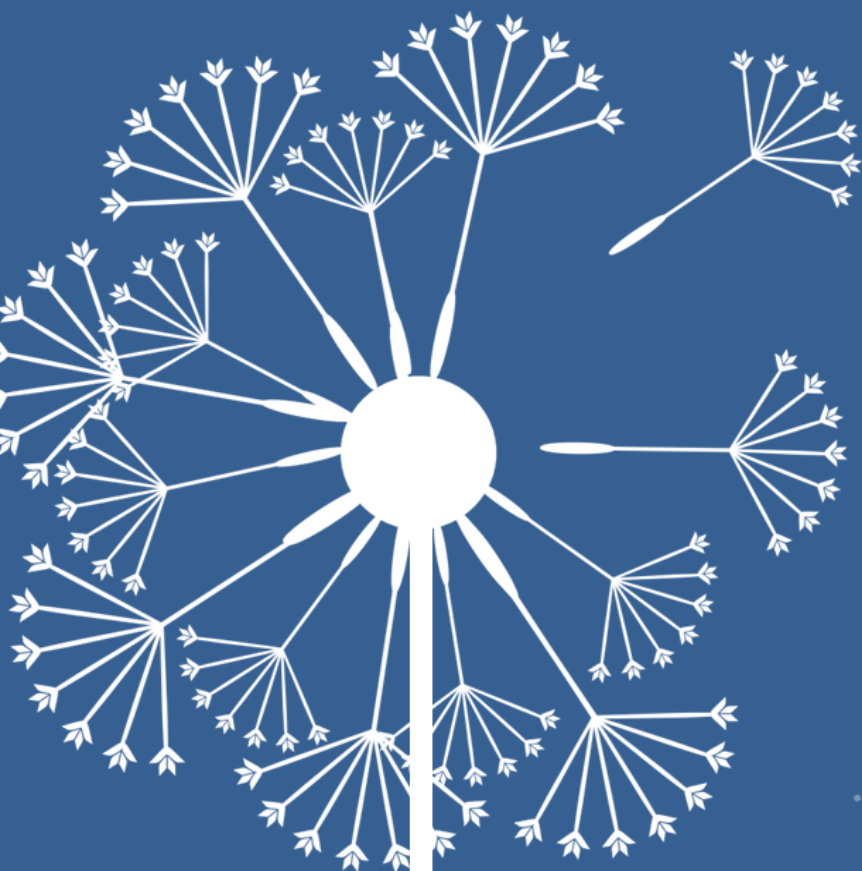
8,01 điểm

Hỗ trợ sản xuất kinh doanh

7,94 điểm

Chi phí không chính thức





CHƯƠNG V
KẾT LUẬN VÀ
ĐỀ XUẤT





CHƯƠNG V: KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

5.1. Kết luận

Khảo sát DDCI Lai Châu năm 2022 ghi nhận ý kiến đóng góp của hơn 1.200 DN, HTX, HKD. Kết quả tổng hợp đưa ra một số kết luận chính như sau:

Thứ nhất, chất lượng quản lý, điều hành của các cơ quan tại tỉnh Lai Châu đã có sự cải thiện. Điều này thể hiện qua điểm số trung bình chung của cấp Sở, ban, ngành và địa phương đều tăng lên so với năm 2021 và đa số các cơ quan đều đạt nhóm điều hành khá trở lên. Cụ thể, điểm số trung bình của DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2022 đạt 79,53 điểm, tăng khoảng 27 điểm so với năm 2021. Điểm số trung bình của DDCI cấp địa phương năm 2022 đạt 83,63 điểm, cao hơn 24,55 điểm so với năm 2021.

Thứ hai, mặc dù có sự phân hóa điểm số thể hiện qua phân nhóm xếp hạng các cơ quan nhưng khoảng cách điểm số giữa vị trí đứng đầu bảng và cuối bảng đã được thu hẹp so với năm 2021. Trong đó, khối Sở, ban, ngành đã rút ngắn khoảng cách từ 40,92 điểm năm 2021 xuống còn 12,72 điểm năm 2022. Còn khối địa phương được rút ngắn từ 31,44 điểm năm 2021 xuống còn 20,49 điểm năm 2022. Ngoài ra, dải điểm của các cơ quan cũng cho thấy điểm số có sự bám đuổi sát sao khi có nhiều cơ quan có cùng mức điểm và chênh lệch không quá lớn với khoảng 0,1 - 5 điểm. Điều này cho thấy chỉ cần một thay đổi nhỏ về điểm số trong năm tới cũng có thể khiến vị trí thứ hạng của các cơ quan thay đổi nhanh chóng và tiềm năng của các cơ quan đều khá tốt, nhất là các cơ quan đứng cuối bảng có dự địa lớn để cải thiện nhanh chóng trong thời gian tới.

Thứ ba, thứ hạng xếp hạng của các cơ quan có sự thay đổi nhất định. Việc thay đổi này chủ yếu tập trung ở nhóm Sở, ban, ngành với 10/21 cơ quan thăng hạng, 10/21 cơ quan giảm thứ hạng và 1 cơ quan giữ nguyên thứ hạng. Ở khối địa phương, có 2/8 địa phương thăng hạng, có 3/8 địa phương giảm thứ hạng và 3 địa phương giữ nguyên vị trí. Xin lưu ý là điểm số của các cơ quan xếp hạng đều có sự cải thiện nhất định tuy nhiên việc tăng và giảm thứ hạng xuất phát từ việc tốc độ cải thiện điểm số của các cơ quan. Các cơ quan có tốc độ cải thiện mạnh mẽ, diễn ra ở nhóm giữa và cuối bảng năm trước như Sở Tài chính, Sở KH&ĐT, Sở GD&ĐT và huyện Tam Đường đã nhanh chóng vươn lên nhóm đứng đầu. Các cơ quan khác có mức cải thiện điểm số chậm hơn, đã tụt thứ hạng so với năm 2021 như BQL KKTCK, Sở VH, TT&DL, Sở TT&TT, huyện Sin Hồ. Điều này cho thấy các DN, HTX, HKD vẫn đánh giá cao các cải cách của các cơ quan trong tỉnh trong năm 2022 vừa qua nhưng các cải cách này cần được duy trì liên tục, có nhiều sáng kiến mới và không ngừng đổi mới cách triển khai để giải quyết những thách thức điều hành kinh tế phức tạp hơn.

Thứ tư, tín hiệu tích cực từ kết quả DDCI Lai Châu năm 2022 là 100% các cơ quan đều thuộc nhóm điều hành khá và tốt, không có cơ quan nào xếp hạng mức trung bình và kém.

Ngoài ra, khảo sát tình hình sản xuất kinh doanh của các DN, HTX, HKD trên địa bàn tỉnh Lai Châu cho thấy những tín hiệu lạc quan trở lại sau ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Điều này thể hiện qua việc các DN, HTX, HKD phần lớn hoạt động kinh có lãi hơn. Tuy nhiên so với năm 2021, khối DN/HTX có hiệu quả kinh doanh thấp hơn trong khi các HKD lại phục hồi nhanh hơn. Các DN, HTX, HKD đã tăng niềm tin kinh doanh vào tương lai khi có khoảng 20% DN/HTX và 15% HKD dự kiến mở rộng

SXKD sau hậu Covid-19. Song so sánh với năm 2021, triển vọng của khối DN/HTX kém lạc quan hơn so với các HKD khi các DN/HTX gặp nhiều áp lực hơn về các vấn đề thị trường khó khăn trong năm 2022 và lo lắng về tình hình thị trường thời gian tới.

Như vậy, kết quả điều tra DDCI Lai Châu năm 2022 cho thấy sự chuyển động tích cực của nhiều lĩnh vực của môi trường kinh doanh của tỉnh với nỗ lực cải cách liên tục của các Sở, ban, ngành và địa phương. Sự quyết tâm, tinh thần tiên phong và thái độ làm việc có trách nhiệm đã thể hiện qua khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn trong phát triển kinh tế ở Lai Châu, được cộng đồng cơ sở kinh tế đánh giá cao. Cụ thể, các DN, HTX, HKD ghi nhận môi trường kinh doanh bình đẳng hơn, tính minh bạch và tiếp cận thông tin, thiết chế pháp lý được củng cố, các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp và ứng dụng công nghệ thông tin tiếp tục có bước tiến, tính năng động của bộ máy chính quyền được nâng cao. Điều này cho thấy những nỗ lực cải cách của tỉnh Lai Châu trong thời gian vừa qua cùng với việc thực hiện của chính quyền các địa phương đã phát huy hiệu quả trên thực tế.

Những thành quả quan trọng thời gian qua là đáng khích lệ, song điều tra DDCI cho thấy cộng đồng DN, HTX, HKD tiếp tục kỳ vọng chính quyền các cấp cần có những cải cách mạnh mẽ và thực chất trên nhiều khía cạnh của môi trường kinh doanh. Đó là cải cách hành chính cần tập trung vào cắt giảm thời gian và chi phí cho DN, HTX, HKD, đặc biệt là trong các nội dung thanh tra kiểm tra, tránh sự chồng chéo, trùng lặp giữa các Sở, ban, ngành và chính quyền địa phương khác; tạo điều kiện thuận lợi hơn cho DN, HTX, HKD trong tiếp cận thông tin và các nguồn lực cho phát triển; tích cực tuyên truyền, thu hút DN, HTX, HKD tham gia các chương trình hỗ trợ cũng như đối thoại nhằm nâng cao năng lực cũng như nguồn lực; giải quyết sâu sát các khiếu nại, tháo gỡ vướng mắc cũng như khó khăn cho DN, HTX, HKD - trên thực tế vẫn còn hiện tượng DN, HTX, HKD phải khiếu nại vượt cấp.

Cụ thể theo từng chỉ số thành phần, tỉnh Lai Châu đạt được những kết quả như sau:

Tính minh bạch và tiếp cận thông tin: ở cấp Sở, ban, ngành và cấp địa phương, CSTP này đều được cộng đồng DN, HTX, HKD đánh giá tương đối cao khi lần lượt đứng ở vị trí thứ 4/9 và 6/10 CSTP được xếp hạng, đều thuộc nhóm điểm tốt. Tuy nhiên, cộng đồng DN, HTX, HKD vẫn nhấn mạnh về việc có “mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” để được tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng cũng như được thuận lợi hơn trong giải quyết các thủ tục hành chính.

Tính năng động của các Sở, ban, ngành: CSTP này được cộng đồng DN, HTX, HKD tỉnh đánh giá rất tốt, lần lượt xếp hạng 2/9 và 3/10 CSTP được xếp hạng ở cấp Sở, ban, ngành và cấp địa phương. Các cơ quan cần tiếp tục điều hành linh hoạt và có nhiều cải cách tiên bộ để thúc đẩy phát triển khu vực DN, HTX, HKD ở tỉnh.

Chi phí thời gian: ở cấp Sở, ban, ngành, chi phí thời gian cần được cải thiện hơn nữa vì mặc dù đạt mức điểm tốt nhưng vẫn chỉ xếp hạng 6/9 tổng CSTP được xếp hạng. Lý do một phần có thể do nội dung thanh, kiểm tra còn chồng chéo/trùng lặp với các cơ quan khác hoặc chính quyền địa phương. Điều này tương tự với DDCI cấp địa phương. Tuy nhiên, ở cấp địa phương chi phí thời gian được cộng đồng HKD đánh giá tích cực hơn khi xếp hạng 4/10 CSTP.

Chi phí không chính thức: Đây là CSTP xếp hạng thấp nhất trong các CSTP ở cả DDCI Sở, ban, ngành và DDCI địa phương. Mặc dù tổng điểm trung bình của CSTP này đều đạt mức điểm tốt nhưng phần lớn các DN, HTX, HKD nhận định rằng chi phí không chính thức chưa có xu hướng giảm trong 1-2 năm trở lại đây, lưu ý ở một số cơ quan như NHNN, Sở TN&MT, Sở TT&TT, Sở KH&ĐT và tại các địa phương như thành phố Lai Châu, huyện Mường Tè và huyện Than Uyên.

Cạnh tranh bình đẳng: CSTP này được cộng đồng DN, HTX, HKD ở cả các cấp Sở, ban, ngành cũng như cấp địa phương đánh giá cao khi lần lượt xếp hạng 3/9 và 2/10 các CSTP được xếp hạng. Tuy nhiên, các cơ quan cũng cần lưu ý đến khả năng tiếp cận và quan tâm đến các nhóm đối tượng DN, HTX, HKD nhỏ và siêu nhỏ.

Hỗ trợ doanh nghiệp: Nhìn chung, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp cũng như các chương trình đối thoại được các doanh nghiệp tham gia đánh giá rất tốt. Tuy nhiên, số lượng DN, HTX, HKD tham gia các chương trình này ở cả cấp Sở, ban, ngành và địa phương đều chưa cao khi chỉ có khoảng 30% DN, HTX, HKD tham gia các chương trình hỗ trợ và 20% DN, HTX, HKD tham gia các chương trình đối thoại.

Thiết chế pháp lý: CSTP này đều đạt mức điểm tốt ở cả DDCI cấp Sở, ban, ngành và cấp địa phương. Hai chỉ tiêu thuộc CSTP này cần được cải thiện nhiều nhất đó là (1) Trong trường hợp cán bộ, nhân viên thuộc địa phương được khảo sát làm trái với các quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn khi giải quyết TTHC, DN có biết về cơ chế khiếu nại hoặc đã từng khiếu nại lên cấp quản lý có thẩm quyền và (2) DN phải khiếu nại vượt cấp.

Vai trò người đứng đầu: Chỉ số này được đánh giá rất tích cực và đứng thứ nhất trong cả DDCI Sở, ban, ngành và cấp địa phương. Một lần nữa cho thấy sự ghi nhận của cộng đồng DN, HTX, HKD về những nỗ lực của bộ máy chính quyền và tinh thần trách nhiệm của lãnh đạo các cơ quan trong quá trình cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại tỉnh.

Ứng dụng công nghệ thông tin: CSTP này cần được các sở, ban, ngành và địa phương nỗ lực cải thiện khi lần lượt xếp hạng 8/9 và 8/10 các CSTP. Nỗ lực này một phần có thể bao gồm việc khuyến khích, thu hút doanh nghiệp truy cập các trang thông tin chính thức của Sở, ban, ngành và địa phương để tìm hiểu các thông tin liên quan vì trên thực tế vẫn còn khoảng 20% DN/HTX/HKD chưa truy cập website của sở, ban, ngành và địa phương. Việc ứng dụng công nghệ thông tin cần được thúc đẩy ở cả phía các cơ quan nhà nước và phía doanh nghiệp – tăng lượng truy cập, tiếp cận các dịch vụ công trực tuyến.

Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất: CSTP này chỉ được đánh giá trong DDCI cấp địa phương và được xếp hạng 7/10 CSTP. Tuy vậy, chỉ số này cũng được xếp hạng tốt khi đạt điểm số trung bình là 8,23. Các địa phương cần nỗ lực hơn nữa trong các chính sách, cải cách TTHC về đất đai, tạo điều kiện tiếp cận mặt bằng dễ dàng hơn và giải quyết các vướng mắc liên quan cho HKD nhanh chóng, công khai.

5.2. Đề xuất chi tiết cho các cơ quan

5.2.1. Đề xuất chi tiết cho các Sở, ban, ngành

- **Cải thiện chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin**

Nhóm các cơ quan cần cải thiện chỉ số này: Chi cục Hải quan; Sở VH-TT&DL; Cục Quản lý thị trường; Sở GTVT; BQL KKTCK ; Sở Xây dựng; Sở Công Thương; Sở LĐ-TB&XH; Sở NN&PTNT

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Chỉ số tính minh bạch và tiếp cận thông tin cần cải thiện hệ thống website, cập nhật đầy đủ các biểu mẫu TTHC, các văn bản quy phạm pháp luật mới, các thông tin liên quan đến DN và DN không cần phải có các “mối quan hệ” để thuận lợi tiếp cận thông tin. Các cơ quan cần: Niêm yết công khai, đầy đủ tài liệu hướng dẫn về thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công; Hướng dẫn về thực hiện TTHC dễ hiểu, dễ thực hiện; Cung cấp đầy đủ biểu mẫu TTHC; Công bố công khai các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của DN; Công khai minh bạch phí và lệ phí; Cán bộ nhiệt tình hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc; cải thiện hệ thống website, cập nhật đầy đủ các biểu mẫu TTHC, các văn bản quy phạm pháp luật mới, công khai kết quả tham vấn, trả lời thắc mắc/ý kiến của DN.

- **Cải thiện chỉ số Tính năng động của Sở, ban, ngành**

Nhóm các cơ quan cần cải thiện chỉ số này: Chi cục Hải quan; BQL KKTCK ; Sở Xây dựng; Sở GTVT.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Các cơ quan cần: Nắm bắt và có phương án xử lý được những bất cập, vướng mắc trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình; Chủ động tham mưu và kiến nghị

UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh; Tích cực vào cuộc thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh; Tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh; Sáng tạo, mạnh dạn triển khai các mô hình mới, cách thức mới trong việc triển khai chủ trương, chính sách của TW, quyết định của UBND tỉnh theo hướng có lợi cho cộng đồng DN; Thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với DN.

- **Cải thiện chỉ số Chi phí thời gian**

Nhóm các cơ quan cần cải thiện chỉ số này: Chi cục Hải quan; BQL KKTCK ; Sở Công Thương; Cục QLTT; Sở Xây dựng; Sở TN&MT; Công an tỉnh; Sở NN&PTNT; Sở LĐ-TB&XH; Cục Thuế và Sở GTVT.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Các cơ quan cần: Cải thiện quy trình và thủ tục thực hiện TTHC; Nâng cao chất lượng hoạt động thanh, kiểm tra tránh gây những phiền nhiễu tới DN.

- **Cải thiện chỉ số Chi phí không chính thức**

Nhóm các cơ quan cần cải thiện chỉ số này: BQL KKTCK ; Sở GTVT; Sở Xây dựng; Cục QLTT; Sở TN&MT; Công an tỉnh; Sở KH&ĐT; Sở Y tế; Sở NN&PTNT.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Đẩy mạnh cắt giảm chi phí không chính thức, thực hiện nghiêm túc kỷ cương, nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện giao dịch với DN, HTX, HKD; tăng cường ứng dụng CNTT, sử dụng dịch vụ công trực tuyến; cải thiện quy trình và thủ tục thực hiện TTHC, nâng cao chất lượng hoạt động thanh tra, kiểm tra tránh gây những phiền nhiễu cho DN.

- **Cải thiện chỉ số Cạnh tranh bình đẳng**

Nhóm các cơ quan cần cải thiện chỉ số này: BQL KKTCK ; Chi cục Hải quan; Sở GTVT; Sở TN&MT; Sở NN&PTNT.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Tạo điều kiện bình đẳng trong: Tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh; Tiếp cận các nguồn vốn; Thực hiện TTHC, dịch vụ công; Tiếp cận các chính sách ưu đãi; Tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đấu thầu, khai thác khoáng sản,...); Đối xử bình đẳng và có các cơ hội, quyền lợi như nhau giữa DN do nữ làm chủ/điều hành và DN do nam giới làm chủ/điều hành.

- **Cải thiện chỉ số Hỗ trợ DN**

Nhóm các cơ quan cần cải thiện chỉ số này: Chi cục Hải quan; BQL KKTCK ; Sở TT&TT; Sở GTVT; Sở NN&PTNT; Sở VH-TT&DL; BHXH; Công an tỉnh; Sở Xây dựng; Sở Công Thương; Sở KH&CN; Sở TN&MT; Sở GD&ĐT và Sở Y tế.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Các cơ quan cần tổ chức các chương trình tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,... nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc và triển khai các chương trình (của Trung ương và tỉnh) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ DN hoạt động hiệu quả hơn.

- **Cải thiện chỉ số Thiết chế pháp lý**

Nhóm các cơ quan cần cải thiện chỉ số này: Sở NN&PTNT; Chi cục Hải quan; Sở Xây dựng; BQL KKTCK ; Sở GTVT; Sở TN&MT; Công an tỉnh; Cục Thuế; Sở Y tế; Sở VH-TT&DL; Sở Công Thương; Cục QLTT; BHXH và Sở LĐ-TB&XH.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Chỉ số thiết chế pháp lý cần có cơ chế khiếu nại, tố cáo minh bạch, rõ ràng; thực hiện hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch vì lợi ích của DN; thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các nhóm đối tượng; điều chỉnh văn bản pháp luật phù hợp

và kịp thời với thực tế sản xuất, kinh doanh của DN; thực hiện tốt các công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cộng đồng DN.

- **Cải thiện chỉ số Vai trò của người đứng đầu**

Nhóm các cơ quan cần cải thiện chỉ số này: Chi cục Hải quan; BQL KKTCK và Chi cục Hải quan.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Các cơ quan cần: Hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN; Trực tiếp điều hành các buổi tham vấn DN; Kiên trì cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền.

- **Cải thiện chỉ số Ứng dụng CNTT**

Nhóm các cơ quan cần cải thiện chỉ số này: Sở NN&PTNT; Chi cục Hải quan; Sở Xây dựng; BQL KKTCK ; Sở GTVT; Sở TN&MT; Công an tỉnh; Sở Y tế; Sở VH-TT&DL; Sở Công Thương; Cục QLTT; BHXH; Sở LĐ-TB&XH và Sở GD&ĐT.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Các cơ quan cần: cải thiện hệ thống website, cập nhật đầy đủ các biểu mẫu TTHC, các văn bản quy phạm pháp luật mới, các thông tin liên quan đến DN. Ứng dụng CNTT được đẩy mạnh qua cung cấp thông tin trên website đầy đủ và khuyến khích các DN, HTX, HKD truy cập và sử dụng hết các tính năng trên trang website.

5.2.2. Đề xuất chi tiết cho các địa phương

- **Cải thiện chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin**

Nhóm các địa phương cần cải thiện chỉ số này: Phong Thổ; Mường Tè; Sìn Hồ và Tp. Lai Châu.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Các địa phương cần cải thiện các nội dung sau: Niêm yết công khai, đầy đủ tài liệu hướng dẫn về thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công; Hướng dẫn về thực hiện TTHC dễ hiểu, dễ thực hiện; Cung cấp đầy đủ biểu mẫu TTHC; Công bố công khai các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của HKD; Công khai minh bạch phí và lệ phí; Cán bộ nhiệt tình hỗ trợ HKD nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc; Công khai kết quả tham vấn, trả lời thắc mắc/ý kiến của HKD; Cải thiện tình trạng “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các HKD thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC; Cải thiện tình trạng “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp HKD thuận lợi hơn trong tiếp cận với các thông tin, tài liệu quan trọng của địa phương.

- **Cải thiện chỉ số Tính năng động của chính quyền địa phương**

Nhóm các địa phương cần cải thiện chỉ số này: Mường Tè; Tp. Lai Châu; Sìn Hồ; Than Uyên và Phong Thổ.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Các địa phương cần cải thiện các nội dung sau: Nắm bắt và có phương án xử lý được những bất cập, vướng mắc trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình; Chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ HKD, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh; Tích cực vào cuộc thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh; Tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ HKD trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh; Sáng tạo, mạnh dạn triển khai các mô hình mới, cách thức mới trong việc triển khai chủ trương, chính sách của TW, quyết định của UBND tỉnh theo hướng có lợi cho cộng đồng HKD.

- **Cải thiện chỉ số Chi phí thời gian**

Nhóm các địa phương cần cải thiện chỉ số này: Phong Thổ; Tp. Lai Châu; Mường Tè và Than Uyên.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Các địa phương cần: Cải thiện quy trình và thủ tục thực hiện TTHC; Nâng cao chất lượng hoạt động thanh, kiểm tra tránh gây những phiền nhiễu tới HKD.

- **Cải thiện chỉ số Chi phí không chính thức**

Nhóm các địa phương cần cải thiện chỉ số này: Phong Thổ, Tp. Lai Châu; Than Uyên; Mường Tè và Sìn Hồ.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Đẩy mạnh cắt giảm chi phí không chính thức, thực hiện nghiêm túc kỉ cương, nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện giao dịch với DN, HTX, HKD; tăng cường ứng dụng CNTT, sử dụng dịch vụ công trực tuyến; cải thiện quy trình và thủ tục thực hiện TTHC, nâng cao chất lượng hoạt động thanh tra, kiểm tra tránh gây những phiền nhiễu cho DN.

- **Cải thiện chỉ số Cạnh tranh bình đẳng**

Nhóm các địa phương cần cải thiện chỉ số này: Mường Tè; Tp. Lai Châu; Sìn Hồ; Than Uyên và Phong Thổ.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Tạo điều kiện bình đẳng trong: Tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh; Tiếp cận các nguồn vốn; Thực hiện TTHC, dịch vụ công; Tiếp cận các chính sách ưu đãi; Tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đầu thầu, khai thác khoáng sản,...); Đối xử bình đẳng và có các cơ hội, quyền lợi như nhau giữa HKD do nữ làm chủ/điều hành và HKD do nam giới làm chủ/điều hành.

- **Cải thiện chỉ số Hỗ trợ DN**

Nhóm các địa phương cần cải thiện chỉ số này: Sìn Hồ; Tp. Lai Châu và Nậm Nhùn.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Các địa phương cần cải thiện các nội dung sau: Tổ chức các chương trình tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới, ..., nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc và triển khai các chương trình (của Trung ương và tỉnh) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ HKD hoạt động hiệu quả hơn; Tổ chức các buổi đối thoại, Chủ trương giải quyết vấn đề sau đối thoại có hiệu quả; Tiếp thu, thay đổi, hoạt động quản lý hành chính nói chung sau đối thoại; Tổ chức chương trình đối thoại thiết thực với HKD.

- **Cải thiện chỉ số Thiết chế pháp lý**

Nhóm các địa phương cần cải thiện chỉ số này: Tp. Lai Châu; Mường Tè; Than Uyên và Sìn Hồ.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Chỉ số thiết chế pháp lý cần có cơ chế khiếu nại, tố cáo minh bạch, rõ ràng; thực hiện hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch vì lợi ích của HKD; thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các nhóm đối tượng; điều chỉnh văn bản pháp luật phù hợp và kịp thời với thực tế sản xuất, kinh doanh của HKD; thực hiện tốt các công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cộng đồng HKD.

- **Cải thiện chỉ số Vai trò của người đứng đầu**

Nhóm các địa phương cần cải thiện chỉ số này: Tp. Lai Châu; Mường Tè; Than Uyên và Sìn Hồ.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Các địa phương cần cải thiện các nội dung sau: Chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ; Hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của HKD; Trực tiếp điều hành các buổi tham vấn HKD; Giải quyết triệt để, nhanh chóng các vấn đề cụ thể của HKD sau buổi tham vấn, đối thoại; Kiên trì cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền; Giám sát và có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý các cán bộ có hành vi những phiền nhiễu, gây khó khăn được HKD phản ánh.

- **Cải thiện chỉ số Ứng dụng CNTT**

Nhóm các địa phương cần cải thiện chỉ số này: Tp. Lai Châu; Sìn Hồ và Mường Tè.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin, địa phương cần cải thiện các nội dung sau: Thường xuyên cập nhật văn bản pháp luật, các thông tin mới để đáp ứng nhu cầu thông tin của DN; Nâng cao chất lượng hoạt động website, hạn chế tình trạng treo, trễ; Đẩy mạnh việc giải quyết TTHC ở cấp độ 3 hoặc 4; Cung cấp dịch vụ hỏi, đáp/hỗ trợ trực tuyến.

- **Cải thiện chỉ số Tiếp cận đất đai và tính ổn định trong sử dụng đất**

Nhóm các địa phương cần cải thiện chỉ số này: Sìn Hồ; Tp. Lai Châu; Than Uyên và Mường Tè.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Các địa phương cần cải thiện các nội dung sau: Hỗ trợ HKD trong việc tiếp cận hoặc mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh; Nâng cao chất lượng giải quyết TTHC về đất đai; Nâng cao chất lượng đền bù đất đai khi thực hiện thu hồi đất; Công khai, minh bạch các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương; Chủ động trong giải quyết các vướng mắc về đất đai gây bức xúc tại địa phương.

5.2.3. Đề xuất chung cho tỉnh Lai Châu

- **Lấy DDCI làm tinh thần cải cách**

Cải cách không chỉ đơn thuần là cuộc đua về thứ hạng mà hướng tới chất lượng phục vụ, đem tới sự hài lòng cho DN, HTX, HKD. Trong đó, các cơ quan Nhà nước nên thay đổi tư duy chuyển từ mô hình “phục vụ” sang “dịch vụ” với hướng đồng hành, hỗ trợ DN, HTX, HKD. Mức độ phức tạp của TTHC là khác nhau giữa các lĩnh vực, địa phương. Do đó, cần khuyến khích các cơ quan dù ở nhóm cuối bảng xếp hạng tập trung cải thiện ở những nhóm CSTP, nhóm chỉ tiêu thấp điểm.

Từ kết quả của DDCI, các cơ quan cần xác định rõ điểm mạnh, điểm yếu và xác định mục tiêu cần cải thiện theo vấn đề, từ đó xác định các nhiệm vụ, giải pháp tương ứng, gắn với lộ trình rõ ràng và giao trách nhiệm cụ thể. Các Sở, ban, ngành, địa phương cần xây dựng kế hoạch cải thiện môi trường kinh doanh trong lĩnh vực quản lý của mình, đồng thời phải có giám sát, đánh giá hiệu quả thực thi.

- **Cải thiện chất lượng dịch vụ công trực tuyến, tăng cường ứng dụng CNTT**

Việc ứng dụng CNTT, dịch vụ công trực tuyến cần được tích cực triển khai và khuyến khích DN, HTX, HKD sử dụng. Các cơ quan nên có các hướng dẫn cụ thể và minh họa rõ ràng để các DN, HTX, HKD thực hiện dễ dàng. Khảo sát cho thấy tỉ lệ các DN, HTX, HKD tiếp cận và truy cập vào các trang web của các cơ quan là khá thấp nhưng với các trường hợp đã truy cập, lại đánh giá khá tích cực về chất lượng, cho thấy công tác tuyên truyền và khuyến khích DN, HTX, HKD biết đến và sử dụng thường xuyên cần được đẩy mạnh, thông qua nhiều hình thức tiếp cận đa dạng hơn. Ví dụ như trang của UBND tỉnh Lai Châu trên Facebook đã bước đầu thu hút được quan tâm của người dân và là công cụ hiệu quả để phổ biến thông tin một cách cập nhật và kịp thời. Ngoài ra, việc đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị để phục vụ cũng là điểm mấu chốt để quá trình triển khai thuận lợi.

- **Nâng cao chất lượng các hình thức cung cấp thông tin**

Các DN, HTX, HKD phản ánh là có quá nhiều văn bản chính sách được ban hành. Các văn bản này thường khó hiểu, cách trình bày và truyền thông chưa đủ rõ ràng. DN, HTX, HKD phải mất nhiều thời gian nghiên cứu để có thể hiểu được những yêu cầu của các văn bản hướng dẫn. Do đó, việc cập nhật thường xuyên được xem là yếu tố có thể cắt giảm thời gian và phát sinh cho DN, HTX, HKD.

Nội dung các cơ quan cung cấp cần dễ hiểu, cụ thể cho từng nhóm đối tượng khác nhau, chi tiết theo từng nhóm TTHC và đồng thời nếu có thể, hướng dẫn theo nghiệp vụ cho DN, HTX, HKD, đặc biệt là các thủ tục về thuế, đầu tư, ... nhất là dành cho DN, HTX, HKD vừa và nhỏ, siêu nhỏ. Các văn bản hướng dẫn, trả lời của các cơ quan cần được tập trung vào các vấn đề vướng mắc mà DN, HTX, HKD

hỏi, tránh trả lời chung chung hoặc trích dẫn văn bản pháp luật có nội dung không rõ, DN, HTX, HKD phải hỏi đi hỏi lại nhiều lần hoặc không biết phải thực hiện như thế nào.

Việc tuyên truyền, hỗ trợ DN, HTX, HKD cần tiến hành ở tất cả các khâu, các bộ phận, các lĩnh vực thông qua việc đổi mới phương thức, phát triển đa dạng, phong phú các hình thức tuyên truyền. Các cơ quan có thể tăng cường việc truyền thông qua các diễn đàn trực tuyến và tận dụng sự phát triển của mạng xã hội để tăng độ phủ sóng của các thông tin về chính sách, quy định. Bên cạnh gửi thông báo, các cơ quan có thể tổ chức các buổi tập huấn, hướng dẫn, bổ sung tài liệu trực quan, dễ hiểu dưới dạng sơ đồ quy trình, infographic, video hướng dẫn cách làm thủ tục. Thực tế cũng cho thấy các mạng xã hội như Zalo, Facebook là các kênh thông tin mà DN, HTX, HKD mong muốn tiếp nhận thông tin và giải đáp thắc mắc.

- **Tăng cường tính minh bạch thông tin**

Tiếp tục minh bạch các thông tin về tiến độ giải quyết thủ tục hành chính và đưa thông tin đó công khai cần được thực hiện tốt trong thời gian tới. Những thông tin DN, HTX, HKD cần nhất là thời hạn xử lý thủ tục, lịch sử tiếp nhận/xử lý hồ sơ và các thông tin giúp làm rõ tại sao hồ sơ không hợp lệ (trong trường hợp bị cơ quan quản lý từ chối) để DN, HTX, HKD có hướng khắc phục. Nhiều DN, HTX, HKD cho biết tình trạng xử lý hồ sơ không được thông báo rõ ràng như DN, HTX, HKD bị trả hồ sơ về mà không có giải thích cụ thể và các sót của hồ sơ không được tổng hợp một lần để thông báo. Các trường hợp hồ sơ bị từ chối cần được dẫn chứng rõ ràng bằng các văn bản pháp luật để DN, HTX, HKD đối chiếu và thực hiện. Các cơ quan cũng nên tổng hợp các lỗi thường gặp của DN, HTX, HKD khi DN, HTX, HKD thực hiện TTHC và chia sẻ công khai tới nhiều DN, HTX, HKD tham khảo kèm theo hướng dẫn xử lý.

Bên cạnh đó, DN, HTX, HKD cũng mong muốn các cơ quan cung cấp tên cán bộ phụ trách giải quyết thủ tục hành chính và số điện thoại công vụ vì trong rất nhiều tình huống họ không biết phải liên lạc với ai để thắc mắc. Đặc biệt, các cơ quan cũng cần có quy định về phản hồi thư điện tử, câu hỏi, gọi điện hỏi trong trường hợp DN, HTX, HKD đặt câu hỏi. Thời gian phản hồi nên nhanh chóng, ví dụ trong vòng 24h, thay vì không trả lời hoặc nhiều ngày sau mới trả lời của DN, HTX, HKD.

- **Nâng cấp các cơ chế giải đáp vướng mắc, khiếu nại cho DN, HTX, HKD**

Công tác hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc, khiếu nại là một trong những khía cạnh còn gặp nhiều thách thức. Những tính năng cơ bản như “Hỏi đáp và giải quyết thắc mắc, hỗ trợ pháp lý...” thực tế vẫn hoạt động chưa đáp ứng được kỳ vọng của số đông DN, HTX, HKD. Tình trạng không liên lạc được hoặc liên hệ đến nhưng không gặp người phụ trách thường xuyên diễn ra. Những đề xuất đối với tình gồm:

- Phát huy hiệu quả của tổng đài hỗ trợ 24/7, dưới dạng đường dây nóng như đường dây nóng hỗ trợ công dân và doanh nghiệp (02133883388) luôn luôn sẵn sàng hỗ trợ với đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có chuyên môn giải đáp rõ ràng cho DN, HTX, HKD
- Đa dạng các kênh giải quyết vướng mắc: diễn đàn trên mạng xã hội như nhóm Zalo, nhóm Facebook
- Công khai các thông tin giải đáp trên các kênh truyền thông để DN, HTX, HKD hiểu rõ và rút kinh nghiệm cho trường hợp của mình bao gồm cập nhật chi tiết các tình huống DN, HTX, HKD gặp vướng mắc và hướng giải quyết cụ thể.

Bên cạnh có cán bộ phụ trách trực tổng đài, với số lượng gia tăng các TTHC thực hiện, bộ phận hỗ trợ có thể sẽ quá tải. Do đó, các cơ quan cần có sự hỗ trợ thêm từ các phòng chuyên môn để hỗ trợ kịp thời. Nhóm hỗ trợ này cần xây dựng quy trình tiếp nhận theo các cách thức như điện thoại, mail, thư, mạng xã hội... để trả lời, phân loại và đánh giá và hỏi đáp các câu hỏi trong thời gian cụ thể. Các câu hỏi hay vấn đề DN, HTX, HKD nêu cũng cần được tổng hợp lại thành cơ sở dữ liệu có thể sắp xếp, chọn lọc và

chia sẻ công khai để làm căn cứ tham khảo khi DN, HTX, HKD khác gặp vấn đề tương tự. Ngoài ra, như đã đề xuất ở trên, tỉnh cũng có thể nghiên cứu giải pháp kết nối DN với DN, tức là cho phép các DN khác có thể tham gia hỗ trợ, chia sẻ kinh nghiệm, tư vấn cho DN khi DN gặp thắc mắc, khó khăn. Điều này có thể giúp các DN nhanh chóng xử lý vấn đề hơn và giảm tải gánh nặng cho các cán bộ.

- **Tổ chức nhiều hoạt động đối thoại, tập huấn và hỗ trợ cho DN, HTX, HKD**

Trong thời gian 2020-2022 các hoạt động đối thoại trực tiếp bị gián đoạn do thực hiện giãn cách phòng, chống dịch Covid-19, nhiều DN, HTX, HKD mong muốn trong thời gian tới các cơ quan có nhiều hoạt động đối thoại, tập huấn hướng dẫn chính sách, quy trình thường kỳ để DN trao đổi trực tiếp với các cơ quan. Ngoài ra, nhiều DN, HTX, HKD cũng mong muốn tại các chương trình đó, có thêm sự tham gia của các cơ quan liên ngành với mong muốn các cơ quan này có thể phối hợp và có những biện pháp linh hoạt giúp cắt giảm thời gian và chi phí. Ngoài ra, các cơ quan nên tổ chức các hội thảo, hội nghị theo chủ đề và gửi các nội dung trao đổi đến trước cho DN, HTX, HKD khoảng 1 tuần để DN, HTX, HKD có thời gian nghiên cứu và đặt câu hỏi, thắc mắc nếu có để buổi trao đổi đạt hiệu quả. Nhiều DN, HTX, HKD nhất là các DN, HTX, HKD nhỏ và vừa cũng rất mong muốn được tham gia vào các chương trình tập huấn, hướng dẫn để nâng cao trình độ năng lực và làm quen với các quy trình thủ tục. Trình độ kỹ thuật của bản thân những DN, HTX, HKD này còn hạn chế, chưa sẵn sàng cho thực hiện. Điều này đòi hỏi thêm những nỗ lực của các cơ quan trong việc phổ biến, đặc biệt là tập huấn kiến thức về chính sách, quy trình thực hiện, tập huấn kỹ thuật, tháo gỡ vướng mắc cho DN, HTX, HKD.

- **Nghiêm túc đẩy mạnh cắt giảm chi phí không chính thức**

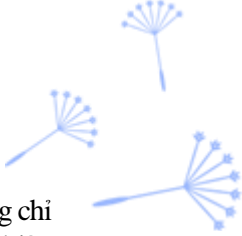
Việc cắt giảm này cần được thực hiện nghiêm túc theo các chỉ đạo trong Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; chỉ đạo về chống tham nhũng vặt trong Nghị quyết 139/NQ-CP về Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp. Để tiếp tục thúc đẩy tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, giảm thiểu chi phí cho DN, HTX, HKD, đồng thời có thể ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho DN, HTX, HKD trong giải quyết công việc, các cơ quan cần tập trung vào một số lĩnh vực TTHC còn nhiều phiền hà. Các cơ quan cần nâng cao hiệu quả các trung tâm hành chính công, bộ phận một cửa, cần triệt để ứng dụng công nghệ thông tin và tăng tối đa số TTHC đưa vào giải quyết tại các trung tâm hành chính công và bộ phận một cửa, nhất là các TTHC mà DN, HTX, HKD phản ánh còn nhiều phiền hà. Nhất là tăng số dịch vụ công cấp độ 4, việc cung cấp dịch vụ công cấp độ 4 sẽ giúp giảm thiểu thời gian và chi phí cho DN, HTX, HKD trong quá trình thực hiện TTHC. Phát triển rộng rãi các hình thức thanh toán trực tuyến cấp độ 4 cho thủ tục hành chính để DN, HTX, HKD có thể thanh toán chi phí thủ tục hành chính không dùng tiền mặt, hạn chế sự tiếp xúc trực tiếp giữa doanh nghiệp với cán bộ giải quyết thủ tục qua đó hạn chế tình trạng nhũng nhiễu.

- **Kiểm soát, thực hiện tốt các nội dung thanh tra, kiểm tra chồng chéo**

Mặc dù số lần thanh tra, kiểm tra có xu hướng giảm nhưng vẫn còn DN, HTX, HKD phản ánh về tình trạng chồng chéo, gánh nặng cho DN, HTX, HKD. Để giảm thiểu gánh nặng thanh tra kiểm tra, cần triệt để giao nhiệm vụ cho cơ quan thanh tra tinh trọng việc làm đầu mỗi kiểm soát các hoạt động thanh tra kiểm tra trên địa bàn. Theo đó, mọi cuộc thanh tra theo kế hoạch phải được thông báo trước, cần đảm bảo nội dung thanh tra, kiểm tra phải giới hạn trong phạm vi quản lý nhà nước được giao, theo đúng tinh thần Chỉ thị 20/2017/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

5.3. Đề xuất cho khảo sát DDCI Lai Châu các năm tới

Cải tiến và cơ cấu lại các CSTP theo phương pháp luận PCI năm 2021: Năm 2021, PCI đã có những điều chỉnh về các chỉ số và chỉ tiêu với gần như cập nhật mới đến 50% chỉ tiêu mới. Do đó, bộ chỉ số DDCI Lai Châu trong năm tới cần loại bỏ các chỉ tiêu không còn phù hợp và bổ sung các chỉ tiêu mới để phản ánh những thách thức mới của môi trường kinh doanh và những khó khăn chủ yếu đối với các



cơ sở SXKD thuộc khu vực kinh tế tư nhân. Đồng thời, cơ cấu lại các chỉ số thành phần, để từng chỉ tiêu đo lường phản ánh sát nhất những khía cạnh về chất lượng điều hành kinh tế cũng như thể hiện được tinh thần cải cách mà chỉ số PCI hướng đến. Phương pháp luận mới, sau mỗi lần hiệu chỉnh lại, được duy trì trong các năm tiếp theo.

Đẩy mạnh khảo sát trực tuyến: Đối với các nhóm đối tượng là các DN, HTX, HKD có trình độ sử dụng CNTT tốt, khảo sát DDCI Lai Châu trong thời gian tới có thể thử nghiệm khảo sát trực tuyến. Việc khảo sát trực tuyến trên nền tảng platform sẽ được tăng cường sử dụng. Để hình thức này được triển khai hiệu quả, hoạt động truyền thông cần được đẩy mạnh và đặc biệt là sự hỗ trợ của các cán bộ điều tra để hướng dẫn và theo dõi tiến độ và chất lượng phiếu trả lời. Ngoài ra, hình thức gửi thư điện tử đến các DN, HTX, HKD để thu thập thêm ý kiến đánh giá cũng được xem xét thực hiện.

Tăng cường công tác truyền thông: Để có thể triển khai tốt việc khảo sát trong các năm tới cũng như các năm sau, khảo sát DDCI cần có các phương án truyền thông và sự hỗ trợ của các Sở, ban, ngành và địa phương để nâng cao nhận thức của cộng đồng DN, HTX, HKD về ý nghĩa, mục đích của dự án, qua đó tăng tỉ lệ tham gia, phản hồi từ phía DN, HTX, HKD trong quá trình khảo sát như trên các phương tiện báo, đài địa phương, các mạng xã hội, các cơ quan giao dịch mà DN, HTX, HKD đến làm việc.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nội vụ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Cựu chiến binh Việt Nam (2015-2021), “*Báo cáo Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước năm 2015-2018 (SIPAS 2015-2021)*”.
2. CECODES, VFF-CRT, RTA & UNDP (2009-2021), “*Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2009-2020*”.
3. Chính phủ Việt Nam (2020a), Nghị quyết số 84/NQ-CP, ngày 29 tháng 5 “*Về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch COVID-19*”
4. Chính phủ Việt Nam (2020b), Nghị quyết số 42/NQ-CP, ngày 09 tháng 4 “*Về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19*”
5. CIEM và ADB (2017), “*Chính thức hóa” hộ kinh doanh ở Việt Nam*”.
6. Cục Thống kê tỉnh Lai Châu (2019-2021), “*Niên giám thống kê Lai Châu năm 2019-2021*”.
7. Cục Thống kê tỉnh Lai Châu (2019-2021), “*Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các năm 2019-2021*”.
8. Economica Vietnam (2018), “*Khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam: Năng suất và Thịnh Vượng*”
9. Edmund J. M. (2008), “*A Peek Under the Engine Hood: The Methodology of the Asia*”
10. GEM và VCCI (2016), “*Báo cáo về tinh thần khởi nghiệp toàn cầu - Việt Nam 2015/2016*”.
11. GSO (2005 - 2021), “*Niên giám thống kê các năm 2005 – 2021*”.
12. GSO (2012), “*Sự phát triển của doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006 – 2011*”, Nhà xuất Bản Thống kê
13. Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ (2018-2021), “*Báo cáo chỉ số Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính APCI 2018-2021*”
14. MPI/ GSO (2015-2016), “*Báo cáo khảo sát lực lượng lao động*”, Tổng cục Thống kê/ Bộ KHĐT, Hà Nội, Việt Nam
15. Quốc hội Việt Nam (2020), Nghị quyết số 116/2020/QH14, ngày 19 tháng 6 “*Về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác*”
16. UBND tỉnh Lai Châu (2015-2021), “*Báo cáo kinh tế - xã hội 2015-2021*”
17. UBND tỉnh Lai Châu (2020, 2021), “*Báo cáo cải cách hành chính*”
18. UBND tỉnh Lai Châu (2022), Kế hoạch số 2505/KH-UBND tỉnh Lai Châu về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Lai Châu năm 2022, ngày 18 tháng 7 năm 2022
19. USAID/VNCI-VCCI(2006-2021), “*Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam (2006–2021)*”. www.pcvietnam.org/reports.php
20. VCCI (2018-2021), “*Báo cáo dòng chảy pháp luật kinh doanh 2018-2021*”
21. VCCI (2021), “*Báo cáo thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư - đất đai - xây dựng - môi trường. Một số kết quả từ khảo sát doanh nghiệp năm 2020*”

- 
22. VCCI (2021), “*Báo cáo nghiên cứu giải pháp cắt giảm gánh nặng chi phí tuân thủ pháp luật cho doanh nghiệp*”
 23. VCCI (2021), “*Báo cáo: Chương trình cải cách môi trường kinh doanh Việt Nam: Góc nhìn từ doanh nghiệp*”
 24. VCCI (2021), “*Báo cáo: Mức độ hài lòng của doanh nghiệp về việc thực hiện thủ tục hành chính xuất nhập khẩu*”
 25. VCCI (2021), “*Báo cáo: Tác động của dịch bệnh COVID-19 đối với doanh nghiệp Việt Nam: Một số phát hiện chính từ điều tra*”
 26. VCCI (2010-2017), *Báo cáo nghiên cứu MEI: Chỉ số hiệu quả hoạt động xây dựng và thị hành pháp luật về kinh doanh của các Bộ 2010-2017*
 27. VCCI (2010-2019), “*Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam*”, NXB Chính trị Quốc gia
 28. VCCI (2019), “*Báo cáo đánh giá cải cách thủ tục hành chính thuế*”, Hà Nội.
 29. VCCI (2020), “*Báo cáo đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp và thời gian thực hiện thủ tục hành chính qua cơ chế một cửa quốc gia*”, Hà Nội
 30. VCCI (2018), “*Sổ tay hướng dẫn sử dụng kết quả điều tra chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh*”.
 31. World Bank (2018-2020), “*Doing Business 2018-2020*”
 32. Bộ luật số: 45/2019/QH14, *Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019*
 33. Luật số: 77/2015/QH13, *Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015*.
 34. Luật số: 104/2016/QH13, *Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 04 năm 2016*
 35. Luật số: 47/2019/QH14, *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019*.
 36. Luật số: 20/VBHN-VPQH, *Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngày 15 tháng 07 năm 2020*



PHỤ LỤC

1. Kết quả DDCI cấp Sở, ban, ngành

| CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU | SỞ, BAN, NGÀNH | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|------------------|----------|----------------|-----------------|-----------------|-----------------|------------------------|---------------------------|--------------------|-----------------|-----------------|------------------|------------------------|-------------------|------------|-------------|----------|------------|----------|------------------|-----------------|------|
| | BQL KKT CK | Sở CT | Sở GT VT | Sở GD& ĐT | Sở KH& ĐT | Sở KH& CN | Sở LĐ- TB& XH | Sở NN & PT NT | Sở Tài chính | Sở TN& MT | Sở TT& TT | Sở Tu pháp | Sở VH, TT& DL | Sở Xây dựng | Sở Y tế | Cục Thuế | BH XH | Công an | NH NN | Chi cục HQ | Cục QL TT | Tỉnh |
| 1 - TÍNH MINH BẠCH VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN | 7,72 | 7,83 | 7,72 | 8,06 | 8,27 | 8,19 | 7,88 | 7,94 | 8,35 | 8,05 | 8,26 | 8,35 | 7,57 | 7,83 | 8,14 | 8,04 | 8,04 | 8,13 | 8,92 | 7,13 | 7,67 | 8 |
| 1. Tài liệu hướng dẫn về thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công của SBN niêm yết công khai, đầy đủ | 8,5 | 8,39 | 8,63 | 8,61 | 8,96 | 8,75 | 8,46 | 8,45 | 8,92 | 8,63 | 8,69 | 8,88 | 8,3 | 8,63 | 8,75 | 8,65 | 8,44 | 8,65 | 9,38 | 7,5 | 8,36 | 8,6 |
| 2. Cách thức hướng dẫn về thực hiện TTHC dễ hiểu, dễ thực hiện | 8,25 | 8,39 | 8,39 | 8,52 | 8,9 | 8,85 | 8,38 | 8,45 | 8,92 | 8,81 | 8,81 | 8,88 | 8,3 | 8,63 | 8,65 | 8,72 | 8,5 | 8,78 | 9,38 | 7,5 | 8,36 | 8,59 |
| 3. Dễ dàng tiếp cận, sử dụng các biểu mẫu TTHC | 8 | 8,45 | 8,33 | 8,7 | 8,96 | 8,65 | 8,38 | 8,45 | 8,92 | 8,88 | 8,93 | 9 | 8,41 | 8,44 | 8,56 | 8,65 | 8,44 | 8,85 | 9,38 | 7,5 | 8,16 | 8,57 |
| 4. Các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của DN được SBN công bố công khai | 8,25 | 8,33 | 8,15 | 8,52 | 8,78 | 8,65 | 8,31 | 8,38 | 9 | 8,75 | 8,93 | 8,88 | 8,07 | 8,38 | 8,56 | 8,53 | 8,5 | 8,91 | 9,38 | 7,5 | 8,22 | 8,52 |
| 5. Phí và lệ phí được SBN công khai minh bạch | 8,25 | 8,39 | 8,33 | 8,52 | 9,02 | 8,75 | 8,38 | 8,38 | 9 | 8,56 | 9,05 | 8,75 | 8,07 | 8,5 | 8,65 | 8,59 | 8,56 | 8,97 | 9,69 | 7,5 | 8,22 | 8,58 |
| 6. Cán bộ nhiệt tình hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc | 8,5 | 8,21 | 8,15 | 8,61 | 8,96 | 8,65 | 8,53 | 8,38 | 8,83 | 8,81 | 8,93 | 9,25 | 8,18 | 8,31 | 8,65 | 8,72 | 8,5 | 8,53 | 9,69 | 7,5 | 8,22 | 8,58 |
| Câu 2. DN đã từng truy cập vào cổng thông tin điện tử (Website) của Sở, Ban, Ngành để tìm kiếm thông tin chưa? | 8 | 7,8 | 8,1 | 7,22 | 8,05 | 8,08 | 8,09 | 7,3 | 7,67 | 8,13 | 6,9 | 8,82 | 7,38 | 8,25 | 8,46 | 8,59 | 7,75 | 7,31 | 8,13 | 6 | 6,97 | 7,76 |
| 1. Các biểu mẫu TTHC được đăng tải đầy đủ trên website của sở, ban, ngành | 8,33 | 8,23 | 8,27 | 8,54 | 8,98 | 8,91 | 8,33 | 8,68 | 9,38 | 8,4 | 8,89 | 8,75 | 7,95 | 8,37 | 8,61 | 8,57 | 8,75 | 8,57 | 10 | 7,5 | 8,33 | 8,59 |
| 2. Website của SBN đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật mới | 8,33 | 8,23 | 8,27 | 8,33 | 8,98 | 9,06 | 8,1 | 8,53 | 9,22 | 8,6 | 8,89 | 8,59 | 7,95 | 8,46 | 8,75 | 8,48 | 8,86 | 9,17 | 10 | 7,5 | 8,33 | 8,6 |

| CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU | SỞ, BAN, NGÀNH | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|------------------|-------------|----------------|-----------------|-----------------|-----------------|------------------------|---------------------------|--------------------|-----------------|-----------------|------------------|------------------------|-------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|------------------|-----------------|-------------|
| | BQL KKT CK | Sở CT | Sở GT VT | Sở GD& ĐT | Sở KH& ĐT | Sở KH& CN | Sở LD- TB& XH | Sở NN & PT NT | Sở Tài chính | Sở TN& MT | Sở TT& TT | Sở Tư pháp | Sở VH, TT& DL | Sở Xây dựng | Sở Y tế | Cục Thuế | BH XH | Công an | NH NN | Chi cục HQ | Cục QL TT | Tỉnh |
| 3. Yêu cầu thủ tục đăng ký và truy cập vào website của SBN khi thực hiện TTHC là đơn giản, dễ dàng | 8,33 | 8,44 | 8,08 | 8,54 | 8,98 | 8,91 | 8,1 | 8,68 | 9,06 | 8,4 | 8,89 | 8,59 | 7,5 | 8,27 | 8,61 | 8,48 | 8,86 | 8,81 | 9,5 | 7,5 | 8,17 | 8,51 |
| 4. DN nhanh chóng để tìm được thông tin trên website của SBN | 8,33 | 8,54 | 7,79 | 8,54 | 8,7 | 8,75 | 8,33 | 8,53 | 9,22 | 8,2 | 8,89 | 8,75 | 7,5 | 8,08 | 8,61 | 8,57 | 8,75 | 8,81 | 9,5 | 7,5 | 8,33 | 8,49 |
| 5. Website công khai kết quả tham vấn, trả lời thắc mắc/ý kiến của DN | 7,92 | 8,13 | 7,5 | 8,54 | 8,7 | 8,59 | 8,45 | 8,53 | 9,22 | 8,44 | 8,89 | 8,44 | 7,05 | 7,6 | 8,61 | 8,39 | 8,64 | 8,33 | 9,5 | 7,5 | 8,17 | 8,34 |
| 1. SBN công khai lấy ý kiến DN khi xây dựng dự thảo các văn bản pháp luật liên quan đến DN tính đến hết tháng 12 | 7,25 | 7,86 | 7,56 | 8,33 | 8,29 | 7,98 | 8,24 | 7,84 | 8,42 | 7,88 | 8,33 | 8,5 | 8,3 | 7,38 | 8,17 | 8,01 | 8,13 | 7,95 | 8,44 | 7,5 | 7,89 | 8,01 |
| 2. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC | 4,75 | 5,12 | 5,18 | 5,65 | 4,88 | 5,1 | 5,07 | 5,2 | 4,67 | 5,06 | 5,48 | 5,63 | 5,34 | 5,06 | 5,29 | 4,87 | 4,88 | 5,19 | 5,94 | 5,5 | 4,67 | 5,17 |
| 3. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các DN thuận lợi hơn trong tiếp cận với các thông tin, tài liệu quan trọng của SBN | 4,75 | 5 | 5 | 5,65 | 4,82 | 5,1 | 5 | 5,28 | 4,75 | 5,19 | 5,48 | 5,5 | 5,23 | 5,13 | 5,19 | 4,81 | 5 | 5,19 | 5,94 | 5,5 | 4,67 | 5,15 |
| 2 - TÍNH NĂNG ĐỘNG CỦA SỞ, BAN, NGÀNH | 7,54 | 8,24 | 7,96 | 8,5 | 8,78 | 8,72 | 8,39 | 8,18 | 8,78 | 8,19 | 8,45 | 8,6 | 8,28 | 7,91 | 8,49 | 8,39 | 8,29 | 8,39 | 9,01 | 7,5 | 8,1 | 8,32 |
| 1. SBN nắm bắt và có phương án xử lý được những bất cập, vướng mắc trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình | 7,5 | 8,33 | 8,39 | 8,7 | 8,72 | 8,75 | 8,38 | 8,18 | 8,67 | 8,25 | 8,45 | 8,75 | 8,18 | 8,25 | 8,65 | 8,53 | 8,38 | 8,59 | 9,06 | 7,5 | 8,22 | 8,4 |
| 2. SBN chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh | 7,5 | 8,15 | 8,04 | 8,52 | 8,96 | 8,56 | 8,31 | 8,11 | 8,67 | 8,25 | 8,33 | 8,75 | 8,3 | 7,88 | 8,56 | 8,4 | 8,38 | 8,46 | 9,06 | 7,5 | 7,96 | 8,32 |

| CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU | SỞ, BAN, NGÀNH | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|------------------|-------------|----------------|-----------------|-----------------|-----------------|------------------------|---------------------------|--------------------|-----------------|-----------------|------------------|------------------------|-------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|------------------|-----------------|-------------|
| | BQL KKT CK | Sở CT | Sở GT VT | Sở GD& ĐT | Sở KH& ĐT | Sở KH& CN | Sở LD- TB& XH | Sở NN & PT NT | Sở Tài chính | Sở TN& MT | Sở TT& TT | Sở Tư pháp | Sở VH, TT& DL | Sở Xây dựng | Sở Y tế | Cục Thuế | BH XH | Công an | NH NN | Chi cục HQ | Cục QL TT | Tỉnh |
| 3. SBN tích cực vào cuộc thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh | 8 | 8,33 | 8,04 | 8,7 | 8,9 | 8,94 | 8,46 | 8,31 | 9,08 | 8,38 | 8,45 | 8,75 | 8,52 | 7,94 | 8,46 | 8,4 | 8,38 | 8,53 | 9,06 | 7,5 | 8,22 | 8,45 |
| 4. SBN đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh | 7,75 | 8,39 | 8,1 | 8,52 | 8,96 | 8,94 | 8,38 | 8,31 | 8,92 | 8,19 | 8,57 | 8,63 | 8,41 | 8 | 8,75 | 8,46 | 8,31 | 8,4 | 9,06 | 7,5 | 8,29 | 8,42 |
| 5. Sáng tạo, mạnh dạn triển khai các mô hình mới, cách thức mới trong việc triển khai chủ trương, chính sách của TW, quyết định của UBND tỉnh theo hướng có lợi cho cộng đồng DN | 7,5 | 8,21 | 7,56 | 8,43 | 8,66 | 8,56 | 8,6 | 8,18 | 8,83 | 8 | 8,45 | 8,63 | 8,3 | 7,81 | 8,17 | 8,27 | 8,19 | 8,08 | 9,06 | 7,5 | 8,09 | 8,24 |
| 6. Thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với DN | 7 | 8,04 | 7,62 | 8,15 | 8,48 | 8,56 | 8,24 | 7,97 | 8,5 | 8,06 | 8,45 | 8,13 | 7,95 | 7,56 | 8,37 | 8,27 | 8,13 | 8,27 | 8,75 | 7,5 | 7,83 | 8,09 |
| 3 - CHI PHÍ THỜI GIAN | 7,43 | 7,54 | 7,99 | 8,3 | 8,09 | 8,09 | 7,89 | 7,85 | 8,49 | 7,82 | 8,52 | 8,3 | 8,02 | 7,73 | 8,07 | 7,92 | 8,01 | 7,83 | 8,49 | 7,29 | 7,61 | 7,97 |
| 1. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) đúng quy định | 7,75 | 8,39 | 8,51 | 8,61 | 9,02 | 8,94 | 8,6 | 8,51 | 8,58 | 8,5 | 8,69 | 8,88 | 8,64 | 8,38 | 8,65 | 8,72 | 8,5 | 8,72 | 9,38 | 7,5 | 8,36 | 8,56 |
| 2. Quy trình và thủ tục thực hiện TTHC đơn giản, dễ thực hiện | 7,5 | 8,21 | 8,51 | 8,8 | 9,15 | 8,85 | 8,53 | 8,51 | 8,83 | 8,44 | 8,81 | 8,88 | 8,52 | 8,5 | 8,65 | 8,78 | 8,56 | 8,4 | 9,06 | 7,5 | 8,36 | 8,54 |
| 3. Thời gian giải quyết TTHC giảm đáng kể | 7,5 | 8,15 | 8,1 | 8,7 | 8,96 | 8,85 | 8,46 | 8,38 | 8,83 | 8,31 | 8,69 | 8,5 | 8,52 | 8,38 | 8,56 | 8,53 | 8,5 | 8,72 | 9,06 | 7,5 | 8,22 | 8,45 |
| 4. Không phát sinh các thủ tục, giấy tờ ngoài quy định | 7,75 | 8,1 | 8,33 | 8,7 | 8,9 | 8,85 | 8,46 | 8,31 | 8,83 | 8,38 | 8,57 | 8,88 | 8,52 | 8,25 | 8,6 | 8,65 | 8,63 | 8,33 | 9,06 | 7,5 | 8,22 | 8,47 |
| 5. DN phải đi lại nhiều lần để hoàn tất TTHC | 7 | 7,32 | 6,96 | 7,5 | 6,1 | 7,6 | 6,69 | 6,82 | 7,83 | 7,19 | 6,79 | 7,25 | 6,82 | 6,81 | 7,21 | 7,24 | 7,13 | 6,86 | 6,88 | 7 | 6,84 | 7,04 |

| CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU | SỞ, BAN, NGÀNH | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|------------------|-------------|----------------|-----------------|-----------------|-----------------|------------------------|---------------------------|--------------------|-----------------|-----------------|------------------|------------------------|-------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|------------------|-----------------|-------------|
| | BQL KKT CK | Sở CT | Sở GT VT | Sở GD& ĐT | Sở KH& ĐT | Sở KH& CN | Sở LD- TB& XH | Sở NN & PT NT | Sở Tài chính | Sở TN& MT | Sở TT& TT | Sở Tư pháp | Sở VH, TT& DL | Sở Xây dựng | Sở Y tế | Cục Thuế | BH XH | Công an | NH NN | Chi cục HQ | Cục QL TT | Tỉnh |
| a. Số lần các đoàn công tác của SBN tiến hành thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của DN là: | 8 | 7,14 | 8,76 | 8,52 | 9,02 | 7,23 | 7,76 | 7,22 | 8,27 | 7,85 | 9,24 | 8,6 | 7,82 | 7,62 | 6,92 | 7,03 | 9 | 6,62 | 6,5 | 8,4 | 6,42 | 7,81 |
| 1. Không có hiện tượng những nhiễu trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của SBN | 7,5 | 7,63 | 8,25 | 8,75 | 8,06 | 8,33 | 8,46 | 8,63 | 8,75 | 7,5 | 9,38 | 8,5 | 8,06 | 7,79 | 8,65 | 7,95 | 8 | 8,02 | 10 | 7,5 | 7,79 | 8,26 |
| 2. Hoạt động thanh kiểm tra của SBN không gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh của DN | 7,5 | 7,25 | 8,5 | 8,75 | 8,33 | 7,92 | 8,27 | 8,13 | 8,75 | 7,81 | 9,38 | 8,5 | 8,33 | 7,94 | 8,65 | 8,18 | 8 | 7,92 | 9,5 | 7,5 | 7,79 | 8,23 |
| 3. Nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành | 8,13 | 7,63 | 8 | 8,75 | 8,06 | 8,33 | 8,27 | 8,25 | 8,75 | 8,13 | 9,38 | 8,5 | 8,33 | 8,09 | 8,46 | 8,18 | 8 | 8,13 | 10 | 7,5 | 7,88 | 8,32 |
| 4. Nội dung thanh kiểm tra chéo/trùng lặp với các SBN khác hoặc chính quyền địa phương | 5,63 | 5,63 | 6 | 5,94 | 5,28 | 6,04 | 5,38 | 5,75 | 7,5 | 6,09 | 6,25 | 6,5 | 6,67 | 5,59 | 6,35 | 5,91 | 5,75 | 6,56 | 5,5 | 5 | 6,25 | 5,98 |
| 4 - CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC | 6,25 | 7,16 | 6,65 | 7,47 | 6,95 | 7,47 | 7,13 | 6,96 | 7,69 | 6,9 | 7,18 | 7,21 | 7,35 | 6,79 | 6,96 | 7,07 | 7,15 | 6,92 | 7,08 | 7,17 | 6,84 | 7,06 |
| 1. Hiện tượng những nhiễu vẫn còn phổ biến, gần như thành yêu cầu mặc định ngầm | 6,5 | 7,86 | 6,9 | 8,43 | 7,74 | 8,08 | 7,79 | 7,57 | 8 | 7,75 | 7,98 | 7,88 | 8,07 | 7,31 | 7,6 | 7,63 | 7,81 | 7,56 | 8,75 | 7,5 | 7,24 | 7,71 |
| 2. DN phải trả chi phí không chính thức nếu muốn công việc được thuận lợi | 6 | 7,68 | 6,96 | 8,33 | 7,62 | 8,17 | 7,87 | 7,64 | 7,83 | 7,56 | 8,1 | 8,13 | 7,73 | 7,25 | 7,6 | 7,63 | 7,81 | 7,63 | 8,75 | 7,5 | 7,3 | 7,67 |
| 3. Chi phí không chính thức năm có xu hướng giảm so với các năm trước. | 6,25 | 5,95 | 6,07 | 5,65 | 5,49 | 6,15 | 5,74 | 5,68 | 7,25 | 5,38 | 5,48 | 5,63 | 6,25 | 5,81 | 5,67 | 5,96 | 5,81 | 5,58 | 3,75 | 6,5 | 5,99 | 5,81 |
| 5 - CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG | 7,25 | 8,29 | 7,95 | 8,49 | 8,8 | 8,45 | 8,09 | 7,96 | 8,67 | 7,95 | 8,29 | 8,75 | 8,31 | 8,25 | 8,48 | 8,47 | 8,19 | 8,71 | 9,43 | 7,5 | 8,22 | 8,31 |

| CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU | SỞ, BAN, NGÀNH | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|------------------|-------------|----------------|-----------------|-----------------|-----------------|------------------------|---------------------------|--------------------|-----------------|-----------------|------------------|------------------------|-------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|------------------|-----------------|-------------|
| | BQL KKT CK | Sở CT | Sở GT VT | Sở GD& ĐT | Sở KH& ĐT | Sở KH& CN | Sở LD- TB& XH | Sở NN & PT NT | Sở Tài chính | Sở TN& MT | Sở TT& TT | Sở Tư pháp | Sở VH, TT& DL | Sở Xây dựng | Sở Y tế | Cục Thuế | BH XH | Công an | NH NN | Chi cục HQ | Cục QL TT | Tỉnh |
| 1. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh | 7 | 8,21 | 7,86 | 8,43 | 8,78 | 8,56 | 7,87 | 7,77 | 8,58 | 8 | 8,1 | 8,75 | 8,3 | 8,25 | 8,37 | 8,46 | 8,19 | 8,59 | 9,38 | 7,5 | 8,16 | 8,24 |
| 2. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các nguồn vốn. | 7,25 | 8,15 | 7,8 | 8,43 | 8,78 | 8,56 | 8,01 | 7,77 | 8,58 | 7,94 | 8,21 | 8,88 | 8,3 | 8,38 | 8,37 | 8,46 | 8,13 | 8,91 | 9,38 | 7,5 | 8,09 | 8,28 |
| 3. Không có sự ưu ái, phân biệt đối xử giữa các DN với nhau khi thực hiện TTHC, dịch vụ công | 7,75 | 8,33 | 7,92 | 8,24 | 8,9 | 8,65 | 8,09 | 7,97 | 8,83 | 7,94 | 8,33 | 9 | 8,3 | 8,38 | 8,37 | 8,33 | 8,13 | 8,59 | 9,38 | 7,5 | 8,22 | 8,34 |
| 4. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các chính sách ưu đãi | 6,75 | 8,39 | 7,92 | 8,61 | 8,9 | 8,17 | 8,09 | 7,97 | 8,67 | 7,81 | 8,33 | 8,75 | 8,18 | 8 | 8,56 | 8,46 | 8,13 | 8,72 | 9,38 | 7,5 | 8,36 | 8,27 |
| 5. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đầu thầu, khai thác khoáng sản,...) | 7,25 | 8,15 | 7,92 | 8,52 | 8,66 | 8,17 | 8,01 | 7,97 | 8,67 | 7,75 | 8,33 | 8,63 | 8,3 | 8,13 | 8,56 | 8,53 | 8,25 | 8,53 | 9,38 | 7,5 | 8,09 | 8,25 |
| 6. Các DN do nữ làm chủ/điều hành và các DN do nam giới làm chủ/điều hành đều được đối xử bình đẳng và có các cơ hội, quyền lợi như nhau | 7,5 | 8,51 | 8,27 | 8,7 | 8,78 | 8,56 | 8,46 | 8,31 | 8,67 | 8,25 | 8,45 | 8,5 | 8,52 | 8,38 | 8,65 | 8,59 | 8,31 | 8,91 | 9,69 | 7,5 | 8,42 | 8,47 |
| 6 - HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP | 7,64 | 7,91 | 7,69 | 7,95 | 8,1 | 7,93 | 8,3 | 7,78 | 8,15 | 7,94 | 7,65 | 8,59 | 7,83 | 7,9 | 7,96 | 8,04 | 7,86 | 7,89 | 9,28 | 7,13 | 8,01 | 7,98 |
| Câu 10. DN đã tham gia các chương trình hỗ trợ DN (mời tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,...) của SỞ, BAN, NGÀNH được khảo sát? | 6,5 | 7,02 | 6,07 | 5,74 | 6,63 | 6,92 | 6,76 | 7,03 | 7,33 | 6,75 | 5,48 | 6,25 | 6,14 | 6,5 | 6,92 | 7,05 | 6,5 | 7,18 | 8,13 | 6 | 6,97 | 6,66 |
| 1. Hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc | 7,5 | 8,09 | 8,06 | 8,75 | 8,33 | 8,25 | 8,54 | 8,17 | 8,39 | 8,21 | 8,33 | 9 | 8 | 8,54 | 8,25 | 8,44 | 8,54 | 8,09 | 10 | 7,5 | 7,83 | 8,32 |

| CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU | SỞ, BAN, NGÀNH | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|------------------|-------------|----------------|-----------------|-----------------|-----------------|------------------------|---------------------------|--------------------|-----------------|-----------------|------------------|------------------------|-------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|------------------|-----------------|-------------|
| | BQL KKT CK | Sở CT | Sở GT VT | Sở GD& ĐT | Sở KH& ĐT | Sở KH& CN | Sở LD- TB& XH | Sở NN & PT NT | Sở Tài chính | Sở TN& MT | Sở TT& TT | Sở Tư pháp | Sở VH, TT& DL | Sở Xây dựng | Sở Y tế | Cục Thuế | BH XH | Công an | NH NN | Chi cục HQ | Cục QL TT | Tỉnh |
| 2. Triển khai các chương trình (của Trung ương và tỉnh) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ DN hoạt động hiệu quả hơn | 7,5 | 7,94 | 8,06 | 8,75 | 8,33 | 8 | 8,75 | 8,33 | 8,39 | 8,39 | 8,33 | 9 | 8 | 8,54 | 8,5 | 8,28 | 8,13 | 8,09 | 10 | 7,5 | 8 | 8,32 |
| 3. Chương trình hỗ trợ của SBN rất phù hợp với nhu cầu và thực tiễn hoạt động của DN | 7,5 | 8,09 | 7,78 | 8,75 | 8,33 | 8,25 | 8,75 | 8 | 8,39 | 8,39 | 8,33 | 9 | 7,5 | 8,75 | 8,5 | 8,28 | 8,13 | 8,24 | 9,5 | 7,5 | 8 | 8,28 |
| Câu 11. DN đã từng tham gia các buổi đối thoại DN do SỞ, BAN, NGÀNH được khảo sát tổ chức? | 8,33 | 6,61 | 5,71 | 5,37 | 5,64 | 7 | 6,56 | 6,71 | 6,43 | 6,25 | 5,71 | 8 | 8 | 5,9 | 6,5 | 6,03 | 5,75 | 6,54 | 8,13 | 6 | 7 | 6,58 |
| 1. Chủ trương giải quyết vấn đề sau đối thoại có hiệu quả | 7,5 | 8,33 | 8,75 | 8,75 | 9,17 | 8,33 | 9 | 8,13 | 8,75 | 8,5 | 8,33 | 9,17 | 8,33 | 8,57 | 8,33 | 8,75 | 8,75 | 8,33 | 9,5 | 7,5 | 8,75 | 8,55 |
| 2. Đơn vị có tiếp thu, thay đổi, hoạt động quản lý hành chính nói chung được cải thiện sau đối thoại | 7,5 | 8,61 | 8,33 | 8,75 | 9,17 | 8,33 | 9 | 7,92 | 8,75 | 8,5 | 8,33 | 9,17 | 8,33 | 8,57 | 8,33 | 8,75 | 8,33 | 8,33 | 9,5 | 7,5 | 8,75 | 8,51 |
| 3. Chương trình đối thoại với SBN rất thiết thực với DN | 8,75 | 8,61 | 8,75 | 8,75 | 9,17 | 8,33 | 9 | 7,92 | 8,75 | 8,5 | 8,33 | 9,17 | 8,33 | 7,86 | 8,33 | 8,75 | 8,75 | 8,33 | 9,5 | 7,5 | 8,75 | 8,58 |
| 7 - THIẾT CHẾ PHÁP LÝ | 7,56 | 7,89 | 7,56 | 8,34 | 8,08 | 8,15 | 7,94 | 7,28 | 8,09 | 7,63 | 8,02 | 8,73 | 7,86 | 7,35 | 7,75 | 7,72 | 7,93 | 7,68 | 8,67 | 7,29 | 7,9 | 7,88 |
| 1. SBN đã thực hiện hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch vì lợi ích của DN | 7,5 | 8,15 | 7,86 | 8,7 | 8,9 | 8,46 | 8,46 | 8,38 | 8,58 | 8,31 | 8,45 | 9,25 | 8,3 | 7,94 | 8,46 | 8,59 | 8,31 | 8,59 | 9,06 | 7,5 | 8,22 | 8,38 |
| 2. Thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh theo đúng quy trình, quy định | 7,75 | 8,21 | 8,04 | 8,7 | 9,09 | 8,85 | 8,46 | 8,45 | 8,75 | 8,5 | 8,45 | 9,25 | 8,18 | 8,25 | 8,46 | 8,53 | 8,25 | 8,78 | 9,38 | 7,5 | 8,22 | 8,48 |
| 3. Thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các nhóm đối tượng | 7,75 | 8,27 | 7,8 | 8,7 | 8,78 | 8,75 | 8,46 | 8,38 | 8,5 | 8,5 | 8,33 | 9,13 | 8,18 | 7,88 | 8,65 | 8,59 | 8,25 | 8,72 | 9,06 | 7,5 | 8,22 | 8,4 |
| 4. Văn bản pháp luật được điều chỉnh phù hợp và kịp thời với thực tế sản xuất, kinh doanh của DN | 7,5 | 8,27 | 7,8 | 8,8 | 8,9 | 8,46 | 8,31 | 8,18 | 8,42 | 8,38 | 8,33 | 9,13 | 8,18 | 7,69 | 8,46 | 8,4 | 8,25 | 8,59 | 9,06 | 7,5 | 8,22 | 8,32 |

| CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU | SỞ, BAN, NGÀNH | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|------------------|-------------|----------------|-----------------|-----------------|-----------------|------------------------|---------------------------|--------------------|-----------------|-----------------|------------------|------------------------|-------------------|-------------|-------------|------------|-------------|-------------|------------------|-----------------|-------------|
| | BQL KKT CK | Sở CT | Sở GT VT | Sở GD& ĐT | Sở KH& ĐT | Sở KH& CN | Sở LD- TB& XH | Sở NN & PT NT | Sở Tài chính | Sở TN& MT | Sở TT& TT | Sở Tu pháp | Sở VH, TT& DL | Sở Xây dựng | Sở Y tế | Cục Thuế | BH XH | Công an | NH NN | Chi cục HQ | Cục QL TT | Tỉnh |
| 5. Thực hiện tốt các công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cộng đồng DN | 7,75 | 8,33 | 7,92 | 8,8 | 8,9 | 8,65 | 8,16 | 8,18 | 8,5 | 8,56 | 8,45 | 9,13 | 8,41 | 7,94 | 8,65 | 8,46 | 8,38 | 8,72 | 9,06 | 7,5 | 8,49 | 8,43 |
| 6. DN đánh giá cao về chất lượng thi hành, thực thi pháp luật của SBN | 8 | 8,33 | 7,8 | 8,8 | 8,66 | 8,46 | 8,24 | 8,33 | 8,42 | 8,31 | 8,33 | 9,25 | 8,3 | 7,94 | 8,65 | 8,53 | 8,4 | 8,65 | 9,06 | 7,5 | 8,42 | 8,4 |
| Câu 13. Trong trường hợp cán bộ, nhân viên thuộc SỞ, BAN, NGÀNH được khảo sát làm trái với các quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn khi giải quyết TTHC, DN có biết về cơ chế khiếu nại hoặc đã từng khiếu nại lên cấp quản lý có thẩm quyền chưa? | 6,8 | 5,62 | 5,71 | 5,85 | 5,9 | 5,38 | 5,53 | 5,46 | 5,47 | 5,7 | 5,81 | 6 | 5,45 | 5,9 | 6,15 | 6,1 | 5,7 | 6 | 6 | 6 | 5,47 | 5,81 |
| 1. Khiếu nại luôn được giải quyết thỏa đáng | 7,5 | | | | 9,17 | | | 5 | | 7,5 | | | | 7,5 | 7,5 | 7,5 | | 5 | | | | 7,08 |
| 2. Có cơ chế đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong giải quyết khiếu nại | 8,75 | | | | 9,17 | | | 10 | | 7,5 | | | | 7,5 | 7,5 | 7,5 | | 6,25 | | | | 8,02 |
| 3. DN phải khiếu nại vượt cấp | 6,25 | | | | 3,33 | | | 2,5 | | 5 | | | | 5 | 5 | 5 | | 7,5 | | | | 4,95 |
| 8 - VAI TRÒ CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU | 7,71 | 8,11 | 7,89 | 8,72 | 8,81 | 8,77 | 8,25 | 8,25 | 8,58 | 8,34 | 8,1 | 8,54 | 8,31 | 8,14 | 8,57 | 8,5 | 8,3 | 8,79 | 8,65 | 7,5 | 8,13 | 8,33 |
| 1. Lãnh đạo SBN chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ | 7,5 | 8,15 | 7,86 | 8,7 | 8,78 | 8,75 | 8,16 | 8,24 | 8,67 | 8,25 | 7,98 | 9 | 8,3 | 8,13 | 8,65 | 8,59 | 8,31 | 8,97 | 9,06 | 7,5 | 8,16 | 8,37 |
| 2. Lãnh đạo SBN có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN | 7,5 | 8,27 | 7,8 | 8,7 | 9,02 | 8,85 | 8,24 | 8,24 | 8,58 | 8,38 | 7,98 | 8,63 | 8,41 | 8,13 | 8,65 | 8,46 | 8,44 | 8,97 | 8,75 | 7,5 | 8,22 | 8,37 |
| 3. Lãnh đạo SBN trực tiếp điều hành các buổi tham vấn DN | 8 | 8,1 | 7,8 | 8,52 | 8,78 | 8,75 | 8,46 | 8,31 | 8,5 | 8,5 | 7,98 | 8,38 | 8,41 | 8,19 | 8,7 | 8,53 | 8,19 | 8,4 | 8,75 | 7,5 | 8,22 | 8,33 |

| CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU | SỞ, BAN, NGÀNH | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|------------------|-------------|----------------|-----------------|-----------------|-----------------|------------------------|---------------------------|--------------------|-----------------|-----------------|------------------|------------------------|-------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|------------------|-----------------|-------------|
| | BQL KKT CK | Sở CT | Sở GT VT | Sở GD& ĐT | Sở KH& ĐT | Sở KH& CN | Sở LD- TB& XH | Sở NN & PT NT | Sở Tài chính | Sở TN& MT | Sở TT& TT | Sở Tư pháp | Sở VH, TT& DL | Sở Xây dựng | Sở Y tế | Cục Thuế | BH XH | Công an | NH NN | Chi cục HQ | Cục QL TT | Tỉnh |
| 4. Lãnh đạo SBN giải quyết triệt để, nhanh chóng các vấn đề cụ thể của DN sau buổi tham vấn, đối thoại | 7,5 | 7,98 | 7,92 | 8,89 | 8,84 | 8,56 | 8,31 | 8,31 | 8,58 | 8,31 | 8,1 | 8,5 | 8,18 | 8,19 | 8,37 | 8,46 | 8,31 | 8,78 | 8,44 | 7,5 | 8,03 | 8,29 |
| 5. Lãnh đạo SBN kiên trì cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền | 7,75 | 8,21 | 8,1 | 8,8 | 8,78 | 8,85 | 8,24 | 8,24 | 8,58 | 8,44 | 8,33 | 8,5 | 8,3 | 8,19 | 8,46 | 8,53 | 8,25 | 8,78 | 8,44 | 7,5 | 8,03 | 8,35 |
| 6. Lãnh đạo SBN đã giám sát và có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý các cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn được DN phản ánh | 8 | 7,92 | 7,86 | 8,7 | 8,66 | 8,85 | 8,09 | 8,18 | 8,58 | 8,19 | 8,21 | 8,25 | 8,3 | 8 | 8,56 | 8,46 | 8,31 | 8,85 | 8,44 | 7,5 | 8,09 | 8,29 |
| 9 - ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN | 7,2 | 7,51 | 7,68 | 7,91 | 8,01 | 7,77 | 7,81 | 7,65 | 7,88 | 7,9 | 7,67 | 7,7 | 7,64 | 7,53 | 7,69 | 8,06 | 7,76 | 7,62 | 8,13 | 7,7 | 7,5 | 7,73 |
| 1. Website của SBN đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin của DN khi thực hiện TTHC | 7,25 | 7,92 | 8,04 | 8,61 | 8,48 | 8,27 | 8,24 | 7,91 | 8,33 | 8,19 | 8,1 | 8,5 | 8,18 | 7,88 | 8,17 | 8,4 | 8 | 7,88 | 8,44 | 7,5 | 7,89 | 8,1 |
| 2. Thường xuyên truy cập vào website của sở, ban, ngành để tìm kiếm các thông tin mà doanh nghiệp mong muốn | 7,5 | 7,56 | 7,62 | 7,59 | 8,48 | 7,6 | 7,79 | 7,5 | 7,25 | 8,06 | 7,5 | 8 | 7,5 | 7,63 | 7,88 | 8,53 | 7,88 | 7,63 | 7,81 | 8 | 7,43 | 7,75 |
| 3. Website của sở, ban, ngành hoạt động chất lượng, hiệu quả | 7,25 | 7,92 | 7,92 | 8,15 | 8,29 | 7,98 | 8,01 | 7,91 | 8,17 | 8,13 | 7,98 | 7,88 | 7,95 | 7,56 | 7,98 | 8,4 | 8 | 7,82 | 8,13 | 7,5 | 7,57 | 7,93 |
| 4. TTHC của sở, ban, ngành được thực hiện ở cấp độ dịch vụ công trực tuyến toàn trình | 7 | 6,85 | 7,32 | 7,59 | 7,44 | 7,31 | 7,43 | 7,3 | 7,83 | 7,5 | 7,14 | 6,88 | 7,16 | 7,19 | 7,21 | 7,24 | 7,38 | 7,31 | 8,13 | 7,5 | 7,17 | 7,33 |
| 5. Website có dịch vụ hỏi, đáp/hỗ trợ trực tuyến | 7 | 7,32 | 7,5 | 7,59 | 7,38 | 7,69 | 7,57 | 7,64 | 7,83 | 7,63 | 7,62 | 7,25 | 7,39 | 7,38 | 7,21 | 7,76 | 7,56 | 7,44 | 8,13 | 8 | 7,43 | 7,54 |
| Tổng | 7,36 | 7,83 | 7,67 | 8,19 | 8,21 | 8,17 | 7,96 | 7,76 | 8,3 | 7,86 | 8,02 | 8,31 | 7,91 | 7,71 | 8,01 | 8,02 | 7,95 | 8 | 8,63 | 7,36 | 7,78 | 7,95 |



2. Kết quả DDCI cấp địa phương

| CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU | ĐỊA PHƯƠNG | | | | | | | | TB Tỉnh |
|---|--------------|--------------|-------------|-------------|--------------|--------------|-------------|-------------|-------------|
| | Tp. Lai Châu | H. Tam Đường | H. Mường Tè | H. Sin Hồ | H. Phong Thổ | H. Than Uyên | H. Tân Uyên | H. Nậm Nhùn | |
| 1- TÍNH MINH BẠCH VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN | 7,74 | 8,6 | 7,84 | 7,79 | 7,93 | 8,42 | 8,67 | 9,31 | 8,29 |
| 1. Tài liệu hướng dẫn về thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công của ĐP niêm yết công khai, đầy đủ | 8,36 | 9,96 | 9,05 | 8,5 | 8,86 | 9,5 | 9,97 | 10 | 9,27 |
| 2. Cách thức hướng dẫn về thực hiện TTHC dễ hiểu, dễ thực hiện | 8,36 | 9,83 | 9,09 | 8,71 | 9,14 | 9,46 | 9,97 | 10 | 9,32 |
| 3. Dễ dàng tiếp cận, sử dụng các biểu mẫu TTHC | 8,25 | 9,75 | 8,95 | 8,79 | 9 | 9,32 | 9,97 | 10 | 9,25 |
| 4. Các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của DN được ĐP công bố công khai | 8,3 | 9,58 | 8,77 | 8,92 | 9 | 9,11 | 9,97 | 9,9 | 9,19 |
| 5. Phí và lệ phí được ĐP công khai minh bạch | 8,43 | 9,67 | 9 | 9,29 | 8,79 | 9,18 | 9,97 | 10 | 9,29 |
| 6. Cán bộ nhiệt tình hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc | 8,44 | 9,71 | 8,82 | 8,21 | 8,61 | 9,21 | 9,97 | 10 | 9,12 |
| Câu 2. DN đã từng truy cập vào cổng thông tin điện tử (Website) của ĐỊA PHƯƠNG để tìm kiếm thông tin chưa? | 6,51 | 5,92 | 6 | 5 | 6 | 5,57 | 5,33 | 5,4 | 5,72 |
| 1. Các biểu mẫu TTHC được đăng tải đầy đủ trên website của ĐP | 8,42 | 10 | 7,95 | | 8,75 | 9,69 | 10 | 10 | 9,26 |
| 2. Website của ĐP đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật mới | 8,44 | 9,77 | 8,18 | | 9,11 | 9,69 | 10 | 10 | 9,31 |
| 3. Yêu cầu thủ tục đăng ký và truy cập vào website của ĐP khi thực hiện TTHC là đơn giản, dễ dàng | 8,47 | 10 | 8,18 | | 9,11 | 9,69 | 10 | 8,75 | 9,17 |
| 4. DN nhanh chóng để tìm được thông tin trên website của ĐP | 8,42 | 9,32 | 8,18 | | 8,04 | 9,69 | 10 | 10 | 9,09 |
| 5. Website công khai kết quả tham vấn, trả lời thắc mắc/ý kiến của DN | 8,42 | 10 | 8,18 | | 8,04 | 9,69 | 10 | 8,75 | 9,01 |



| CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU | ĐỊA PHƯƠNG | | | | | | | | TB Tỉnh |
|--|--------------|--------------|-------------|-------------|--------------|--------------|-------------|-------------|-------------|
| | Tp. Lai Châu | H. Tam Đường | H. Mường Tè | H. Sìn Hồ | H. Phong Thổ | H. Than Uyên | H. Tân Uyên | H. Nậm Nhùn | |
| 1. ĐP công khai lấy ý kiến DN khi xây dựng dự thảo các văn bản pháp luật liên quan đến DN tính đến hết tháng 12 | 7,77 | 8,96 | 7,41 | 7,54 | 8,43 | 8,21 | 9,9 | 8,6 | 8,35 |
| 2. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC | 4,77 | 3,17 | 4,95 | 6,54 | 3,96 | 4,14 | 2,53 | 8,35 | 4,8 |
| 3. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các DN thuận lợi hơn trong tiếp cận với các thông tin, tài liệu quan trọng của ĐP | 4,72 | 3,33 | 4,91 | 6,42 | 4,18 | 4,14 | 2,53 | 9,9 | 5,02 |
| 2 - TÍNH NĂNG ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG | 8,09 | 9,33 | 8,08 | 8,13 | 8,63 | 8,42 | 9,96 | 9,5 | 8,77 |
| 1. ĐP nắm bắt và có phương án xử lý được những bất cập, vướng mắc trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình | 8 | 9,5 | 8,27 | 7,83 | 8,75 | 8,61 | 9,97 | 9,75 | 8,84 |
| 2. ĐP chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh | 7,91 | 9,25 | 8,05 | 8,29 | 8,75 | 8,57 | 9,97 | 9,6 | 8,8 |
| 3. ĐP tích cực vào cuộc thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh | 8,14 | 9,92 | 8,27 | 8,63 | 8,75 | 8,57 | 9,97 | 9,65 | 8,99 |
| 4. ĐP đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh | 8,11 | 9,71 | 8,14 | 8,38 | 8,54 | 8,68 | 9,97 | 9,85 | 8,92 |
| 5. Sáng tạo, mạnh dạn triển khai các mô hình mới, cách thức mới trong việc triển khai chủ trương, chính sách của TW, quyết định của UBND tỉnh theo hướng có lợi cho cộng đồng DN | 8,23 | 9,13 | 7,86 | 8,04 | 8,68 | 8,14 | 9,97 | 9,25 | 8,66 |

| CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU | ĐỊA PHƯƠNG | | | | | | | | TB Tỉnh |
|---|--------------|--------------|-------------|-------------|--------------|--------------|-------------|-------------|-------------|
| | Tp. Lai Châu | H. Tam Đường | H. Mường Tè | H. Sìn Hồ | H. Phong Thổ | H. Than Uyên | H. Tân Uyên | H. Nậm Nhùn | |
| 6. Thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với DN | 8,16 | 8,46 | 7,91 | 7,63 | 8,32 | 7,93 | 9,93 | 8,9 | 8,4 |
| 3 - CHI PHÍ THỜI GIAN | 7,62 | 8,86 | 7,94 | 8,33 | 7,52 | 7,95 | 9,65 | 9,36 | 8,4 |
| 1. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) đúng quy định | 8,38 | 10 | 9,45 | 8,83 | 8,96 | 9 | 10 | 10 | 9,33 |
| 2. Quy trình và thủ tục thực hiện TTHC đơn giản, dễ thực hiện | 8,16 | 9,96 | 9,45 | 8,92 | 8,54 | 9,04 | 10 | 10 | 9,26 |
| 3. Thời gian giải quyết TTHC giảm đáng kể | 8,11 | 9,63 | 9,18 | 8,71 | 8,93 | 9,14 | 9,97 | 10 | 9,21 |
| 4. Không phát sinh các thủ tục, giấy tờ ngoài quy định | 8,28 | 9,29 | 9,09 | 9,33 | 8,54 | 8,96 | 10 | 10 | 9,19 |
| 5. DN phải đi lại nhiều lần để hoàn tất TTHC | 6,3 | 9,33 | 6,23 | 6,29 | 4,25 | 7,57 | 9,83 | 9,95 | 7,47 |
| a. Số lần các đoàn công tác của ĐP tiến hành thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của DN là: | 7,11 | 5,53 | 5,2 | 8,47 | 7,14 | 6,57 | 7,12 | 6,35 | 6,69 |
| 1. Không có hiện tượng nhũng nhiễu trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của ĐP | 8,03 | 9,38 | 8,5 | 8,09 | 7,98 | 7,92 | 9,86 | 8,44 | 8,52 |
| 2. Hoạt động thanh kiểm tra của ĐP không gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh của DN | 8,1 | 9,25 | 8,5 | 8,38 | 8,15 | 8,13 | 9,86 | 9,53 | 8,74 |
| 3. Nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành | 8,33 | 9,13 | 8,63 | 8,68 | 8,33 | 8,13 | 9,93 | 10 | 8,89 |
| 4. Nội dung thanh kiểm tra chồng chéo/trùng lặp với các Sở, Ban, Ngành | 5,43 | 7,13 | 5,19 | 7,65 | 4,35 | 5,07 | 9,93 | 9,3 | 6,75 |
| 4 - CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC | 6,84 | 9,06 | 7,05 | 7,83 | 6,55 | 6,93 | 9,91 | 9,37 | 7,94 |
| 1. Hiện tượng nhũng nhiễu vẫn còn phổ biến, gần như thành yêu cầu mặc định ngầm. | 7,27 | 9,38 | 7,32 | 7,79 | 6,14 | 7,18 | 9,93 | 9,5 | 8,06 |

| CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU | ĐỊA PHƯƠNG | | | | | | | | TB Tỉnh |
|---|--------------|--------------|-------------|-------------|--------------|--------------|-------------|-------------|-------------|
| | Tp. Lai Châu | H. Tam Đường | H. Mường Tè | H. Sìn Hồ | H. Phong Thổ | H. Than Uyên | H. Tân Uyên | H. Nậm Nhùn | |
| 2. DN phải trả chi phí không chính thức nếu muốn công việc được thuận lợi | 7,27 | 8,88 | 7,5 | 8,21 | 6,32 | 7,29 | 9,97 | 9,45 | 8,11 |
| 3. Chi phí không chính thức năm có xu hướng giảm so với các năm trước. | 5,98 | 8,92 | 6,32 | 7,5 | 7,18 | 6,32 | 9,83 | 9,15 | 7,65 |
| 5 - CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG | 8,07 | 9,17 | 7,92 | 8,1 | 8,69 | 8,44 | 9,95 | 9,96 | 8,79 |
| 1. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh | 8,02 | 9,38 | 7,91 | 7,79 | 8,82 | 8,46 | 9,93 | 10 | 8,79 |
| 2. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các nguồn vốn | 7,98 | 9,29 | 7,82 | 8 | 8,89 | 8,46 | 9,93 | 9,95 | 8,79 |
| 3. Không có sự ưu ái, phân biệt đối xử giữa các DN với nhau khi thực hiện TTHC, dịch vụ công | 8,08 | 9,42 | 7,95 | 8,42 | 8,57 | 8,5 | 9,93 | 10 | 8,86 |
| 4. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các chính sách ưu đãi | 8,09 | 8,92 | 7,82 | 7,88 | 8,61 | 8,36 | 9,97 | 10 | 8,7 |
| 5. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đầu thầu, khai thác khoáng sản,...) | 8,03 | 9 | 7,86 | 7,88 | 8,5 | 8,36 | 9,97 | 9,95 | 8,69 |
| 6. Các DN do nữ làm chủ/điều hành và các DN do nam giới làm chủ/điều hành đều được đối xử bình đẳng và có các cơ hội, quyền lợi như nhau. | 8,19 | 9,04 | 8,14 | 8,63 | 8,75 | 8,5 | 9,97 | 9,85 | 8,88 |
| 6 - HỖ TRỢ SẢN XUẤT, KINH DOANH | 7,71 | 8,37 | 8,1 | 6,52 | 8,1 | 8,44 | 8,98 | 7,85 | 8,01 |
| Câu 10. DN đã tham gia các chương trình hỗ trợ DN (mời tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,...) của ĐỊA PHƯƠNG được khảo sát? | 5,94 | 5,92 | 6,09 | 5 | 6,36 | 5,43 | 7,33 | 5,6 | 5,96 |
| 1. Hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc | 8,23 | 9,77 | 8,33 | | 8,82 | 9,58 | 9,71 | 9,17 | 9,09 |

| CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU | ĐỊA PHƯƠNG | | | | | | | | TB Tỉnh |
|---|--------------|--------------|-------------|-------------|--------------|--------------|-------------|-------------|-------------|
| | Tp. Lai Châu | H. Tam Đường | H. Mường Tè | H. Sìn Hồ | H. Phong Thổ | H. Than Uyên | H. Tân Uyên | H. Nậm Nhùn | |
| 2. Triển khai các chương trình (của Trung ương và tỉnh) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ DN hoạt động hiệu quả hơn | 8,39 | 8,64 | 8,33 | | 8,03 | 9,58 | 9,71 | 9,17 | 8,84 |
| 3. Chương trình hỗ trợ của ĐP rất phù hợp với nhu cầu và thực tiễn hoạt động của DN | 8,23 | 8,18 | 8,13 | | 8,16 | 9,58 | 9,57 | 7,92 | 8,54 |
| Câu 11. DN đã từng tham gia các buổi đối thoại DN do ĐỊA PHƯƠNG được khảo sát tổ chức? | 5,79 | 5,67 | 5,18 | 5,08 | 5,64 | 5,43 | 5,47 | 5,6 | 5,48 |
| 1. Chủ trương giải quyết vấn đề sau đối thoại có hiệu quả | 8,6 | 9,69 | 10 | 7,5 | 9,17 | 9,17 | 10 | 8,21 | 9,04 |
| 2. Đơn vị có tiếp thu, thay đổi, hoạt động quản lý hành chính nói chung được cải thiện sau đối thoại | 8,3 | 9,69 | 10 | 7,5 | 9,17 | 9,17 | 10 | 8,93 | 9,09 |
| 3. Chương trình đối thoại với ĐP rất thiết thực với DN | 8,2 | 9,38 | 8,75 | 7,5 | 9,44 | 9,58 | 10 | 8,21 | 8,88 |
| 7 - THIẾT CHẾ PHÁP LÝ | 7,35 | 8,65 | 7,58 | 7,95 | 8,46 | 7,93 | 9,36 | 9,06 | 8,29 |
| 1. ĐP đã thực hiện hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch vì lợi ích của DN | 7,83 | 9,21 | 8,24 | 7,79 | 9,04 | 8,32 | 9,97 | 9,45 | 8,73 |
| 2. Thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh theo đúng quy trình, quy định | 8,02 | 9,46 | 8,23 | 8,63 | 8,86 | 8,39 | 9,97 | 9,85 | 8,92 |
| 3. Thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các nhóm đối tượng | 7,94 | 9,21 | 8,14 | 8,17 | 8,39 | 8,29 | 9,97 | 10 | 8,76 |
| 4. Văn bản pháp luật được điều chỉnh phù hợp và kịp thời với thực tế sản xuất, kinh doanh của DN | 7,84 | 9,08 | 8,36 | 8,33 | 8,64 | 8,18 | 9,97 | 8,85 | 8,66 |
| 5. Thực hiện tốt các công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cộng đồng DN | 8,02 | 8,92 | 8,41 | 9,04 | 8,64 | 8,32 | 9,97 | 9,55 | 8,86 |

| CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU | ĐỊA PHƯƠNG | | | | | | | | TB Tỉnh |
|---|--------------|--------------|-------------|-------------|--------------|--------------|-------------|-------------|-------------|
| | Tp. Lai Châu | H. Tam Đường | H. Mường Tè | H. Sìn Hồ | H. Phong Thổ | H. Than Uyên | H. Tân Uyên | H. Nậm Nhùn | |
| 6. DN đánh giá cao về chất lượng thi hành, thực thi pháp luật của ĐP | 7,9 | 9 | 8,41 | 7,88 | 8,86 | 8 | 9,77 | 9,85 | 8,71 |
| Câu 13. Trong trường hợp cán bộ, nhân viên thuộc ĐỊA PHƯƠNG được khảo sát làm trái với các quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn khi giải quyết TTHC, DN có biết về cơ chế khiếu nại hoặc đã từng khiếu nại lên cấp quản lý có thẩm quyền chưa? | 5,5 | 5,67 | 6 | 5,8 | 4,69 | 6 | 5,89 | 5,84 | 5,67 |
| 1. Khiếu nại luôn được giải quyết thỏa đáng | 7,5 | | 7,5 | | 10 | | | | 8,33 |
| 2. Có cơ chế đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong giải quyết khiếu nại | 7,5 | | 7,5 | | 10 | | | | 8,33 |
| 3. DN phải khiếu nại vượt cấp | 5,42 | | 5 | | 7,5 | | | | 5,97 |
| 8- VAI TRÒ CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU | 7,89 | 9,14 | 8,23 | 8,54 | 9,1 | 8,32 | 9,97 | 9,13 | 8,79 |
| 1. Lãnh đạo ĐP chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ | 7,92 | 9,17 | 8,41 | 8,9 | 9,32 | 8,61 | 9,97 | 9,5 | 8,97 |
| 2. Lãnh đạo ĐP có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN | 7,81 | 9,08 | 8,41 | 8,92 | 9,36 | 8,39 | 9,97 | 9,5 | 8,93 |
| 3. Lãnh đạo ĐP trực tiếp điều hành các buổi tham vấn DN | 7,72 | 9,04 | 8,27 | 8,63 | 9,29 | 8,11 | 9,97 | 9,5 | 8,81 |
| 4. Lãnh đạo ĐP giải quyết triệt để, nhanh chóng các vấn đề cụ thể của DN sau buổi tham vấn, đối thoại | 7,92 | 9,04 | 8,09 | 8,21 | 8,89 | 8,07 | 9,97 | 8,55 | 8,59 |
| 5. Lãnh đạo ĐP kiên trì cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền | 8 | 9,21 | 8,18 | 8,63 | 8,75 | 8,54 | 9,97 | 8,9 | 8,77 |
| 6. Lãnh đạo ĐP đã giám sát và có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý các cán bộ có hành vi những nhiều, gây khó khăn được DN phản ánh | 7,95 | 9,29 | 8 | 7,96 | 9 | 8,18 | 9,97 | 8,85 | 8,65 |

| CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU | ĐỊA PHƯƠNG | | | | | | | | TB Tỉnh |
|--|--------------|--------------|-------------|-------------|--------------|--------------|-------------|-------------|-------------|
| | Tp. Lai Châu | H. Tam Đường | H. Mường Tè | H. Sìn Hồ | H. Phong Thổ | H. Than Uyên | H. Tân Uyên | H. Nậm Nhùn | |
| 9 - ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN | 7,11 | 8,7 | 7,72 | 7,11 | 8,22 | 8,19 | 9,81 | 8,11 | 8,12 |
| 1. Website của ĐP đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin của DN khi thực hiện TTHC | 7,27 | 8,79 | 7,73 | 6,92 | 8,36 | 8,43 | 9,97 | 8,95 | 8,3 |
| 2. Thường xuyên truy cập vào website của ĐP để tìm kiếm các thông tin mà doanh nghiệp mong muốn | 7,09 | 7,21 | 7,64 | 5,83 | 8,14 | 7,93 | 9,4 | 5,25 | 7,31 |
| 3. Website của ĐP hoạt động chất lượng, hiệu quả | 7,28 | 8,98 | 7,68 | 6,96 | 8,21 | 8,25 | 9,93 | 8,4 | 8,21 |
| 4. TTHC của ĐP được cung cấp đầy đủ các mức độ dịch vụ công trực tuyến | 6,86 | 9,25 | 7,73 | 7,67 | 8,21 | 8,25 | 9,93 | 9,05 | 8,37 |
| 5. Website của ĐP có dịch vụ hỏi, đáp/hỗ trợ trực tuyến | 7,03 | 9,25 | 7,82 | 8,17 | 8,18 | 8,07 | 9,83 | 8,9 | 8,41 |
| 10 - TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI | 7,15 | 9,37 | 7,99 | 8,01 | 5,91 | 7,6 | 9,8 | 10 | 8,23 |
| 1. DN gặp khó khăn trong việc tiếp cận hoặc mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh | 6,63 | 9,21 | 7,45 | 7,67 | 4,14 | 6,86 | 9,83 | 10 | 7,72 |
| 2. DN gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục hành chính về đất đai tại các cơ quan Nhà nước của địa phương | 6,86 | 9,21 | 7,91 | 7,5 | 4,36 | 7,18 | 9,47 | 10 | 7,81 |
| 3. Có hiện tượng DN bị thu hồi đất đai (mặt bằng dự án đầu tư) không thỏa đáng | 6,94 | 9,83 | 8,27 | 8,46 | 4,57 | 7,21 | 9,9 | 10 | 8,15 |
| 4. Chính quyền công khai, minh bạch các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương | 7,72 | 9,29 | 8,09 | 8,67 | 8,14 | 8,43 | 9,87 | 10 | 8,78 |
| 5. Chủ động trong giải quyết các vướng mắc về đất đai gây bức xúc tại địa phương | 7,59 | 9,29 | 8,23 | 7,75 | 8,32 | 8,32 | 9,93 | 10 | 8,68 |
| Tổng | 7,56 | 8,92 | 7,84 | 7,83 | 7,91 | 8,06 | 9,61 | 9,16 | 8,36 |



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

BÁO CÁO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG TỈNH LAI CHÂU NĂM 2022

DDCI
LAI CHÂU



P805, số 27 Trần Duy Hưng, Trung Hòa,
Cầu Giấy, Hà Nội
Mail: contact@economica.vn
Tel: +84 24.667.22057

© Economica Vietnam 2022